SỐ 110 – NGÀY 1-8-1961

BACH KHOA

trong số này

NHƯ-UYÊN *một cuộc hội thảo về phát triển kỹ nghệ* • HOÀNG MINH TUYNH *vấn đề Bá Linh* • NGUYỄN HIẾN LÊ *ibn séoud* • THIẾU SƠN *ông phan khôi đã phê bình ông nguyễn văn vĩnh như thế nào* • ĐẶNG VĂN HỒ *một quan niệm y học, một phương pháp trị liệu* • ĐOÀN THÊM *thử tìm hiểu hội họa* • TRẦN QUÝ THÀHH *tưởng niệm merleau ponty* • ĐOÀN NGỌC QUỲNH *tình biển* • DOÃN DÂN *sương mù* • CÔ LIÊU *tội người trong sạch* • TRẦN HUYỀN ÂN *vẫn nhớ cành xưa* • TUYẾT HƯƠNG *phấn đấu* • MẶC THU – MẶC ĐỖ – DOÃN DÂN *trả lời cuộc phỏng vấn văn nghệ của bách khoa* • ĐOÀN THÊM *vô đề* • NGUYỄN TRẦN HUÂN *đời sống học sinh bên âu mỹ* •

Nhân dịp

Lễ lạc trong Gia Đình

QUÍ VỊ NÊN DÙNG :

* Rượu mùi **CURACAO "DiC"**

* Rượu Rhum **CARAVELLE**

lâu năm 44°
và trắng 54°

ngon không kém gì rượu nhập cảng

* * *

Quí vị thường thức luôn **EAU DE VIE 40°**
để thay thế Whisky

XIN HỎI TẠI : **DISTILLERIES DE L'I.C.**
Pasteur Saigon - ĐT. 23.916
và có bán tại đó :

- ALCOOL RECTIFIÉ
- ALCOOL DENATURÉ
- RƯỢU THUỐC "Bổ. Thọ. Tửu"
- DẤM ĂN HẢO-HẠNG CHẾ BẰNG CAO 6°

BÁCH-KHOA

Số 110 — Ngày 1-8-1961

		Trang
NHƯ-UYÊN	*Một cuộc hội thảo về phát triển kỹ-nghệ*	3
HOÀNG-MINH-TUYNH	*Vấn đề Bá-Linh.*	7
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	*Ibn Séoud*	13
THIẾU-SƠN	*Ông Phan-Khôi đã phê bình ông Nguyễn-văn-Vĩnh như thế nào?.* .	23
ĐẶNG-VĂN-HỒ	*Một quan-niệm y-học, một phương-pháp tị liệu*	29
ĐOÀN-THÊM	*Thử tìm hiểu hội-họa.*	36
TRẦN-QUÝ-THÀNH	*Tưởng-niệm Merleau-Ponty* . . .	51
ĐOÀN-NGỌC-QUỲNH	*Tinh biển (thơ).*	62
DOÃN-DÂN	*Sương mù.*	63
CÔ-LIÊU	*Tội người trong sạch.*	77
TRẦN-HUYỀN-ÂN	*Vẫn nhớ cành xưa (thơ)*	86
TUYẾT-HƯƠNG	*Phấn đấu*	87
MẶC-THU — MẶC-ĐỖ — DOÃN-DÂN	*Trả lời cuộc phỏng vấn văn nghệ của Bách-Khoa.*	96
ĐOÀN-THÊM	*Vô đề (thơ).*	103

SINH-HOẠT

NGUYỄN-TRẦN-HUÂN	*Đời sống học-sinh bên Mỹ.* . . .	105

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

HOÀNG-MINH-TUYNH	:	*Vấn đề nước Đức.*
ĐOÀN-THÊM	:	*Thử tìm hiểu hội họa : Thú xem tranh thể hiện và trừu-tượng.*
BỬU-KẾ	:	*Thuận-An thất thủ.*
NGUYỄN-VĂN-THƯ	:	*Cát bụi phù-sinh.*
VƯƠNG-HỒNG-SỂN	:	*Thú chơi sách : Sách giả.*
T. Đ. G.	:	*Giới thiệu nước Hòa-Lan.*
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	:	*Lật qua hồ-sơ thanh-niên.*
— id —		*Vài ý nghĩ về cú-pháp.*
NGUYỄN-THÁI	:	*Danilo Dolci.*
NGUYỄN BẠT-TỤY	:	*Nghề mành ở Tam-Quan.*
VÕ-QUANG-YẾN	:	*Ta biết gì về kim-tinh.*
NGUYỄN-ANH-LINH	:	*Ludwig Feuerbach : người cha thiêng-liêng của nhân-bản vô-thần.*
VÕ-PHIẾN	:	*Những buổi mai đẹp.*
TRẦN-VĂN-KHÊ	:	*Nhạc-khí dùng trong lối « ca Huế » và lối « đờn tài tử ».*
— id —		*Đại hội Tê-hê-răng và việc bảo vệ truyền thống âm-nhạc.*
MINH-ĐỨC	:	*Lão Duy-Minh và con nhện.*
VŨ-HẠNH	:	*Người thầy thuốc.*
NGUYỄN	:	*Cần chết* (truyện dịch).
THẠCH-HÀ	:	*Một chuyến xuất hành.*

MỘT CUỘC HỘI THẢO VỀ PHÁT TRIỂN KỸ NGHỆ

★ NHƯ-UYÊN

NGÀY 12 tháng 7 vừa qua, tại Câu-lạc-bộ báo-chí, hội cựu sinh-viên Đại-học Mỹ đã tổ-chức một cuộc thảo-luận về vấn-đề phát-triển kỹ-nghệ với sự tham-dự và hướng-dẫn của bác-sĩ Eugène Staley, Giám-đốc viện nghiên-cứu thuộc trường Đại-học Stanford, tiểu-bang California. Như chúng ta đã biết, Bác-sĩ E. Staley cầm đầu một phái-đoàn do Chánh-phủ Hoa-Kỳ cử sang Saigon để nghiên-cứu với chuyên-gia Việt-Nam một chương-trình phát-triển kinh-tế khẩn-cấp nhằm mục-đích, song song với hoạt-động quân-sự, chặn đứng những mưu toan phá hoại của Cộng-sản.

Tuy đề-tài là phát-triển kỹ-nghệ nói chung, bác-sĩ E. Staley đặc-biệt chú-trọng đến những kỹ-nghệ cỡ nhỏ và trung-bình, tức là những xí-nghiệp, theo ý ông, dùng dưới 100 nhân-công. Tiêu-chuẩn số lượng nhân-công có tính cách khách-quan hơn cả, mặc dầu có nơi như Nhật-Bản, người ta coi là kỹ-nghệ cỡ nhỏ và trung-bình những xí-nghiệp dùng không quá 300 nhân-công. Nếu chấp nhận tiêu-chuẩn này, chúng ta sẽ thấy đại đa số kỹ-nghệ hiện có tại Việt-Nam không thuộc loại đại kỹ-nghệ.

Theo nhận xét của ông E. Staley, khi nói đến kỹ-nghệ-hóa, người ta thường chỉ nghĩ đến những đơn-vị đại-quy-mô mà quên việc canh-tân những tiểu kỹ-nghệ hiện hữu hoặc thiết-lập những tiểu kỹ-nghệ có tính cách tân tiến. Ông dẫn chứng rằng ngay tại các nước kỹ-nghệ tân tiến, những xí-nghiệp dùng dưới 100 nhân công chiếm từ 90 phần trăm tổng số trở lên ; tại một vài nước sức sản xuất của những kỹ-nghệ này không thua kém đại kỹ-nghệ.

Đối với những nước đương tiến tới một nền kinh tế tân tiến, viễn tượng có thể tóm tắt như sau ; thủ công nghiệp có tính cách gia-

đình phải tiêu diệt, tiểu công nghệ phải cải tiến và tiểu hay trung kỹ-nghệ phải được phát triển.

Tiểu hay trung kỹ-nghệ có thể đứng vững trong những điều kiện nào ?

a) Tiểu và trung kỹ-nghệ có thể thắng đại kỹ - nghệ trong trường hợp kinh phí chuyên chở chiếm phần lớn giá thành (việc sản xuất gạch ngói) hay hàng hóa dễ hư thối (một số thực phẩm chế biến sẵn). Một thị trường nhỏ bé đủ cung cấp cho nó đất sống, thí dụ việc sản xuất máy móc, dụng cụ tinh vi. Về phương diện luật - lệ lao-động, người ta có thể châm-chước ít nhiều đối với xí-nghiệp cỡ nhỏ hay cỡ trung ; đó là điều đáng kể trong việc cạnh tranh với các xí-nghiệp lớn.

b) Tiểu và trung kỹ-nghệ có thể « lấp lỗ trống » giữa các kỹ-nghệ sản xuất đại quy mô những hàng nhất định. Thí dụ song song với một nhà máy chuyên sản xuất xe đạp người lớn, một nhà máy nhỏ sản xuất xe đạp trẻ con, xe ba bánh vẫn phát đạt như thường.

c) Xí-nghiệp cỡ nhỏ hay cỡ trung có thể cung cấp bộ phận cho những xí.nghiệp lớn. Một xí-nghiệp nhỏ không thể nghĩ đến việc sản-xuất xe hơi hay máy bay nhưng trái lại nếu xí-nghiệp lớn phải sản xuất tất cả các bộ phận cần thiết để lắp thành một chiếc xe hơi hay một chiếc máy bay thì công việc sẽ kém phần hiệu quả. Trong năm 1956, hãng xe hơi Ford giao-dịch với 20.000 nhà cung cấp các loại, hãng United States Steel Corporation, giao-dịch với 50.000 nhà và hãng Eastman Kodak Company, giao-dịch với 3.500 nhà. Ở Nhật-Bản, các xí - nghiệp cỡ nhỏ hay cỡ trung thường hoạt động cho những nhà máy lớn. Trong nhiều trường hợp, mối tương quan này đưa đến sự lệ thuộc hoàn toàn.

d) Xí - nghiệp cỡ nhỏ và trung có ưu thế để đưa ra thị trường sản phẩm mới lạ rồi sẽ bành trướng cùng với sự sản xuất. Các nhà tiên phong trong kỹ - nghệ xe hơi đều khởi sự với những phương-tiện eo hẹp. Kỹ-nghệ điện tử mới đầu cũng gồm nhiều xí-nghiệp nhỏ khai thác một vài phát minh mới.

e) Xí nghiệp nhỏ (hay đúng hơn xí-nghiệp cung cấp « dịch vụ » thay vì sản xuất tiểu công nghệ) có thể chuyên về việc gắn ráp, gìn giữ và sửa chữa những sản phẩm của đại kỹ-nghệ. Thí dụ những hãng sửa xe hơi, đồ điện, nông cụ, v.v...

Theo qnan điểm của ông E. Staley, tại các nước đang phát triển, kỹ.nghệ cỡ nhỏ và trung bình có nhiều yếu tố thuận lợi để tồn tại cùng với đại kỹ-nghệ. Thị trường bị phân tán về phương diện địa-dư vì lẽ hệ thống giao thông còn thiếu sót. Khả-năng điều khiển những tổ hợp lớn lao còn ít ỏi. Tiểu doanh gia dễ góp vốn bằng cách kêu gọi họ hàng hay người quen thuộc. Tuy vậy rất cần phải chọn lọc

những ngành hoạt động để dìu dắt và nâng đỡ mới mong thành công được.

Sau đó, Ô. E Staley tóm tắt những phương pháp và biện pháp khả dĩ khuyến khích sự canh tân những xí-nghiệp cỡ nhỏ và trung bình :

1) *Tạo bầu không khí thuận lợi cho phát triển kỹ-nghệ.* Trước hết cần phát triển nông nghiệp để tăng gia lợi tức của nông dân tức là mở rộng thị trường cho sản phẩm kỹ-nghệ. Thị trường ngoại quốc cũng cần được thăm dò đề phòng khi lợi tức nông dân chưa tiến theo đà mong muốn. Thứ nữa, chánh quyền phải ban hành luật lệ và tỏ thái độ khuyến khích doanh gia chọn đường kỹ-nghệ, giúp họ khuếch trương hoạt động nếu họ đã thu thập thêm kinh nghiệm và gặp thời cơ thuận tiện. Sau hết, cần tạo hệ thống cung cấp điện lực, chuyên chở, cung cấp nước, cơ sở y-tế và giáo dục, nói tóm lại tất cả những yếu tố hạ tầng cơ sở vật chất và xã-hội thiết yếu cho phát triển kỹ-nghệ.

2) *Đào tạo doanh-gia.*— Tại nhiều nước chánh quyền hay những tổ chức tư-nhân mở các lớp huấn-luyện để giúp doanh-gia những kiến-thức cần thiết trong việc điều-khiển và quản trị xí-nghiệp.

3) *Sở chỉ dẫn kỹ-nghệ,* có liên lạc mật thiết với các sở nghiên-cứu. Những chủ xí-nghiệp sẽ được chỉ bảo về các vấn đề kỹ-thuật sản xuất cùng những vấn đề quản trị kinh tế và thương mại. Sở chỉ-dẫn kỹ-nghệ có thể so sánh với sở khuyến nông đối với nông gia.

4) *Sở nghiên cứu kỹ-nghệ.*— Như trên đã nói, sở chỉ-dẫn phải dựa vào kết quả các công việc nghiên cứu. Mặt khác, có sở nghiên-cứu mà không có sở chỉ-dẫn thì cũng không đi đến đâu. Công việc nghiên-cứu cũng chia ra hai lãnh vực : các vấn đề kỹ-thuật sản-xuất và các vấn đề kinh tế, quản trị.

5) *Tài-trợ tiểu và trung kỹ-nghệ — Tín dụng theo rõi* — Tiểu và trung kỹ-nghệ không thể tìm vốn trên thị trường tín dụng. Trong việc tổ chức tài trợ tiểu và trung kỹ-nghệ, người ta không tránh được những khó khăn vì việc quản trị nhiều món nợ nhỏ tốn tiền hơn quản-trị một món nợ lớn, vì những bất trắc lớn hơn sự thiếu kinh-nghiệm, thiếu tài năng điều khiển của tiểu doanh gia. Thực ra, đối với tiểu hay trung kỹ-nghệ, không phải chỉ có vấn đề giúp vốn mà thôi. Xí-nghiệp không phát đạt có thể tại thiếu sự hoạch-định công việc, kỹ-thuật cổ hủ, tổ chức thương-mại vô hiệu, quan-niệm sản phẩm không đúng, thiếu kế-toán giá thành. Do đó phải áp dụng phương pháp « tín dụng theo rõi » hòa hợp việc cho vay với sự chỉ dẫn, sự huấn-luyện doanh gia. Nhiều nước tân-tiến đã thiết lập những cơ-quan đặc-biệt để cung cấp tín-dụng một cách dễ dàng cho tiểu doanh-gia.

6) *Xử dụng chung phương-tiện sản xuất.* — Trong công việc sản-xuất,

một số tác động đòi hỏi máy móc tinh-vi, tồn tiền. Những trung tâm để tiểu doanh-gia xử dụng chung những máy móc ấy sẽ rất hữu ích. Những trung tâm này sẽ phổ biến kỹ thuật tân-tiến, để nâng cao và giữ vững phẩm chất hàng hóa

7) *Khu kỹ-nghệ.* - Đây là những khoảnh đất đã được phân lô và trang bị để dành cho một nhóm xí-nghiệp kỹ-nghệ. Người thuê hay mua xưởng khỏi phải lo giải quyết những vấn-đề cung cấp điện, nước, mở mang đường xá. Những khu kỹ-nghệ đầu tiên đã được thiết lập cách đây sáu, bảy mươi năm tại Anh-quốc và Mỹ-quốc. Ấn - Độ đã áp dụng phương pháp này trên một bình diện rộng lớn.

8) *Giúp đỡ trong việc bán hàng* — Tiểu doanh gia thường không đủ phương tiện nghiên cứu thị trường. Vấn-đề thương mại có thể giao cho những cơ quan riêng, thí dụ hợp-tác-xã.

9) *Khế-ước ký với những hãng lớn và sự giúp đỡ của những hãng này.*— Muốn khuếch trương kỹ-nghệ tại một vùng có nhiều khả năng, người ta có thể thúc đẩy một vài hãng lớn thiết lập công xưởng tại đó, khiến có những kỹ-nghệ nhỏ phụ thuộc có cơ nẩy nở. Những hãng lớn sản xuất nguyên liệu hay dụng cụ trang bị thường cung cấp dịch vụ kỹ-thuật cùng với hàng hóa, nhờ vậy những xí-nghiệp nhỏ được chỉ dẫn một phần nào.

10) *Cung cấp cho chánh quyền.* – Tại nhiều nước, người ta nhận thấy một cố gắng tổ chức để dành cho tiểu xí-nghiệp cung cấp một phần những thứ hàng chánh quyền cần mua sắm. Nhiều khi như vậy chánh quyền mua được rẻ hơn.

11) *Hệ-thống kiểm soát phẩm chất hàng hóa.* Biện-pháp này rất cần đối với hàng xuất-cảng.

12) *Giúp đỡ trong việc mua nguyên liệu và dụng cụ trang bị.*

13) *Tổ hợp những xí-nghiệp hợp-tác-xã.* Ta phải nhận-định rằng những xí-nghiệp nhỏ bé quá không thể hoạt-động được. Hoặc giả người ta để cho những xí-nghiệp được quản-trị khéo léo bành trướng ra và những xí-nghiệp thua kém sẽ rút lui hoặc bị thu hút. Hoặc giả người ta tổ-chức hợp-tác-xã.

14) *Hiệp hội tương-trợ kỹ-nghệ.* Tại nhiều nơi, người ta nhận thấy rằng thay vì trực tiếp giúp đỡ doanh-gia, chánh-phủ trợ cấp những tổ-chức tư-nhân hoạt-động với mục-đích khuyến khích sự bành trướng kỹ-nghệ ; giải pháp thứ hai này đỡ tốn tiền hơn.

* * *

Cuộc thảo-luận tường thuật trên đây, theo hình-thức là một nghị-luận hội (panel discussion). Dăm, ba chuyên-viên tranh luận về một đề-tài. Sau đó cử tọa tham-gia ý-kiến bằng cách nêu ra những câu hỏi và góp phần thảo-luận.

Ông E. Staley đã nói trước rằng ông trình-bầy vấn-đề một cách tổng quát và ước mong được biết quan-điểm Việt-Nam. Tuy các vị khác trong nghị-luận đoàn có phát-biểu ít nhiều ý-kiến, chúng tôi thấy rằng vì thời giờ dành cho cuộc thảo-luận quá ngắn đối với một vấn-đề quá rộng, nên cuộc thảo-luận chưa được thấu đáo, cử tọa không có cơ hội tham-gia ý-kiến. Mong rằng hội cựu sinh-viên đại-học Mỹ hay một tổ-chức khác sẽ có dịp trở lại vấn-đề.

NHƯ-UYÊN

HOÀNG-MINH-TUYNH

VẤN ĐỀ BÁ LINH

Trong số các vấn-đề được đưa ra bàn cãi trong cuộc hội-kiến giữa Tổng - thống Kennedy và chủ-tịch Khrouchtchev, có vấn-đề xét lại qui-chế Tây-Bá-Linh là vấn-đề được cả hai bên đặc-biệt chú trọng. Về phía Xô-viết, người ta không cần giấu giếm, mà nói trắng ra rằng : vấn-đề sẽ giải quyết bằng phương - pháp hòa - bình, song nhất định phải giải quyết trước cuối năm nay, nếu cần sẽ đành phải kết thúc hòa - ước riêng với Cộng-hòa nhân-dân Đức

Nhưng bởi các nước Tây-minh cũng nhất-định khước từ việc chấp nhận một giải-pháp có thể đưa Tây-Bá-Linh tới bước hiểm nguy và gây tai hại cho chế độ tự-do họ đang được hưởng, chúng ta ngờ rằng nếu khối Cộng-sản đơn phương thay đổi nguyên trạng một cách đột ngột, chắc chắn một cuộc khủng hoảng quốc-tế trầm trọng sẽ phải diễn ra.

Vấn-đề Tây-Bá-Linh trước hết là vấn-đề thuộc nội bộ của hai nước Đức, song ảnh hưởng của nó có chiều triển-dương xa rộng, khó lòng lường trước được hạn giới. Tuy nhiên, muốn hiểu rõ vụ này cho thật tường tận, điều cần thiết đầu tiên phải chăng là thử cùng nghe hai nước Đức, hai phe trực tiếp quan hệ, phô-diễn lập trường và luận điệu của họ thế nào. Đó thiết tưởng cũng là phương tiện duy nhất chúng ta có thể dựa vào để ức đoán coi xem giữa hai phe liệu có thể đi tới chỗ thỏa hiệp với nhau trên điểm nào chăng.

Tờ « Le Monde diplomatique » gần đây có đặt câu hỏi với hai đại diện có đủ tư cách nhất của Cộng-hòa liên-bang Đức và Cộng-hòa nhân-dân Đức và yêu cầu cả chính-phủ hai nước Đức, mỗi bên trình bày quan điểm của mình. Chúng tôi xin dịch nguyên-văn hai bài phúc đáp dưới đây để quí vị độc-giả tường lãm.

Sự thương tổn của nền dân chủ Âu châu tùy thuộc vấn đề nước Đức.

của Ernst Lemmer *Tổng Trưởng liên bang Đức vụ*

Vụ Bá-Linh có liên quan mật thiết với vấn-đề nước Đức và không thể tách rời ra được. Việc phân chia Âu-châu ở ngay trung tâm nước Đức là một yếu-tố quyết định trong cuộc phân tranh Đông Tây. Quan niệm đối lập tự căn để giữa các chế độ dân chủ Tây Minh và các chế độ độc tài Cộng-sản về tự do, pháp luật, tiến bộ, trật tự, và cả hòa bình, đã gây ra nhiều cuộc khủng hoảng. Bá-Linh là điểm chủ yếu, là điểm mà cuộc phân tranh ngấm ngầm diễn ra ở trung tâm lục địa chúng ta.

Những yếu tố lịch sử và chánh trị

Việc đánh bại nước Đức Quốc-xã là mục đích chung của các nước Đồng minh. Hitler gây hấn đã khiến cho các nước này kết tập nhau lại để cùng chống chế độ độc tài quốc-xã phát triển, song đồng thời lại theo đuổi những mục tiêu khác nhau : các nước Tây Minh thì muốn tiêu hủy sào huyệt phát-xít tại Âu-châu và, căn cứ vào sự thỏa thuận của các dân tộc Âu-châu, cố công thiết lập nền tảng cho một chế độ dân chủ chân chính. Liên-Xô, trái lại, triển dương cuộc đô hộ của họ ra tận ranh giới sông Elbe, không đếm kể gì đến các nguyện vọng chính trị của các dân tộc Âu-châu bị ức chế, mà chỉ nghĩ đến cách thể bành trướng ý thức hệ khuyếch trương và quân sự của mình. Trong khu vực chiếm đóng của họ tại Đức, ngay từ năm 1945, Liên-Xô đã khởi sự ép buộc các phần tử dân chủ chống quốc-xã phải thừa nhận chế độ « xã-hội chủ nghĩa », coi nó là « chế độ dân chủ » chính cách và là thể chế duy nhất có giá trị của « một nước Đức hòa bình ». Một một trong những việc bạo hành quan trọng bực nhất, có dụng ý chia rẽ nước Đức về phương diện chính trị là việc cưỡng chế sáp nhập đảng S.P.D. (đảng xã-hội — dân chủ) vào đảng K.P.D (đảng Cộng-sản) từ trước vốn phải chịu cảnh ngộ thiểu số một cách tuyệt vọng, để hợp thành đảng S E.D. (đảng xã-hội chủ nghĩa thống nhất), cũng như việc thành lập một « khối chống phát-xít » cho các đảng phái không thuộc Mác-xít, khiến các đảng này phải buộc lòng chịu lệ thuộc hoàn toàn vào bọn Cộng-sản và phải từ bỏ đặc tính dân chủ của họ. (Trái lại, trong vùng chiếm đóng của họ tại nước Áo, người Xô-viết chịu để tại chỗ một chế độ dân chủ Tây-Phương và chịu nhận vai trò thiểu số cho đảng Cộng-sản Áo. Chính nhờ đấy mà khi rút khỏi khu vực này hồi 1955, người Xô-viết không ngại cho uy danh của họ phải bị suy giảm).

Một trong số các thỏa hiệp cuối cùng về nước Đức, hiện nay vẫn còn giá trị, có khoản qui định rằng : « Nước Đức, theo biên giới thiết lập tới ngày 31-12-1937, sẽ chia ra làm bốn khu vực chiếm đóng, mỗi khu vực giao cho một trong bốn cường quốc, và một lãnh địa đặc biệt là lãnh địa Bá-Linh cùng do bốn cường quốc chiếm đóng » Thỏa hiệp trên đã kết thúc trước khi kết liễu chiến tranh giữa Hiệp-chúng-quốc, Anh quốc và Liên-Xô, rồi sau đó Pháp quốc cũng gia nhập theo. Trên bình diện hình thức, việc ấn định thể thức chiếm đóng Đức quốc và quyết nghị đặc biệt về Bá-Linh chứng giải hiển nhiên có sự liên hệ bất khả phân ly giữa vấn đề Bá-Linh và vấn đề Đức quốc. Tính chất nhất trí về mặt pháp lý trong các vấn đề căn bản thể hiện ra bằng trách nhiệm của cả bốn cường quốc đối với Đức quốc và Bá-Linh, đó là điều không ai có thể chối cãi và rất phù hợp với tình trạng thiết thực.

Vấn đề Bá-Linh không phải chỉ nằm trong sự phân chia đô thị này ra thành Tây Bá-Linh do Minh ước Bắc Đại Tây dương bảo vệ — đặc biệt là ba cường quốc Tây-Minh và khu Xô-viết. Nó là một qui kết tất nhiên của vấn đề Đức quốc vốn là vấn đề chưa từng được giải quyết dứt khoát. Tây Bá-Linh bao bọc bởi lãnh địa đặt dưới quyền khống chế của Xô-viết. Nhân dân trong khu vực vẫn luôn

luôn ở trong tình trạng không thể phát biểu ý kiến để tự định đoạt lấy số phận mình.

Tình trạng Bá-Linh có trái thường nghịch lý không ?

Mạc-Tư-Khoa tỏ ý muốn « bình thường hóa tình trạng Tây Bá-Linh ». Không ai hoan nghênh sự bình thường hóa chân chính tình trạng Bá-Linh hơn người Đức.

Liên-Xô hiểu nghĩa « bình thường hóa » khác hẳn các nước Tây-Minh. Họ hiểu đó là cách để cho Liên-Xô được vĩnh viễn can thiệp vào các việc thuộc nội bộ dân tộc Đức hòng cứu vãn chế độ của Ulbricht do Đông-Đức tạo nên : Chế độ này không phát xuất tự nhân dân Đức, không có đủ tiêu chuẩn của một nước Cộng-hòa Dân-chủ, Liên-Xô mệnh danh nó là « Cộng-hòa nhân dân Đức », là « nước Đức thứ hai », nó không hề được các quốc gia không cộng-sản trong hoàn vũ nhìn nhận nên nó chính là một quái tượng, vừa trái thường, vừa nghịch lý. Các sự việc xảy ra chứng tỏ cách duy trì giả tạo chế độ cảnh sát hiện hành trong khu vực Xô-Viết mới là điều trái thường nghịch lý : chế độ Ulbricht chẳng hề được hợp thức hóa bằng tuyển cử tự do bao giờ. Chế độ ấy không sợ gì bằng sợ một cuộc trưng cầu dân ý dưới quyền giám sát quốc tế. Toàn thể dân tộc Đức, thế giới tự do và cả người Xô-Viết đều biết chế độ độc tài ấy đàn áp ý chí của nhân dân, và một cuộc đề kháng kiên trì theo tinh thần Ki-tô-giáo và xã hội dân chủ không hề từ bỏ hy vọng thấy một ngày kia chế độ khủng bố ấy sẽ phải chấm dứt. Cuộc khởi nghĩa của công nhân ngày 17 tháng sáu 1953 là bằng chứng sán lạn về cuộc đề kháng tiềm tàng trên. Cuộc tỵ nạn của hơn 2 triệu rưỡi người (trung bình 600 một ngày) nguyên từ năm 1949, năm « thành lập nước Cộng-Hòa nhân dân Đức », là một cuộc trưng cầu dân ý mỗi ngày chống lại người cộng-sản Đức. Người ta không thể nào nói tới việc củng cố chế độ được. Số người tỵ nạn ngày càng tăng gia từ một năm nay, mặc dù sự kiểm sát ngày càng nghiêm nhặt và mặc dù hình phạt thật khắt khe được đem ra thi hành cho những vụ mưu toan tẩu thoát hoặc dung túng hay đồng lõa. Tỷ lệ thanh niên dưới 25 tuổi trong số tỵ nạn bao giờ cũng lên tới 50%. Tỷ lệ công nhân và nông dân chừng 55%. Trong số 200.000 người tỵ nạn năm ngoái, có tới 3.933 đảng viên đảng S. E. D. Một chế độ buộc lòng phải cô lập nhân dân với thân quyến họ trong một vùng của đất nước bằng những hàng rào dây kẽm và lô-cốt, bằng cách hạn chế khắt khe sự thông thương, chính là chứng cứ hàng ngày tỏ ra cho thế giới biết sở dĩ chế độ tồn tại được thật là nhờ bởi có sự hiện diện của 400.000 binh sĩ Xô-Viết... Liên-Xô gọi tình trạng đó là « bình thường » và chế độ Ulbricht là « nước Đức duy nhất tự do và hợp hiến pháp », là nơi « nương tựa của những người yêu chuộng hòa bình ». Cố nhiên là quan niệm « bình thường » ấy trái nghịch hẳn với quan niệm về tự do, luật pháp, tự quyết và nhân đạo của chúng ta.

Điều hiển nhiên đó khiến chúng tôi có thái độ hoài nghi rất sâu xa đối với đề nghị của người Xô-Viết về việc « bình thường hóa » tình trạng Bá-Linh. Điều chúng tôi coi là trái thường nghịch lý,

chính là sự từ khước thường xuyên của Liên-Xô, không chịu trả quyền dân tộc tự quyết cho 17 triệu người thuộc quốc gia của chúug tôi, thuộc cộng đồng Âu-châu của chúng ta, trong khi cũng một Liên-Xô ấy lại xuất hiện trước Liên-Hiệp-Quốc, tại Châu Phi, Châu Á và Châu Mỹ la tinh, tự bảo mình là kẻ bênh vực hộ trì cho chủ nghĩa chống thực dân. Sự hoài nghi của chúng tôi được xác nhận bởi sự kiện người Xô-Viết chỉ muốn thay đổi tình trạng Tây-Bá-Linh, còn đối với họ, tình trạng trong khu vực của họ thì « bình thường », một cách không thể chối cãi. Bởi Bá-Linh vốn do một quy chế của bốn cường quốc cùng quản trị, nên cuộc tranh luận về Bá-Linh phải đề cập tới toàn bộ đô thị Bá-Linh mới được.

Nguyên việc chấp nhận tranh luận về « vấn đề đặc biệt Tây Bá-Linh » có thể coi là một bước nguy hiểm trên con đường đầu hàng trước thủ thuật ngoại giao của Kremlin.

Chiến thuật của người Xô-viết trong vụ Bá-Linh không có gì khó hiểu. Trên bình diện quốc tế công pháp, hành vi « bình thường hóa » đầu tiên là chấm dứt qui chế tứ cường, chấm dứt tránh nhiệm của tứ cường đối với Bá linh, thực tế là chấm dứt quyền của ba nước Tây Minh được bảo vệ Tây Bá-Linh : nếu không tức khắc thì lần lần cho tới khi tước bỏ hẳn, trong một thời gian hạn định, quyền, hiện diện của Tây Minh tai Bá-Linh, do kết ước, gồm cả quyền của Cộng hòa nhân dân Đức được lui tới, ra vào. Nếu Tây Minh thừa thuận, phục tòng đề nghị của người Xô-viết, thì Tây Bá-Linh sẽ bị phó mặc cho tham vọng thao túng của Liên Xô hay của tay sai dễ bảo của họ là bọn cộng sản Đông-Bá-Linh, bọn này vốn coi Tây-Bá-Linh tự do là một sự chướng tai gai mắt không thể dung túng được, vì Tây-Bá-Linh tự do là cơ hội thường xuyên cho người ta so sánh chế độ dân chủ với chế độ độc tài. (Chúng tôi rất hiểu rằng trong viễn tượng cộng sản, cái « hỏa đăng tự do » ấy là một « quái tượng »).

Dù có kết thúc được những qui định mới chăng nữa, những qui định này cũng không thể nào thay thế được sự hiện diện của các nước Tây-Minh để bảo vệ hữu hiệu Bá-Linh. Có thể ngày kia người Xô-viết sẽ tuyên bố các thỏa hiệp không còn giá trị và lại gây ra khủng hoảng hòng thay đổi nguyên trạng mới có lợi cho họ. Trong trường hợp Liên-Xô hay chế - độ Ulbritch không giữ lời cam kết, muốn thi hành biện pháp đối phó, tất nhiên Tây-Minh phải huy động cuộc can thiệp tự bên ngoài vào, phải đi ngang qua hay bay trên khu vực Xô-viết, bấy giờ Liên-Xô sẽ giải thích hành động của Tây-Minh là hành động « vi phạm lãnh thổ » của họ hay là hành động gây hấn của phe tư bản chủ nghĩa. Do quyền phủ quyết của phe Xô-viết, sự can thiệp của Liên-hiệp-quốc trở nên vô hiệu lực.

Những mục tiêu dài hạn của Liên-Xô

Có phải người Xô - Viết chỉ muốn củng cố cuộc khống chế của họ từ Vladivostock tới Helmstedt, nghĩa là trên khoảng 250 cây số từ biên- giới Pháp không ? Nếu họ đạt tới chỗ hất được ba nước Tây-Minh ra khỏi Bá-Linh và sáp nhập vào khu vực của họ phần đất

của toàn bộ Âu-Châu dân-chủ và thế-giới tự-do này, thì bước tiến của họ chứng tỏ mười sáu năm sau chiến-tranh, ngoài ý định duy trì các vị trí đã đoạt được, Liên-Xô còn có dụng tâm muốn mở rộng thêm vùng chiếm đóng của họ ra bằng một sách lược tấn công nữa.

Trước hết đường phân giới họ đã tiến đến trong cuộc chiến-đấu chống Hitler — nhờ viện-trợ của Tây-Minh — người Xô-viết có thể coi nó là biên cương đã được qui-định dứt khoát cho khu vực khống chế của họ, do thỏa thuận cũng của Tây-Minh. Do đấy, con đường đạt đến trong khuôn khổ một cuộc chiến-tranh tự vệ chính đáng, trở thành biên cương bất chính đáng rõ rệt sau mười năm áp chế, con đường ấy sẽ được thế-giới tự-do thừa nhận.

Sự « thừa nhận » một nguyên trạng, có tính chất tạm thời, làm cho người Xô-viết rất tức tối, sự thừa nhận này đã đủ làm họ được thỏa lòng mãn ý chưa ? Tôi tin là chưa đủ, vì tôi muốn làm vinh dự cho các vị lãnh-tụ Cộng-sản, mà coi lời tuyên-bố của họ cần triển-dương chủ-nghĩa Cộng-sản ra khắp hoàn-cầu là lời tuyên-bố đứng đắn.

Mọi sự xảy ra cho phép chúng ta tin rằng người Xô-viết coi việc ổn định cuộc khống chế Âu-Châu của họ chỉ là một *mục tiêu tạm thời* ; thật ra họ có những dự tính rộng lớn hơn nhiều. Họ biết rằng người Xô-viết thành công trong vấn-đề Bá-Linh sẽ làm tiêu tan hy-vọng của những người đang mong chờ thực hiện nguyện vọng độc-lập ở sau bức màn sắt, như người Hung-Ga-Ri, người Ba-Lan, chẳng hạn.

Cuộc đề kháng anh dũng và thống khổ của người dân Âu-Châu này ít được ai biết đến và chúng ta thường hay có khuynh hướng lãng quên, cuộc đề kháng ấy tự biết rằng ngay nay nó không thể hy-vọng « roll back » nữa. Song ít nữa, điều nó hy-vọng ở các dân-tộc tự-do chính là sự kiên trì, sự dũng cảm trong cuộc tranh luận với người Xô-viết, sự cương quyết. sự thủy chung đối với chính đất đai của họ. Chúng ta có quyền làm nản lòng hàng 100 triệu người Âu-Châu không Cộng-sản đang mong chờ chúng ta đem lại độc-lập đã bị tước đoạt mất không ? Dân-tộc Đức chắc sẽ nhận thấy rõ trong cảnh thoái lui ít nhiều che đậy của Tây-Minh, bằng chứng 17 triệu đồng-bào của họ bị bỏ rơi, không còn hy-vọng gì khôi phục được tự-do nữa. Không phải tôi khinh xuất mà viết ra những dòng này. 40 % dân chúng Cộng hòa liên bang có gia đình trong khu vực cộng sản. Bị lâm vào tình trạng trên, hiển nhiên là dân tộc Đức sẽ sinh ra chán ngán, thất vọng, nghi ngờ sự cương quyết của các quốc gia tự do đối với giá trị đạo đức của chính họ, nghi ngờ cả sự đứng đắn, phải lẽ trong chính sách hữu nghị và liên kết của mình với Tây Minh nữa.

Làm giảm suy tín nghĩa Tây Minh trước mắt dân tộc Đức

Đó là điều người Xô-viết nhằm trong mưu toan chung cục của họ : làm giảm suy tín nghĩa Tây Minh trước mắt dân tộc Đức và thế giới tự do ; làm tăng gia uy thế Liên-Xô ; làm nản chí Cộng hòa Liên bang với tư cách đồng minh của các quốc gia dân chủ. Minh ước liên phòng Bắc Đại Tây Dương, Minh ước liên phòng Đông Nam Á, các lời tuyên bố bảo đảm của các nước Tây Minh bấy giờ sẽ hoàn toàn

mất hết giá trị trước mắt các dân tộc Châu Á và Châu Phi. Lý tưởng của các nước dân chủ Tây phương : tự do, luật pháp và độc lập sẽ bị tiêu hủy lần và sẽ bị coi khinh rẻ bởi không thành công trong cuộc đề kháng chống hiểm họa cộng sản, trong khi các thỏa hiệp và pháp qui lịch sử cùng lòng dân ở về phe họ. Không gì phục vụ đắc lực cho mục tiêu của Liên-xô mà các lãnh tụ Tây Minh vẫn thường tố cáo, hơn là sự nhượng bộ trong vấn-đề Bá-Linh và nước Đức.

Đối tượng tranh thủ

Tại Bá-Linh là nơi có tổ chức các cuộc tuyển cử tự do, số phiếu bầu cho Cộng-sản chỉ được có 1,9%, có mối hiểm họa này còn quan trọng hơn mối hiểm họa mất tự do của 2 triệu, 2 người. Bá-Linh chính là chỗ để cho các nước Tây Phương chứng minh mối đồng tâm nhất trí và lý tưởng của mình.

Ngày 25 tháng Tư 1960, Tổng-thống Cộng-Hòa Pháp, thượng-tướng De Gaulle đã minh định trước Quốc-hội rằng niềm xác tín thâm sâu là lực lượng và hy vọng mạnh mẽ cho các dân tộc tự do hơn là uy thế quân bị :

« Nếu về phương diện vật chất, có sự quân bình giữa hai khối hiện đang chia rẽ hoàn cầu ; về phương diện tinh thần, sự quân bình quả là không có. Nước Pháp đã lựa chọn đứng bên các dân tộc tự do. Song điều dẫn đưa và gìn giữ nước Pháp đứng về phía các ông, chính là niềm xác tín rằng rút cuộc trật tự thế giới đòi hỏi phải có dân chủ trên địa hạt quốc gia và quyền dân tộc tự quyết trên bình diện quốc tế.».

Liên-Xô xác nhận không muốn chiến tranh. Thật ra thì không ai muốn chiến tranh cả. Nhưng bóp nghẹt tự do một cách hòa bình cũng không thể chấp nhận được. Chúng tôi có bổn phận phải nói rõ ràng cho Liên bang Xô-viết biết như thế. Hòa-bình đã bị hăm quá mức khiến chúng tôi không còn thể úp mở. Người Xô-viết có thể minh chứng lòng yêu chuộng hòa bình của họ bằng cách chấm dứt sự đe dọa đang đè nặng trên Bá - Linh. Điều ấy đối với họ không phải là khó-khăn quá, vì ba nước Tây - Minh cũng như tất cả các quốc gia trong Minh ước Bắc Đại Tây Dương đã từng tuyên bố với họ rất mực minh bạch vậy.

Được kinh nghiệm cho biết người Xô-viết là những kẻ tính toán lạnh-lùng mà thực tế, tôi tin chắc chỉ khi nào Tây - Minh biết tỏ ra kiên quyết trung thành với niềm xác tín, với lời hứa hẹn của mình, thì mới khiến cho họ rời bỏ hy vọng được thấy sự suy nhược căn để trong các vị trí của Tây Minh tại Bá-Linh và Đức.

Thái độ minh bạch và cương quyết của Tổng thống Cộng hòa Pháp và của chính phủ Pháp trong vấn đề Bá-Linh, căn cứ trên sự thỏa thuận long trọng của hết các đảng dân chủ quốc gia Pháp, chứng minh một cách đặc biệt hiển nhiên rằng các đồng minh của chúng ta đã hiểu đối tượng tranh thủ thật của vấn đề nước Đức : đó là lòng thành thật và vì vậy mà cũng là sự thượng tồn của nền dân chủ Tây-Phương tại Đức quốc và tại Âu-châu. (1)

HOÀNG-MINH-TUYNH

---

(1) Xin nhắc lại : đây là bài của ông Ernst Lemmer, tổng trưởng liên bang liên Đức vụ phúc đáp cho tờ báo Pháp « Le Monde diplomatique».

IBN-SEOUD

(1881 – 1953)

MỘT VỊ ANH HÙNG NHỜ KIÊN NHẪN TRONG NỬA THẾ-KỶ MÀ TẠO NÊN ĐƯỢC MỘT QUỐC-GIA PHÚ CƯỜNG Ở GIỮA SA-MẠC.

✱ NGUYỄN-HIẾN-LÊ

« Con đã học được cái đạo cao rộng nhất ở đời rồi đó, con đã học được đạo Vạn năng, tức đạo Kiên-nhẫn ».

Cổ thư Ả-rập

(xin xem B. K. từ số 107)

Công Việc Kiến Thiết

KHI chiếm xong một xứ thì chỉ mới là bắt tay vào việc.

Năm đó, Ibn Séoud bốn mươi tám tuổi. Một chiến sĩ vạm vỡ như ông, thì tuổi bốn mươi tám còn là tuổi xuân. Ông hăng-hái đem hết tinh thần để kiến thiết nước Ả-Rập Séoud.

Tinh thần tôn giáo của dân chúng dưới thời Hussein đã xuống quá rồi. Thánh địa Mecque thành một nơi buôn bán, điếm đàng, trụy lạc. Ông triệu tập một hội nghị các dân tộc Ả-Rập liên hiệp để họ giải quyết lấy với nhau vấn-đề chấn hưng luân lý và tôn giáo ; ông không dự những buổi họp, chỉ theo dõi thôi.

Nhưng họ chẳng làm nên chuyện gì cả, sau mười lăm ngày bàn cãi, vấn-đề càng hóa rối thêm. Họ cãi nhau như mổ bò, mạnh ai nấy nói, mà kẻ nào nói thì kẻ ấy nghe. Có người bỏ vấn-đề tôn giáo, bàn đến chính trị mà quên rằng lần trước Ibn Séoud đã tuyên bố quyền chính trị phải ở trong tay ông vì chỉ có ông mới không phải là tay sai của ngoại quốc, mới giữ cho Thánh địa khỏi chịu ảnh hưởng của Anh, Pháp, Ý,... Có kẻ vốn quen tính nô lệ, nhất định xổ tiếng Anh ra để khoe giọng Oxford hay Cambridge, khinh miệt tiếng của tổ tiên, tiếng của kinh Coran.

Ông bất bình, ra lệnh giải tán rồi đặt những luật để trừng trị những kẻ nào phạm những cấm điều trong kinh Coran.

Việc thứ nhì là lập lại sự trị an trong sa mạc. Dưới triều đại Hussein, đời sống ở Hedjaz không được bảo đảm. Cướp bóc, giết tróc liên miên. Ngày nào cũng gặp thây ma trên đường. Tới mùa hành hương, số tín đồ bị giết và cướp tăng vụt lên. Người ta đâm chém nhau vì một miếng bánh, một đồng tiền. Không một con đường nào là yên ổn, không một làng nào không bị cướp đánh. Nạn hối lộ tràn lan khắp xứ. Kẻ phạm tội không bị xử. Thành thử dân phải tự xử lấy. Hễ bị cướp thì cướp lại, bị giết thì có người thân trả thù. Máu đổi máu.

Ibn Séoud ra lệnh rất nghiêm. Hễ bắt được kẻ trộm thì tòa xử chặt một bàn tay, tái phạm thì chặt nốt bàn tay kia. Hễ giết người thì bị xử tử. Say rượu mà nói bậy thì bị phạt hai mươi hèo.

Các chiến sĩ trong quân đội Ikwan ngày đêm đi khắp nơi để trừ kẻ gian. Luật lệ thi hành răng rắc, không vị tình, không thương hại, không sợ kẻ quyền quý. Chỉ trong ít tháng, xứ Hedjaz không còn đạo tặc nữa. Đồn lũy của người Thổ hồi xưa dựng lên hóa ra vô ích. Một thương nhân để quên một gói đồ trên đường thì một tháng sau trở lại vẫn thấy y nguyên chỗ cũ, vì không một bộ hành nào dám mó tới.

Ông Gérald de Gaury viết trong cuốn *Arabia Phoenix* : « Sự trị an ở xứ Ả Rập Séoud thực lạ lùng, khắp Châu Âu có lẽ không nước nào được như vậy.

Ông Jean Paul Penez trong bài *Une enquête chez les fils d' Ibn Séoud* cũng nhận. « Xứ đó là xứ yên ổn nhất thế giới, một xứ mà đức hạnh là sự *bắt buộc*... Trên khắp cõi Ả Rập trong suốt năm, tội sát nhân cướp bóc lại ít hơn ở Ba-Lê trong một ngày ». Được như vậy là nhờ dân chúng theo đúng kinh Coran.

* * *

Từ trước Ibn Séoud với vài cận thần lo mọi việc trong nước. Nay ông thấy cần phải lập Nội các như các nước tân tiến, cũng có đủ các bộ Nội vụ, Tài-Chánh, Ngoại giao, Canh nông, Tư pháp, Quốc phòng... Nhưng lựa đâu được người để giao những trách nhiệm đó. Trong xứ Nedjd thiếu hẳn nhà trí thức có tân học thì làm sao canh tân quốc gia được ? Ông có óc học rộng rãi, không kỳ thị ngoại tộc, tiếp đón tất cả các nhân tài dù là Ba-Tư, Ấn-Độ, Syrie, Ai-Cập .. miễn họ có huyết thống Ả Rập và theo đạo Hồi-hồi. Thành thử nội các đầu tiêncủa ông gồm một người ở Quasim, một người Ai-Cập, một người Syrie, một người Palestine, một người Liban. Quyết định đó thực là sáng-suốt có lợi về cả phương diện nội trị lẫn ngoại giao vì gây được cảm tình với các dân tộc Syrie, Liban...

Khi trưởng nam của ông mất, hoàng tử Saud được lên làm đông cung thái tử. Độc giả còn nhớ Saud sinh ở Koweït đúng vào lúc ông chinh phục lại được kinh đô Ryhad. Từ hồi mười tám tuổi, chàng theo cha trong các vụ hành quân, tỏ ra rất can đảm, được lòng sĩ tốt, vì sống chung với sĩ tốt một cách rất bình dị. Năm 1934, trong một cuộc

hành hương ở Mecque, chàng lấy thân che cho cha để cha khỏi bị bốn tên thích-khách ám hại.

Fayçal em của Saud được làm phó vương ở Hedjaz, rồi sau làm thủ tướng nhờ óc sáng suốt, cấp tiến, hiểu biết nhiều về Tây phương.

*
* *

Còn nhà vua thì lãnh nhiệm vụ khuyếch trương và tân thức hóa đội quân Ikwan. Ta nên nhớ khi ông mới lên ngôi thì Ả-Rập còn là một xứ lạc hậu, bán khai, năm 1928 mà cả xứ Hedjaz chỉ có mười hai chiếc xe hơi đều là của hoàng gia, khí giới chỉ có ít súng trường và gươm giáo. Đất đai thì mênh mông mà dân số thì thưa thớt. Xứ Ả-Rập Séoud có tới 1.750.000 cây số vuông (toàn thể bán bảo Ả-Rập là 2.000.000 cây số vuông) mà dân số sau đại chiến thứ nhì, theo *Larousse Universel*, được sáu triệu người (1), riêng miền Nedjd chỉ có ba triệu. Ba triệu dân phải nuôi 50.000 sĩ tốt của đội Ikwan, kể cũng đã là một gánh nặng ; vì nếu theo tỉ số đó thì nước Việt-Nam Cộng-Hòa của chúng ta 12.000.000 dân phải nuôi 200.000 ngàn quân lính, và một nước 300.000.000 dân như Ấn-Độ phải nuôi năm triệu quân lính.

Khi đã bình định xong, ông vẫn giữ quân số đó, nhưng một nửa là hiện dịch, còn một nửa là trừ bị, cho về làm ruộng tại các đồn điền khi nào hữu sự sẽ gọi ra. Tuy nhiên ông bắt họ phải thường luyện tập Ông mua súng liên thinh, xe thiết giáp, đại bác rồi nhờ các nhà quân sự Anh, Mỹ huấn luyện. Các kỵ sĩ Ả-Rập phản kháng, vẫn chỉ thích múa gươm, cưỡi ngựa, không chịu dùng những máy móc của « tụi quỷ » đó, nghĩa là không chịu lái xe, bắn súng. Họ bảo « Thắng trận không nhờ khí giới mà là nhờ Allah. Chính Mahomet nếu không có thiên thần xuống trợ chiến thì không thắng được trận Beder. Nếu ta dùng những khí giới của tụi quỷ đó thì thiên thần sẽ sợ hãi, Allah sẽ nổi giận, không được ơn trên giúp nữa, ta tất phải thua. Muốn mạnh thì phải tăng lòng tin lên, tụng kinh ăn chay cho nhiều vào, chứ đừng dùng những khí giới mới. »

Chúng ta đừng cười họ. Mới hồi đầu đại chiến thứ nhất tại đất Nam này, một số đông ùn ùn theo Phan-Xích-Long và tin rằng hễ đeo bùa của Phan thì súng bắn cũng không bị thương. Mà có lẽ trong đại chiến thứ nhì vừa rồi cũng vẫn còn một số người tin như vậy. Tôi sở dĩ chép lại lời các kỵ sĩ Ả-Rập chỉ để độc giả thấy Ibn Séoud đã gặp những nỗi khó khăn ra sao khi muốn tân thức hóa xứ sở. Khó khăn còn hơn Mustapha Kémal trong kế hoạch tân thức hóa Thổ-Nhĩ-Kỳ nữa vì dân Thổ đông hơn, lại tiếp xúc với phương Tây nhiều hơn,

---

(1) Chúng ta cũng nên ngờ con số này Bộ *Larousse Universel* có tiếng là vậy mà chứa những lỗi rất lớn. Như về *Arabie* bản in năm 1948 của bộ đó ghi : 2.000.000 cây số vuông, 5.000.000 dân ; rồi ít hàng sau về *Arabie Séoudite* ghi 1.750.000 cây số vuông, 6 000.000 dân. về Yemen ghi : 62 000 cây số vuông, 3.500.000 dân. Như vậy Arabie bao trùm Arabie Séoudite, Yemen với nhiều xứ nữa mà dân số lại kém Arabie Séoudite tới một triệu.

thiếu-nữ quý phái của họ tuy bị cấm cung thật nhưng có nữ giáo sư Pháp lại dạy và được đọc những sách Pháp từ Rousseau tới Hugo. Còn các nhà tu hành Ả-Rập, tức hạng người có học, có uy tín đối với dân chúng, thì tới khoảng 1930, vẫn không tin rằng dùng một cái máy nhỏ, có thể cách nhau hằng trăm cây số nói chuyện với nhau được. Thánh kinh Coran có dạy điều đó đâu ? Đúng là bị quỷ lừa gạt rồi. Nghe nó thì chết.

Ibn Séoud phải triệu tập các vị tu hành lại ở trong điện, bảo một vị đọc những câu đầu trong kinh Coran trước ống điện thoại rồi một vị khác ngồi trong một phòng rất xa cũng ở trong cung, cầm ống nghe. Lúc đó họ mới nhận rằng không phải là lời của quỷ, vì giọng nói rất quen thuộc, vả lại quỷ nào mà lại tụng kinh của Chúa !

Một lần khác, một vị đạo sư nào đó có đức hạnh, ngấm ngầm chống ông, phá ông, ông được ti mật vụ cho hay, phái người mời vị đó lại một phòng giấy, cầm ống điện thoại lên nghe. Nghe được mấy câu, vị đó xanh mặt lên : hành động bí mật của mình được kể tỉ mỉ, rành rọt ở trong máy. Sau cùng có câu : « Ta tha lỗi cho đấy, nhưng từ nay đừng nói xấu nhà vua nữa nhé ! ». Ông ta vội vàng quỳ xuống, hứa sẽ trung thành.

Đó, Ibn Séoud phải dùng những thuật như vậy, lúc thì ngọt, lúc thì xẵng, mới thuyết phục được quốc dân theo con đường mới.

Muốn cho nước phú cường thì phải nhờ canh nông và kỹ nghệ. A-Rập vốn là một xứ mục súc, phải tiến tới giai đoạn nông nghiệp trước rồi sau cùng mới qua giai đoạn kỹ-nghệ. Vì vậy từ khi mới khôi phục được giang san, Ibn Séoud đã lập ngay những khu đồn-điền. Nhưng những khu đó chỉ phát-triển tới một mức nào thôi. Vì thiếu nước. Mà nước kiếm ở đâu bây giờ ? Cả xứ không có một con sông lớn, suốt năm chỉ mưa xuống có bảy phân nước. Chỉ còn mỗi một cách là đào giếng, đào giếng trong sa-mạc.

Từ xưa, dân bản xứ vẫn truyền khẩu những truyện có vẻ hoang đường. Họ kể rằng có một thời xa xăm nào đó xứ Ả-Rập không khô cháy như ngày nay, trái lại cây cỏ khắp nơi xanh tốt, rừng rú âm u (1). Họ lại tin rằng những giếng nước cách nhau hằng trăm cây số nhưng vẫn thông ngầm với nhau ở dưới đất ; họ cam đoan rằng có lần liệng một cái chén bằng gỗ xuống một cái giếng, ít lâu sau thấy chén đó hiện lên ở mặt nước trong một cái giếng cách nơi đó hai trăm cây số. Họ còn bảo nhìn mức nước trong giếng lên cao họ biết chắc rằng ở một miền xa nào đó đã mưa lớn. Ở bờ vịnh Ba-Tư, những người mò trai gặp những luồng nước ngọt ở đáy biển, dưới lớp nước mặn.

Ibn Séoud không cho những truyện đó là hoang đường. Ông ngờ rằng dưới lớp cát có nhiều dòng nước, hễ đào lên tất gặp Ông mời các nhà chuyên môn Mỹ tới tìm nước cho ông, và họ tìm thấy rất nhiều nước ở dưới cát, cả trong những miền khô khan nhất. Họ nhận xét rằng dân Ả-Rập

(1) Lời đó đúng : hàng vạn năm trước khi Châu-Âu còn bị băng phủ thì Ả-Rập xanh tốt, sau băng lùi bề Bắc-cực thì Ả-Rập mới thành sa-mạc.

như có một giác quan thứ sáu, đoán chỗ nào có nước thì quả nhiên chỗ đó có nước (2).

Một lần họ đào tại Ryhad một cái giếng sâu 120 thước, rộng 30 thước, gặp một dòng nước lớn. Ibn Séoud hay tin lại coi, đứng trên miệng giếng ngó mặt nước lấp lánh ở dưới sâu một hồi, khi ngửng mặt lên nước mắt chảy ròng ròng. Nhà vua thích quá, vỗ vai viên kỹ sư, bảo :

— Ông Edwards, ông đã làm được một phép màu. Ở đây với tôi mười lăm năm nữa và chúng ta sẽ biến đổi địa ngục này thành thiên đàng.

Từ đó, khắp nơi, toàn dân hăng hái tiếp tay sửa lại những giếng cũ, khai thêm những giếng mới đào kinh, đắp đập kết quả là kiếm thêm nước để nuôi được 400.000 người và 2 000.000 súc vật nữa. Hàng trăm ngàn dân du mục dắt lạc đà, dê, cừu đi lại các giếng nước, vừa đi vừa tụng kinh y như để dự những cuộc lễ, nhộn nhịp không kém cuộc di cư của dân Mỹ trong thế kỷ trước để tìm vàng ở miền Tây.

Có nước rồi thì thêm ruộng, thêm vườn, thêm gia súc. Một bọn kỹ sư canh nông Mỹ lại được vời qua để nghiên cứu đất đai và phương pháp trồng trọt. Những đất đã bỏ hoang từ mấy ngàn năm, nhờ có nước mà phì nhiêu lạ lùng, hơn cả miền Texas ở Mỹ. Lúa mì, lúa mạch, cà chua, cà rốt, dưa, tỏi, cà. . . chỉ cần gieo xuống là mọc lên xum-xuê. Mỗi mẫu ở Texas chỉ sản xuất được bốn tạ rưỡi lúa mì, thì ở đây sản xuất được tới mười bảy tạ. Ibn Séoud vội vàng lập ra một bộ canh nông, mà từ xưa tới nay xứ Ả-Rập chưa hề có.

* *
*

Sản xuất được nhiều rồi thì phải nghĩ đến vấn đề đài tải, giao thông. Không thể dùng hoài phương pháp cổ lỗ là chở trên lưng lạc đà, mà phải lập những đường xe lửa. Nhưng tiền đâu ? Lợi tức của dân quá thấp, dân số lại ít, sa mạc thì mênh mông, không thể tăng thuế quá sức chịu đựng của dân được. Vấn đề quả thực là nan giải.

May thay, một phép màu nữa lại xuất hiện, nhờ Allah phù hộ. Năm 1920, một người Anh tên là Frank Holmes đào giếng ở cù lao Bahrein, trên vịnh Ba-Tư, ngoài khơi Hasa, chủ ý là để kiếm nước mà không ngờ lại kiếm được dầu lửa, mà người Âu gọi là « hắc kim » (vàng đen), là cái « gân cửa chiến tranh ».

Từ thời thượng cổ, người Chaldée đã biết dùng chất đó để làm hồ cất nhà, người Ai-Cập dùng để ướp xác. Họ không biết lọc, để nguyên chất ở dưới mỏ đào lên mà dùng. Rồi tới giữa thế kỷ XIX, một Đại tá Mỹ, tên là Drake tìm được nhiều mỏ ở Pennsylvanie, dầu lửa mới dùng để đốt đèn. Đầu thế kỷ XX người Anh khai được nhiều mỏ ở Ba Tư.

Frank Holmes mua được mỏ Bahrein của một hào mục bản xứ, về Luân-Đôn gạ bán lại cho các công ti dầu lửa Anh.

(2) Các con lạc-đà và ngựa sống trong sa-mạc cũng đánh hơi nước rất tài. Trong cuốn *Sur les traces de Bouddha*, ông René Grousset có kể rằng một lần con ngựa của Huyền-Trang không chịu tiến theo đường đã định, mà đòi theo một đường khác. Huyền-Trang lấy làm lạ, để cho nó đi theo ý nó ; một lúc sau nó đưa ông tới một giếng nước.

Nhưng những công ti này đương khai thác những mỏ ở Ba-Tư không xuể, vả lại không tin rằng ở A Rập có những mỏ lớn, cho nên không thèm mua. Holmes phải bán lại cho một công ti nhỏ của Mỹ, công ti *Gulf Oil*.

Rồi bỗng tới năm 1930, người ta thấy một nhóm du mục Bắc phi (Bédouin) đổ bộ lên Hasa, có kẻ rất khả nghi Ả Rập gì mà không tụng kinh, không biết tiếng Ả Rập, và đi đâu cũng lén lút, lấn mặt, không muốn tiếp xúc với ai cả ! Ibn Séoud cho điều tra kín. Ty mật vụ phúc trình rằng họ là những người ngoại quốc giả trang. Ibn Séoud ra lệnh bắt, tra hỏi. Họ thú là người Mỹ lại tìm mỏ dầu lửa. Ông thả họ ra và để họ tự ý hoạt động. Họ đào nhiều nơi, thấy rằng có một lớp dầu lửa liên tục từ dãy núi Caucase ở Nga tới Ả Rập, ngang qua Mésopotamie và Ba-Tư. Dầu lửa tìm được đã rất tốt mà có lẽ cũng rất nhiều.

Tin đó bay ra, các cường quốc nhao nhao lên. Mỹ, Anh, Hòa - Lan, Đức, Nga, cả Nhật nữa phái đại diện tới xin yết kiến Ibn Séoud.

Phòng khách bộ Tài Chánh lúc nào cũng chật những nhà kinh tài. Nhà nào cũng năn nỉ được tiếp kiến trước, nhà nào cũng nguyện là làm lợi cho Ả Rập chớ không nghĩ đến tư lợi. Sao mà họ tốt thế ? Nhưng nhà vua không gấp. Có người tâu rằng bắt họ đợi cả tuần lễ, e phật lòng họ, ông đáp :

— Để mặc trẫm, trẫm là nhà tu hành biết cách cư xử với hạng tín đồ hành hương đó mà !

Ông suy nghĩ kỹ, sau cùng nhận đơn của công ti *Gulf Oil*, tức công ti đã mua lại quyền khai thác những mỏ ở Bahrein của Holmes. Có người hỏi sao ông lại lựa một công ti nhỏ nhất, ông đáp :

— Công ti đó là công ti Mỹ. Công ti Mỹ không bị chính phủ Mỹ chi phối mạnh mẽ, vả lại Mỹ ở xa ta, ít dòm ngó ta ; sau cùng người Mỹ đã giúp ta được nhiều việc như đào giếng, cải thiện nông nghiệp.

Bạn bảo là khôn ư ? Không, dại đấy. Ông chưa biết những mánh khóe của bọn kinh doanh Anh nên đã đi sái một nước cờ.

Anh bị hất cẳng, đổ quạu, tìm cách phá. Thời đó các công ti Anh làm chúa tể trên khu vực từ Ba-Tư tới Ai-Cập. Hầu hết các mỏ dầu lửa lớn là về họ. Họ muốn làm mưa làm gió gì thì làm. Lịch sử cạnh tranh về dầu lửa ở Tây Á (1) trong nửa thế kỷ nay giá chép kỹ lại thì hằng ngàn trang vẫn chưa đủ. Những bậc thông minh nhất trong giới kinh tài, chính khách, luật gia của mọi cường quốc đấu trí với nhau kịch liệt, tìm mọi cách để hất cẳng nhau, ngầm phá nhau, nay kết liên rồi mai phản bội, thôi thì đủ mánh khóe trâng tráo nhất, tài tình nhất, chúng ta không thể nào tưởng tượng nổi. Tôi chỉ xin tóm tắt trong ít hàng vụ *Gulf Oil* thôi.

Tôi đã nói Ibn Séoud đi lỡ một nước cờ, ông không ngờ bị người Anh phá, viện những hiệp ước này nọ ký với Pháp, Thổ, Ba Tư. Đức, Hòa Lan .. để yêu cầu công ti *Gulf Oil* đừng đào thêm giếng nào

(1) Chúng tôi dùng danh từ này để gọi miền mà người Pháp gọi là Cận đông.

nữa: nếu không có sự thỏa thuận của công ti quốc tế dầu lửa và nếu không nghe lời thì chết chịu vì tất cả cái công ti liên kết kia sẽ phá giá, ngăn cản trong việc chở chuyên. Ibn Séoud có ngờ đâu người Anh muốn giữ độc quyền dầu lửa ở miền Tây Á và thành trì của họ kiên cố đến thế. Chú chích chòe *Gulf Oil* đành chịu thua, bán lại quyền khai thác cho công ti Mỹ *Bahrein Oil*, mà công ti này chỉ là một chi nhánh của công ti khổng lồ *Standard Oil* ở Californie. Bán với giá rẻ mạt năm vạn Mỹ kim. Trong lịch sử hiện đại chưa có vụ nào mà hời cho người mua như vậy. Công ti *Standard Oil* lại hợp tác với công ti *Texas Oil* cũng của Mỹ thành công ti *California Arabian Standard Oil*, viết tắt là C. A. S. O. C. như vậy đủ sức cạnh tranh với những công ti của Anh trên thị trường Á Châu. Ở đời này, phải có nanh vuốt mới sống được.

Từ đó dầu lửa Ả Rập mới sản xuất mạnh mẽ, năm 1935 là 174.000 tấn, năm năm sau tăng lên tới 3.000.000 tấn. Các nhà máy lọc dầu mọc lên như nấm ở bờ vịnh Ba Tư, tàu bè ra vô tấp nập, mà vàng cứ tiếp tục tuôn vào kho của Ibn Séoud. Ông khôn khéo, không bán đứt, ông bảo đất cát trong xứ là của toàn dân chứ không phải của ông, ông chỉ bằng lòng cho thuê trong một thời hạn nào đó thôi, hết hạn nghĩa là tới năm 2000 thì tất cả máy móc, nhà cửa sẽ về ông hết.

Và ông lo xa, dạy dỗ dân chúng để đến năm 2000 người Á Rập có thể tự khai thác lấy phú nguyên của họ, khỏi phải nhờ người ngoại quốc, nên một mặt ông phát triển những đường giao thông, nhất là đường hỏa xa, một mặt mở trường dạy chữ và dạy nghề. Trong một diễn văn ông bảo:

« Độc lập về chính trị mà làm gì nếu không có sự độc lập về kinh tế? Chúng tôi tân thức hóa xứ này không phải để cho nó mất tự do mà chính là để cho nó có thể hưởng được sự tự-do. Xin các bạn phương Tây đừng hiểu lầm tôi... Xưa kia dân tộc Ả-Rập ngài-ngại người ngoại quốc thật đấy, vì nỗi khốn khổ của họ luôn luôn do người ngoại quốc gây ra cả, nhưng tinh thần đó đã thay đổi rồi, vì tôi thấy giới thượng lưu Ả-Rập rất thân thiện với các nhà kỹ-thuật gia ngoại quốc.

« Nhưng xin các bạn ngoại quốc đừng nuôi ảo vọng: tình thân thiện đó, muốn giữ nó thì các bạn phải biết giữ tục lệ và tín ngưỡng của chúng tôi. Tôi muốn rằng các bạn tới đây với tư cách giáo sư, chứ không phải tư cách ông chủ, tới đây làm khách chứ không phải làm kẻ xâm-lăng. Xứ Á-Rập nhờ Trời lớn lắm, có thể thỏa-mãn tất cả các tham vọng, trừ tham vọng này: chiếm đất của nó ».

Thực là không còn úp mở gì cả. Ibn-Séoud nhắm ai đó. Các kỹ-thuật gia đó là dân nước nào vậy? Chắc độc-giả còn nhớ. Nhưng chính những kỹ-thuật gia đó nghe diễn văn lại không thấy khó chịu, còn mến phục ông nữa. Vì chính họ cũng là những dân thuộc địa đã tự giải phóng, chính họ đã phải chiến đấu như người Á-Rập để dành lại quyền tự do.

*
* *

Mới bắt đầu thịnh vượng được trong mấy năm thì đại chiến lại nổ. Lần này Ibn-Séoud không chưng hửng nữa. Ông đã

đoán trước nó phải tới. Vả lại ông đã là một quốc vương đáng kể rồi, chứ không còn là hạng tầm thường hồi 1914 nữa.

Chiến tranh vừa phát ông đem ngay đội quân thiện chiến Ikwan lên đóng ở phương Bắc và phương Tây. Biết đâu chừng đại chiến thứ nhất làm cho đế quốc Thổ sập thì đại chiến này chẳng làm cho đế-quốc Anh sập theo. Và nếu đế-quốc Anh sập thì ông sẵn sàng để thay thế họ, chiếm lấy Irak và cả một miền theo bờ Địa Trung Hải, từ Ai-Cập tới Thổ.

Chỉ trong mấy tháng, Pháp phải nằm bẹp dưới gót giày của Đức, rồi Anh lâm nguy. Chính thủ tướng Churchill phải nhận rằng những năm 1940, 1941, « người Anh chỉ ráng giữ cho khỏi chìm lỉm cũng đủ mệt đừ rồi ». Nhưng nguy thì nguy, họ vẫn cố nắm lấy miền Tây Á, để khỏi mất cái « gân của chiến tranh » tại Ba Tư, khỏi mất liên lạc với Ấn-Độ, hòn ngọc của đế-quốc Anh. Cho nên họ đem quân Ấn lại đồ bộ ở Bassorah, bất chấp cả hiệp ước Anh-Irak.

Irak chống lại, họ nhanh tay dẹp được. Dẹp xong, Churchill tuyên-bố giữa quốc-hội : « Hú hồn, nhưng nay mọi sự đã yên rồi ».

Kế đó, Anh đuổi được người Pháp ra khỏi Syrie mặc dầu bị tổn thất rất nặng.

Sau cùng họ mới quay lại yêu cầu Ibn Séoud rút hết quân đội đóng ở biên giới Koweit đi, đừng dòm ngó mỏi đó nữa. Ibn Séoud biết chưa phải lúc, đành nghe lời, đợi cơ hội khác.

Anh đã khôn, chiếm Bassorah trước vì căn cứ đó quan trọng vào bực nhất trong đại chiến vừa rồi. Tướng Rommel của Đức cũng đã nhắm điểm đó, hẹn với Nhật sẽ gặp nhau ở đó, nhưng Anh cố giữ và Đức không dám tấn công.

Nhờ làm chủ vịnh Ba-Tư, Anh mới tiếp tế được khí giới, nguyên liệu cho Nga từ năm 1941 trở đi. Anh. Nga phân công với nhau : Anh chở tới Bassorah rồi Nga chở tới dãy núi Caucase.

Anh gởi cho Nga cao su Singapour, thiếc Malaisie, chì Miến-Điện và Úc, nhưng bao nhiêu cũng không đủ. Staline cứ đòi tăng hoài, gấp đôi, gấp ba vẫn chưa bằng lòng. Churchill đành cầu cứu Roosevelt. Roosevelt vui vẻ nhận liền, cuối năm 1942 tuyên bố rằng Mỹ sẽ lo hết vấn đề tiếp tế Nga để cho Anh được rảnh tay. Bạn Đồng minh với nhau mà ! Và một khi Mỹ đã tận lực giúp thì phải biết là đắc lực ! Năm 1943 chở được 3.000.000 tấn cho Nga, và con số đó năm sau còn tăng lên nữa. Thôi thì đủ thứ : 4.100 phi cơ, 138.000 xe căm nhông, 912 000 tấn thép, 100.000 tấn thuốc súng, hằng trăm cây số đường rầy, 1.500.000 tấn thức ăn, 9.000 tấn hạt giống và vô số máy móc đủ loại.

Cảng Bassorah hẹp quá, vì nằm trên sông, không tiếp nhận hết những vật đó, người Anh muốn mượn bãi cảng và đường lộ của Á-Rập Séoud, trên vịnh Ba-Tư.

Ibn Séoud lúc đó đương túng tiền, đã mượn trước 6.800.000 Mỹ kim của công ty C.A.S.O.C. để mua khí-giới cho đội quân Ikwan mà vẫn còn thiếu, cần dùng 10.000.000 Mỹ kim nữa. Cho nên ông đáp :

« Bà con muốn mượn đường thì mượn, nhưng xin trả tiền cho chúng tôi ! Muốn mượn hải cảng cũng được, nhưng xin trả tiền cho chúng tôi ! Mà trả bằng vàng hoặc bằng Mỹ kim kia, chứ chúng tôi không chịu nhận Anh-kim. »

Anh đổ quạu. Quân vô ơn này trước kia ngửa tay xin mình năm ngàn Anh-kim một tháng mà bây giờ lên chân dữ, đòi tống tiền mình mà lại chê không thèm nhận Anh kim ! Anh muốn trừng phạt cho biết tay, nhưng Mỹ vội can. « Tụi Á-Rập đó là tụi cuồng tín. Tấn công nó thì nó chống cự lại tới cùng. Nó có thể đốt hết các mỏ dầu lửa được lắm. Mà thuật du kích của nó cũng đáng sợ đấy. Tôi mới cho bác mượn 425.000.000 Mỹ kim, thôi thí cho nó 10 triệu đi ». Anh bắt buộc phải nghe lời. Ibn Séoud mỉm cười nhận tiền vì có nhân viên Mỹ cho hay trước rằng tiền đó chẳng phải là của Anh đâu.

Sở dĩ Roosevet chơi cay với Anh như vậy vì mấy năm trước người con trai của ông, đại úy James đã lãnh sứ mạng qua dò xét tình hình miền Tây Á, và về tường trình rằng dân chúng miền đó không ưa người Anh, mà tài nguyên lại rất nhiều, Mỹ nên len chân vào đi.

Anh trao tiền cho Ibn Séoud và đòi hỏi những quyền lợi này nọ về chánh trị. Mỹ đâu chịu cho Anh dùng tiền của Mỹ để làm lợi cho Anh, phản động lại liền, ghi ngay Á Rập vào danh sách những xứ được hưởng luật *Cho mượn và cho thuê ;* thế là tha hồ muốn tiếp tế bao nhiêu cho Ibn Séoud cũng được, chẳng cường quốc nào dám nói ra nói vào nữa.

Chúng ra đạo luật đó chỉ để giúp những nước dân chủ bị bọn phát xít hăm dọa. Ả Rập Séoud không bị phát xít hăm dọa mà lại càng không phải là một nước dân chủ. Nhưng Thượng nghị viện không chất vấn và thông qua với đại đa số thăm thuận.

Tới tháng hai năm 1945 Roosevelt nhân ghé Ai-Cập, mời Ibn Séoud lại đó để cùng nhau hàn huyên. Ông đã không mời Churchill dự mà đến phút chót mới nói qua cho Churchill hay. Churchill tím mặt. Roosevelt tiếp đón Ibn Séoud cực kỳ long trọng, y như một gentleman tiếp một công chúa Ả Rập vậy. Người Mỹ phái một khu trục hạm đặc biệt tới Djeddah để đón, rồi biết tánh nhà vua quen ngủ lều, nên may một cái lều trắng căng trên boong tàu.

Khi hai bên gặp nhau, Roosevelt nhã nhặn chào trước :

— Được gặp nhà Vua, tôi mừng quá. Tôi có thể giúp Ngài được gì ?

Ibn Séoud đáp :

— Được Tổng-thống tiếp đón ân cần như vậy, thực quá vinh dự cho tôi, nhưng tôi không có ý xin Ngài điều gì hết. Thưa Tổng-thống tôi cứ tưởng ngài muốn gặp tôi tức là ngài có điều gì muốn hỏi tôi chứ ?

Roosevelt vẫn rán giữ nụ cười tình của ông, nhưng trong lòng đã ngài-ngại. Bà công chúa phương Đông này cao tới hai thước năm phân, khó xử thật.

Hàn huyên một lát, Roosevelt vào đề ; xin Ibn Séoud cho một số dân Do-Thái trốn Hitler được lập nghiệp ở Palestine. Ibn-Séoud cương quyết đáp : « Không ». Lấy tư cách là một giáo chủ của đạo Hồi-hồi,

ông phải bênh vực đồng bào của ông ở Palestine nếu không thì các dân tộc Ả-Rập sẽ coi ông còn ra gì nữa. Lý đó hợp với « hoàng kim quy tắc » của người Mỹ quá, (1) Roosevelt không biết đáp ra sao.

Rồi tới vấn đề chính trị. Ibn-Séoud hứa cho Mỹ thuê vài căn cứ của ông trong thời hạn năm năm, hứa không tấn công đồng-minh, không giúp sức Đức, Ý — độc giả để ý lúc đó vào tháng hai năm 1945, chiến tranh đã sắp kết liễu — bù lại Mỹ phải tôn trọng sự độc lập của Ả-Rập, phải giúp khí giới cho ông, phải giúp ông giải thoát những dân tộc Ả-Rập còn bị cái ách ngoại xâm. Mỹ không thể không nhận lời được vì chính Mỹ đã tuyên bố rằng chính sách thuộc địa phải chấm dứt kia mà.

Sau cùng mới tới vấn đề quan trọng nhất, vấn đề dầu lửa. Hai bên bàn cãi khá gay gắt, rút cục thỏa thuận với nhau rằng :

— Ibn-Séoud chỉ cho thuê mỏ dầu thôi, không bán, — cho thuê trong thời hạn sáu chục năm, tới năm 2.005, hết hạn, tất cả các giếng dầu, nhà máy, dụng cụ đều thuộc về Ả-Rập.

— Mỹ phải trả cho Ả-Rập từ 18 đến 21 xu (xu Mỹ gần bằng đồng bạc V. N. hiện nay) mỗi thùng dầu chở ra khỏi xứ.

— Công ti Aramco có thể khai thác trên một khu vực rộng 1.500 000 cây số vuông (2) (từ năm 1944 công ti C.A.S.O.C đã đổi tên là Arabian - American Oil Co — Aramco)

Sau này Roosevelt nói rằng trong đời ông chưa gặp một người nào mà « đá » như quốc vương Ả-Rập, ông rút ra được rất ít của con người nghị lực gang thép đó.

Rất ít ? Có lẽ Roosevelt quá tham. Nội hiệp ước về dầu lửa đó đủ cho Mỹ thu lại được hết những phí tổn trong thế chiến vừa rồi, có lẽ còn lợi nhiều nữa là khác.

Chính phủ Anh hay tin đó, nhăn mặt. Bị Mỹ hất cẳng ở Ả-Rập Séoud, thì uy thế ở phương Đông từ nay bị giảm nhiều. Ai bảo trước kia khinh thường Ibn Séoud ?

(còn nữa)

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

---

(1) Golden rule : Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân.

(2) Trước kia công ti CASOC chỉ được khai thác vùng Bahrein.

Nói chuyện

Bàn về thuật nói chuyện làm sao cho hấp dẫn (Jacques Bainville) tác giả cuốn Charme de la Conversation cho rằng :

— Người già thì ưa nhắc đi nhắc lại mãi một chuyện, còn người trẻ thì chẳng có chuyện gì để nói. Rút cuộc, hai bên cũng làm cho nhau đâm chán hết.

ÔNG PHAN-KHÔI ĐÃ PHÊ-BÌNH ÔNG NG.-VĂN-VĨNH NHƯ THẾ NÀO ?

★ THIẾU-SƠN

ÔNG Phan-Khôi hay bút-chiến chứ ít khi phê-bình. Thỉnh thoảng hoặc ông cũng có phê-bình nhưng chỉ phê-bình về một cuốn sách, một bài văn hay một sự kiện nào đó chứ ít khi chịu phê-bình người. Trong câu chuyện giữa anh em có khi ông cũng bình-luận về người nầy, người nọ nhưng viết ra thì ông chỉ viết độc nhứt có một bài phê-bình ông Nguyễn-văn-Vĩnh mà là phê-bình sau khi ông Nguyễn đã từ trần. Bài đó nhan-đề « *Ông Nguyễn-văn-Vĩnh trong con mắt tôi* » đăng ở tuần báo *Sông-Hương* số 1 ra ngày 1/8/1936 xuất bản ở Huế — Ông Phan có lẽ là một trong số những người hiểu, biết và khâm-phục ông Nguyễn nhiều hơn hết nhưng ông đã hiểu biết và khâm-phục theo quan niệm của ông.

Tôi chưa dám nói là quan-niệm của ông gần hay xa sự thật tới mức-độ nào. Nhưng ông Phan-Khôi phê-bình ông Nguyễn-văn-Vĩnh là một việc làm có giá-trị, một tài-liệu quan-trọng mà ta cần phải đọc lại trước đã. Rồi sẽ có ý-kiến sau.

Sau đây là nguyên-văn bài phê-bình của ông Phan-Khôi :

*
* *

Nói từ trong tim nói ra, tôi có phục ông Nguyễn-Văn-Vĩnh thật. Tôi phục ông ở chỗ có chí tự-lập, ở chỗ không mộ hư-vinh. Tôi ưa ông nhứt là tại cái điểm thứ hai nầy.

Kể trong ba bốn mươi năm nay cả Bắc-Kỳ ông nào có mặt mũi cũng chạy cho được cái Bắc-đẩu bội-tinh, cái Hồng-Lô Tự-Khanh, cái Hàn-Lâm gì đó, cùng không nữa cũng đồng Kim-tiền, chiếc Kim-khánh.

Chỉ một mình ông Vĩnh, muốn có thì giống gì mà chẳng có, nhưng ông đã chẳng có gì cả, ông chỉ là bạch-đinh. Tấm lòng nguội lạnh đối với hư-vinh ấy đã đưa ông lên làm tiêu-biểu cho bạn trẻ chúng ta sau nầy.

Bởi chịu ông những chỗ ấy nên sau khi được tin ông qua đời tôi đã toan viết một bài về ông trên báo. Kế thấy có nhiều báo đã viết, tôi lại thôi.

Thôi, rồi bây giờ tôi lại viết. Là vì thấy có nhiều báo đã nói về ông thất-thực, tôi muốn viết để vớt vát dư-luận lại lấy một vài.

Người ta tôn ông Vĩnh là đại-văn-hào rồi người ta còn đòi dựng đồng-tượng cho ông nữa.

Lạ sao tôi thấy người Việt-Nam ta cái gì cũng giữ mực trung-dung, duy có sự yêu người hay ghét người lại chạy đến cực-đoan.

Yêu ông Vĩnh, ngày nay người ta đòi dựng đồng-tượng cho ông; nhưng mười năm về trước, ghét ông Vĩnh, người ta đã lên án ông là phản-quốc, là bán nước!

Đều không đáng cả. Trước sau luận về ông, người ta đều bị cảm-tình xô đẩy.

Kỳ-thực ông Vĩnh không có cái tội gì đến gọi là phản-quốc hay bán nước, và ông cũng không có cái công gì đến quốc-dân phải dựng đồng-tượng cho ông.

Giữa chúng ta, ông Vĩnh đáng gọi là một kẻ hào-kiệt. Sự lập-thân xử-thế của ông đã đảm-bảo cho ông đáng được cái tên ấy một cách vững chãi.

Nhưng theo sự phẩm-bình chặt-chịa của một hạng người trong nước, hạng người ấy đại-khái là nhà nho thì ông Vĩnh dù có là hào-kiệt chăng nữa mà không là quân-tử.

Theo chỗ phân biệt của nhà nho: quân-tử là cái huy-hiệu về tâm-đức, đáng trọng hơn hào-kiệt là cái huy-hiệu về tài-trí, như Nguyễn-Du có nói: « Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài ». Hạng người ấy họ tuy có phục ông Vĩnh về đàng tài nhưng họ không chịu lượng-thứ cho về đàng tâm.

Cả đời ông Vĩnh có hai việc hơi mơ-hồ, sự thực nó thế nào chỉ một mình ông biết, đã rước về cho ông lời bình-phẩm khắt-khe ấy. Tức là giữa cái đảng họa Đông-Kinh Nghĩa-Thục năm 1908 mà ông được thoát và sau cuộc tự-trị bày trò năm 1918 mà ông « có cầu ».

Hai việc ấy giá ở vào xã-hội khác thì dễ-thường ông Vĩnh cũng không đến mang tiếng. Về việc trước, người ta cho như gặp lúc cháy nhà con chuột nào có thể thoát thân được thì để mặc cho nó thoát, về việc sau, người ta cũng phân bì được với những ông tướng đánh giặc lập công: thì đi bao nhiêu mạng sĩ-tốt để một mình được cất đất phong-hầu, hưởng sự an-vinh tôn-quí. Huống chi trong hai lần đó, chúng ta thấy ông Vĩnh chỉ làm được việc cho mình thì có, chứ chưa hề làm hại đến ai.

Tuy vậy, ở xã-hội ta, nhà nho bao giờ cũng có sẵn rìu búa trong tay, gặp lúc thì giở ra để duy-trì nhân-tâm thế-đạo: những việc như thế khó lòng cho họ bỏ qua đi được. Theo tôi, tôi muốn xí-xóa cho ông những điều đó, nhưng tôi biết người ta không chịu xí-xóa.

Ông A. Varenne vì muốn sang làm toàn-quyền Đông-Pháp bị đảng của ông trừ tên ra mà người Pháp chẳng lấy làm điều, chẳng ai hề chỉ-trích ông Varenne về việc ấy. Giá ở vào xã-hội Việt-Nam thì ít nữa trên báo họ

cũng chửi cho mười lăm bài. Bởi vậy nhiều lúc tôi ughĩ mà lấy làm may cho ông Varenne bao nhiêu thì tôi lại thương-hại cho ông Nguyễn-văn-Vĩnh và những người như ông bấy nhiêu !

Một người còn có chỗ cho dư-luận ngờ vực như thế thì làm sao ta lại nói đến sự dựng đồng tượng cho người ấy được ư ? Còn chưa kể đến người ấy chẳng có công-đức gì vĩ-đại đủ trùm trên một xã-hội hay một dân-tộc.

Ông Nguyễn-văn-Vĩnh cho đi rằng có công-đức với xã-hội Việt-Nam về phương-diện văn-học, nhưng chưa phải là cái công-đức vĩ-đại đáng cho chúng ta kỷ-niệm đời nọ qua đời kia.

Ông đã hô-hào cho người nước học quốc-ngữ, ông đã khai-sơn cho nghề làm báo và cải-thiện nghề nhà in xứ ta, ông đã dịch nhiều sách Tây ra tiếng mẹ đẻ, ông đã trước hết lập cho tiếng ấy một lối văn giản-dị : hết thấy những điều đó khiến chúng ta phải tôn-kính ông, tôn kính một cách vừa phải.

Chữ « văn-hào » tương đương với chữ « grand écrivain » trong tiếng Pháp thường dùng để xưng nhà văn sáng-tác chứ không dùng để xưng nhà văn dịch thuật. Văn ông Vĩnh có tiếng thật ra chỉ về văn dịch mà thôi, những cái chính tay ông viết ra, không có gì được truyền cả, thế mà gọi là « văn-hào » thì cũng khí quá, huống chi còn đeo thêm chữ đại nữa.

Ngoài mấy bản kịch của Molière, Ngụ-Ngôn của La Fontaine, tiểu-thuyết của Dumas fils , của Victor Hugo mà ông Vĩnh đã dịch ra, ông không có một cuốn sách nào chính tay ông viết ra cả, như thế mà gọi ông là văn-hào, hơn nữa là « đại-văn-hào » chắc ông không chịu vì ông sinh tiền là người biết điều lắm, không hay dởm như kẻ khác.

Trong con mắt tôi, Nguyễn-văn-Vĩnh là một trang hào-kiệt, Mạnh-Tử đã nói :

« Đến như kẻ sĩ hào-kiệt thì dù không có văn-chương cũng dấy lên. »

Trong câu nói ấy thấy người hào-kiệt đầy cái khí-phách tự lập, đúng như cái khí-phách của ông Nguyễn-văn-Vĩnh chúng ta.

(PHAN-KHÔI)

* * *

Trước hết phải nhìn nhận rằng ông Phan-Khôi đã nói một cách rất thành-khẩn về một bậc đàn anh đã đi trước ông, một bậc đàn anh có tên tuổi, có sự nghiệp, có khí-phách và có rất nhiều cảm-tình của ông. Ông nói một cách rất đúng về những cực-đoan của dư-luận Việt-Nam khi thì mạt-sát một cách thậm-tệ khi thì đề-cao một cách quá đáng đối với một người mà ông cho rằng ông đã biết rõ hơn.

Ông đã phân-biệt một cách thấu-đáo người hào-kiệt với người quân-tử.

Ông cho ông Nguyễn là người hào-kiệt chứ không phải người quân-tử.

Điều nầy thật là tri-kỷ đúng mức.

Những ai đã được gần Nguyễn tiên-sinh đều phải nhìn-nhận ông Phan nói đúng.

Ông giải-nghĩa chữ văn-hào là tương-đương với hai chữ « grand écrivain » cũng là một bài học đích-đáng cho những người hay lạm-dụng danh-từ đã văn-hào mà còn thêm chữ « đại » vào làm chi cho quá lỗ.

Vả lại văn-hào là để chỉ những văn-hào sáng-tác chứ không có văn-hào dịch-thuật.

Tuy nhiên, bài phê-bình của ông là bài phê-bình về toàn-diện thì ông cũng không được quá dễ-dãi và quá chủ-quan đối với một con người đã tham-gia vào những phong-trào « quốc-sự » có những hành-vi mờ-ám, bị dư-luận nghi-ngờ mà ông muốn « xí-xóa » thì xí-xóa sao được ?

Ông nói : « Cả đời ông Vĩnh có hai việc hơi mơ-hồ, sự thực nó thế nào chỉ một mình ông biết... Tức là giữa cái đảng-họa Đông-Kinh nghĩa-thục năm 1908 mà ông được thoát và sau cuộc tự-trị bày trò năm 1918 mà ông « có câu ».

Sự thực thế nào chỉ một mình ông Nguyễn biết, tức là ông Phan không biết. Nhưng ông Phan không biết chưa hẳn là không có ai biết, thứ nhứt là những người đã mắc cái đảng-họa Đông-Kinh nghĩa-thục và hơn nữa sau cuộc tự-trị bày trò năm 1918 ông Nguyễn đã « có câu ».

Ông căn-cứ vào đâu mà nói được rằng : « Ông Vĩnh chỉ làm được việc cho mình thì có, chứ chưa hề làm hại đến ai » ?

Ông nói rằng : « Ở xã-hội ta, nhà nho bao giờ cũng có sẵn rìu búa trong tay gặp lúc thì giơ ra để duy-trì nhân-tâm thế-đạo » nhưng thật sự thì không phải chỉ có nhà nho mà hầu hết mọi người đều quan-tâm chú-ý tới công-việc của những người ra gánh vác việc dân việc nước. Tất cả mọi người đều hoan-hô những lúc đáng hoan-hô và đả-đảo những lúc cần đả-đảo. Ông lại bảo : « Gặp lúc nhà cháy con chuột nào có thể thoát thân được thì để mặc nó thoát thân. » Nhưng người ra làm « quốc sự » không thể ví như con chuột và người ta còn cần biết con chuột đó thoát thân bằng cách nào ?

Ông đem việc ông Varenne muốn làm toàn-quyền Đông-Dương mà bị khai-trừ khỏi đảng Xã-Hội Pháp nhưng người Pháp chẳng lấy làm điều, có nghĩa là ông muốn nói dư luận của người Pháp khoan-dung luôn, dễ-dãi luôn.

Mà sự thật lại không phải là thế.

Dư-luận Pháp rất nghiêm-khắc đối với một đảng-viên bị khai-trừ vì một lý-do không chánh-đáng, thứ nhứt lại là đảng-viên đảng Xã-hội hồi đó vẫn được tiếng là chống với chánh-sách thực-dân.

Tóm lại, ông Phan rất thành-thật nhưng bởi ông chủ-quan vì để cho cảm-tình chi-phối nên ông đã bình-vực ông Nguyễn một cách vụng-về trong một địa-hạt mà ông chỉ nên nói phớt qua hoặc không nên nói đến.

Cái địa-hạt mà ông cần phải vào sâu hơn nữa là địa-hạt văn-học, địa-hạt dịch-thuật, địa-hạt báo-chí thứ nhứt là địa-hạt của những người khai-sơn phá-thạch của văn-chương quốc-ngữ.

Ông Phan viết : « *Ông đã hô-hào cho người nước học quốc-ngữ, ông đã khai-sơn cho nghề làm báo và cải-thiện nghề nhà in xứ ta, ông đã dịch nhiều sách Tây ra tiếng mẹ đẻ, ông đã trước hết lập cho thứ tiếng ấy một lối văn giản-dị : hết thảy những điều đó khiến chúng ta phải tôn-kính ông, tôn-kính một cách vừa phải* »

Trên đây, ông Phan đã nói tất cả những cái gì cần phải nói về sự - nghiệp của ông Nguyễn nhưng tiếc rằng ông không đào sâu thêm nữa mà tiếc hơn hết là khi nói đến sự tôn-kính của ta đối với người quá-cố thì ông lại thêm câu : « Tôn-kính một cách vừa phải thôi. »

Phải, ông Nguyễn Văn - Vĩnh không thể gọi được là một văn-hào vì những sáng-tác phẩm của ông không có gì đáng tặng cho ông cái danh-từ ấy.

Ông có tài dịch - thuật và những sách dịch của ông tới nay ta đọc còn thấy hứng-thú, nhưng không thể căn-cứ theo đó mà định giá-trị cho ông trên phương-diện lịch-sử. Ông đã khai-sơn nghề làm báo và cải - thiện nghề nhà in, nhưng những cái đó cũng chỉ là phụ-thuộc mà thôi. Cái chánh mà ta cần phải gọi ra là một tấm lòng tin-tưởng vô - biên đối với tiền đồ chữ quốc-ngữ. Chẳng những tin-tưởng mà còn đem tất cả tài-trí, cả năng-lực để phục - vụ cho tấm lòng tin-tưởng đó. Ta phải so-sánh chữ quốc-ngữ của ta hồi đó với chữ quốc - ngữ hồi Trương-Vĩnh-Ký, Huỳnh-Tịnh-Của. Rồi ta lại kiếm những liên - quan giữa thời-đại *Đông-Dương tạp-chí* và *Nam-Phong tạp-chí* với thời - đại 1930-1940, thời-đại khá gọi là phồn-thịnh của văn-học Việt - Nam thì ta mới thấy cái trớn thúc đẩy mãnh - liệt như thế nào của những bậc tiên - phong tiền-bối, của những người ngay lúc đó đã dám tuyên-bố rằng : « Nước ta sau này hay dở là nhờ ở chữ quốc-ngữ. » Chính ông Nguyễn-Văn-Vĩnh đã tuyên-bố như thế và chính ông đã đóng góp rất nhiều để cho chữ quốc - ngữ được phát-triển kịp với sự phát-triển của dân-tộc Việt-Nam.

Một việc đó cũng đáng cho ông có tượng-đồng. Hương-hồ tôn-kính ông mà lại còn tôn-kính vừa phải là nghĩa làm sao ?

Hôm nay, người phê-bình ông Nguyễn cũng không còn ở lại với chúng ta nữa. Mặc dầu ông cũng có những khuyết-điểm, như ông Nguyễn hay như hết thảy mọi người, nhưng ông trung-thực, ông thẳng-thắn, ông cũng đã đóng góp rất nhiều cho cái trớn thúc đẩy của quốc - văn. Ông cũng đáng được sự tôn-kính của chúng ta, tôn-kính thật-sự chứ không tôn-kính vừa phải đâu.

THIẾU-SƠN

để tô đậm một hình hài ở vóc dáng tuổi ba mươi :

Vương miện

MAI - A

thế phong ra mắt một thi phẩm mang nhiều rung động mới, đặc biệt nói về tình yêu

ĐẠI NAM VĂN HIẾN
xuất bản
161 Hồng Thập Tự Sàigòn

Société Indochinoise de Documentation et de Représentations Commerciales

(S. I. D. E. R. C. O.)

Exclusivités :

Whisky « BALLANTINE'S »
Cognac « COURVOISIER »
Sardines « LES OCÉANIDES »
Champagne « HEIDSIECK & C° MONOPOLE »
Vins de Chianti et Vermouth « MIRAFIORE »
Vin Rose Valpoliella Chiaretto « MONTRESOR »
Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng — *Tél : 20.055*
SAIGON

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. O.)

18. BEN BACH DANG — SAIGON

một quan-niệm y-học một phương pháp trị liệu

★ ĐẶNG-VĂN-HỒ

L. T. S.— Trong Bách-Khoa số 107, ngày 15-7-61. Ông Bùi-Kim-Chi đã có dịp giới thiệu « Phương pháp trị bệnh và thuốc rẻ nhàu » của bác sỹ Đặng-văn-Hồ. Lần này Bách-Khoa lại vinh hiến bạn đọc chính bài của Đặng-Văn-Hồ trình bày về một « quan niệm y-học, và phương pháp trị liệu » đã phác họa trong Bách-Khoa số 107, ước mong sẽ làm hài lòng những bạn đã thiết tha muốn hiểu sâu hơn về vấn đề trên đây.

Từ ngày ông Harvey tìm ra sự lưu-thông của máu trong cơ-thể rồi ông Jenner (1798) tìm ra phép chủng đậu trời và nhất là từ khi ông Pasteur khám phá ra vi-trùng là nguồn gốc rất nhiều bệnh tật. Y-khoa đã tiến bộ rất mau và đã thực hiện được bao nhiêu là phát minh quan trọng.

Sức khỏe loài người được phụng-sự đắc lực hơn xưa. Con người ngày trước chết oan vì bệnh hoạn hoặc tai nạn, ngày nay có rất nhiều phương tiện để trị lành bệnh và lấy lại sức khỏe như lúc bình thường.

Điều đó chứng tỏ đường lối của các vĩ - nhân tiền bối vạch ra là đường lối chân thực và phong phú. Tân Y-khoa hiện nay vẫn trung-thành noi theo.

Buổi sơ khởi, đường lối ấy rất đơn giản, chỉ lơ thơ có vài ba đường chính, nhưng lâu dần nó đã nảy nở ra nhiều đường nhỏ khác, nhiều chi nhánh rườm rà và phức tạp như ngày nay. Nhờ đường lối ấy, Y-khoa đã tần - bộ, nhưng còn cần tần-bộ thêm, nhất là về phương diện tinh thần. Y học đã quá duy-vật, quá tin tưởng vào dụng cụ

mà họ đã sáng chế ra và như bị ám ảnh vì một xu hướng mà tôi đã gọi là « tinh thần dụng cụ máy móc ». Trong tinh thần ấy, tôi muốn bao gồm cả những kỹ-thuật thường áp-dụng trong Tân Y-khoa và nhiều thứ thuốc hóa học nhân tạo.

Đối với loài cầm thú, tinh thần ấy có lẽ là hợp lý và đầy đủ. Nhưng đối với con người, tuy rằng trước hết cũng là một con vật, nhưng là con vật có trí tuệ, khác hẳn muôn loài, thì « xu-hướng dụng cụ » chỉ thỏa mãn được một phần là phần vật chất, còn phần tinh thần không sao thỏa mãn được.

Đành rằng Tân Y-khoa cũng dùng nhiều chất để bồi dưỡng tinh thần, hay nói đúng hơn, để bồi dưỡng thần-kinh. Các thứ thuốc về loại ấy như barbituriques, tranquillisants, gangliophégiques hình như công hiệu với loài vật hơn là với người. Dùng cho người, các thứ ấy chỉ có một tác dụng thô-sơ, không phù hợp với bản năng hướng thượng của trí-tuệ.

Tân Y khoa sửa chữa khuyết điểm này bằng khoa « Y học linh thể », nhưng khoa này lại quá phức tạp nên ít hiệu quả. Nó quá trừu tượng nên thiếu thực-tế và khó thực hành. Nó chỉ có áp dụng cho một số rất ít bệnh nhân có những điều kiện đặc biệt về tinh thần và tâm-lý.

Nguyên tắc căn bản của khoa ấy dựa trên một số cảm giác bí ẩn đã xảy ra trong quá khứ của người bệnh, như thất vọng, ức chế, ngược đãi, oan ức, mặc cảm, v.v... mà khoa ấy coi như là nguyên nhân sâu xa của nhiều sự khủng hoảng làm suy nhược cơ-thể, gây ra bệnh hoạn. Khoa ấy cho rằng chữa bệnh là phải tác động vào chính những nguyên-nhân sâu xa ấy. Song người bệnh thường đã giảm trí nhớ nên khi cần phải hồi tưởng chuyện cũ để tìm cho ra những trường hợp, những tình tiết nào đã xảy đến và tạo cho họ có những cảm xúc mãnh liệt ấy không phải là chuyện dễ. Hơn nữa, việc điều-trị còn liên quan đến gia-đình, xã-hội của người bệnh và đôi khi còn đòi hỏi cả việc cải-thiện phong-tục, luân-lý, văn-hóa v.v... của họ nữa. Những điều khó khăn như vậy, thì làm sao một ông thầy thuốc có thể thực hiện được. Y khoa linh thể đã quá bao la lại áp dụng những kỹ thuật điều-trị cũng quá tổng quát và mơ hồ, như phương pháp ám thị, tự-kỷ ám-thị, điện giật não (électrochoc), giấc ngủ nhân tạo, giấc ngủ bằng sức lạnh, thôi miên, phép phản ứng theo điều kiện (réflexes conditionnés), phép thong dãn cơ-thể (relaxation), phương pháp tâm-lý, cả đến khoa giải phẫu trong não, v.v...

Theo thiển kiến thì y khoa linh thể đã lầm đường khi đặt yếu tố quan trọng vào những cảm giác thay vì phải đặt vào ngay người bệnh, vào sự mất thăng bằng và sự lệch lạc bộ phận thần kinh giao cảm, vì đây mới là những duyên cớ đã làm hư hỏng thần kinh, gây nên thương tích.

Y khoa gọi sự lệch lạc ấy là dystonies neurovégétatives và đã biết nó biểu lộ ra ngoài cho ta thấy được bằng những triệu chứng rõ ràng như tim hồi hộp, tim đập không đều, đập mau, giấc ngủ không yên, miệng ăn không ngon, tính tình hay hoảng hốt, lo sợ, tinh thần yếu ớt, cơ thể mỏi mệt, da mặt mét xanh, v.v. . . Tất cả những triệu chứng ấy đều biểu hiệu cho một trạng thái bệnh lý trong đó có một cảm giác quan hệ nhất, đó là cảm giác « tự bất mãn », mình bất mãn đối với chính mình, hay đúng hơn, mình bất mãn vì vài phương diện của bản thân mình. Chính về cảm giác ấy, y khoa linh thể lại ít nói đến, tuy nó chính là con đẻ của các cảm giác thất-vọng, ức chế, ngược đãi, oan ức v.v. ... mà khca học ấy đề cập đến luôn. Đó là một thiếu sót đáng tiếc vì nó đã làm lạc hướng vấn đề thực-hành của y khoa linh thể, làm cho các phương pháp của khoa ấy trở nên phức tạp cầu kỳ và như vậy là ngăn trở không ít đến bước tiến của khoa ấy.

Có những bệnh nhân như đã tự giam mình trong vòng bệnh hoạn quanh năm chỉ vì luôn luôn :

— Hoặc bất mãn với sức khỏe của mình (trường hợp hypochondrie) ;

— hoặc bất mãn với tính tình của mình (trường hợp neurasthénie) ;

— hoặc bất mãn với trí-năng của mình (trường hợp psychasthénie) ;

Tựu trong cả ba trường hợp, sức khỏe của họ đều do một cảm giác tự bất mãn chi phối đến nỗi làm mất sự thăng bằng của thần kinh giao cảm.

Tại sao cảm giác « tự bất mãn » lại có thể xảy ra ? Bởi vì người có cảm giác ấy là người không sáng suốt để suy nghĩ, hiểu biết và phán đoán Nếu biết suy luận đứng đắn thì đã không nghĩ lầm, đã không tưởng sai và không sanh ra bệnh.

Vậy thì có phải mọi sự tự bất-mãn đều do sự kém trí óc lý luận mà ra không ? Và nếu ta muốn điều trị cho những người ấy thì không gì bằng giúp cho họ lý luận đúng hơn hoặc ít nhất cũng biết lý luận không quá sai lầm như trước. Muốn thế, trước hết ta phải cố gắng tạo cho họ có một hoàn cảnh thuận lợi để đem lại cho họ sự vui tươi, lòng tin tưởng, tình thương mến đối với mọi người, mọi vật sống chung quanh họ và cả đến niềm hy vọng ở một tương lai tốt đẹp hơn. Trạng thái này dần dần sẽ cải thiện được tư-tưởng, lý luận của họ và sẽ tiêu diệt được cảm giác « tự bất mãn » độc hại nói trên để thay thế bằng cảm giác « an tâm », vui sướng và nhất là sự « tự mãn » của mình đối với mình.

Theo quan niệm vừa trình bày trên đây thì y học linh thể được giản dị hóa đi nhiều và nhờ vậy mà có thể áp dụng không khó khăn cho mọi người, bất luận trong hoàn cảnh nào và với những phương tiện nào. Nói tóm lại, những cảm giác hoan hỷ, lạc quan, yêu đời

và hăng hái có một tác dụng trực tiếp bổ ích cho tinh thần và sức khỏe. Nếu biết vận dụng triệt để những cảm giác ấy tức là đã nắm vững trong tay một phương thuốc « giải độc » rất cần thiết và quý giá trong việc trị bệnh vậy. Trái lại, nếu để cho cảm giác « tự bất mãn » lan tràn vào trong tâm trí thì chẳng khác chi mở rộng cửa để đón rước mọi thứ bệnh tật vào tàn phá cơ-thể mình. Phải chăng đó mới là ý niệm thực tế về y khoa linh thể, đó mới là sự diễn đạt đơn giản và trung thực nhất của khoa ấy.

Lập trường nầy giản dị và xem như quá dĩ nhiên, nên nó chỉ trở thành một quan-niệm y học là khi nào y khoa có thể thực hành vào người bệnh một cách cũng dễ dàng và hiệu quả.

VẤN ĐỀ THỰC HÀNH

Để tạo một trạng thái tinh thần và tâm lý có lợi cho sức khỏe, theo như quan niệm trình bày trên đây, người ta có thể dùng nhiều thứ thuốc, trong đó đáng lưu ý nhất là á-phiện và cô-ca. Tôi xin lấy chất á-phiện làm thí-dụ đem ra thảo luận vì đó là một thứ thuốc điển hình, có nhiều ưu-điểm nhất và cũng có nhiều khuyết điểm nhất.

Ai cũng biết á-phiện lúc đầu có đặc tính rõ rệt làm hứng khởi con người dùng nó, làm họ quên lãng được những mối ưu-phiền, lo ngại, làm giảm bớt sự đau nhức trong thân-thể, tạo cho họ một cảm giác đặc biệt vui sướng, khoan khoái, một cảm giác « thần tiên » như người ta thường nói, khiến cho họ yêu mình, yêu đời, trí não tỉnh-táo, sáng suốt hơn lúc thường. Như vậy phải chăng nó có thể thực hiện được tất cả mục tiêu của y khoa linh thể không. Nhưng trạng thái ấy chỉ tồn tại một thời gian có hạn, 5. 6 tiếng đồng hồ là hết. Sau đó, mọi việc trở lại như cũ ; các cảm giác tươi đẹp đã tiêu tan như mây khói. Nếu muốn hưởng thêm cái lạc thú vừa qua, người ta lại phải nhờ đến á-phiện và dần dần cứ phải dùng thêm liều. Chẳng bao lâu người ta sẽ bị nghiền, nghĩa là thuốc đã nô lệ hóa họ rồi và lúc đó, không sao bỏ nó được. Tệ hơn nữa, lúc ấy tuy vẫn dùng thuốc mà người ta không còn cảm thấy đầy đủ sự khoái trá như lúc ban đầu và thân hình đã thấy bắt đầu suy nhược. Nếu bỏ thuốc thì tức khắc trăm chứng bệnh phát ra hành hạ con người, về thể xác cũng như về tinh thần, cho đến nỗi không còn xử dụng được lý trí và mất luôn cả nhân cách. Thành ra khi đã mắc nghiền á-phiện thì mặc dù có thiện chí đến đâu cũng chẳng mấy người bỏ nó được.

Nếu chịu không nổi những cực hình vì xa lìa á-phiện và nếu phải dùng nó trở lại thì mọi sự đau khổ đều tiêu tan nhưng con người càng ngày càng thêm tiều tụy. Như vậy ta mới thấy á-phiện có thể ích

lợi trong ít lúc đầu nhưng sau đó nó đã trở thành một độc dược rồi.

Thuốc á-phiện trắng (eocaïne) cũng tương tự như thuốc á-phiện nâu nhưng còn nguy hại hơn nhiều, ta càng không nên dùng vào y khoa linh thể.

Từ 8 năm nay, tôi thí nghiệm một thứ thuốc chắt ở rễ cây nhàu (tên khoa học là Morinda Citrifolia). Thuốc này có tất cả các ưu-điểm của á-phiện mà không hề có một tật xấu nào của nó cả. Từ ngày dùng thuốc rễ nhàu, tôi đã thâu lượm được nhiều kết quả khả quan và nó đã giúp tôi đắc lực trong công cuộc xây dựng lý-thuyết và thực hành lý-thuyết. Sau đây, tôi sẽ bàn về thuốc ấy cùng những phương pháp khác mà y khoa có thể dùng để trị bệnh và gìn giữ sức khỏe.

ĐẶNG - VĂN - HỒ

Kỳ sau : *Áp dụng quan niệm y-học và bệnh-lý...*

CÔNG - TY

ĐƯỜNG VIỆT-NAM

SẢN XUẤT VÀ BÁN

1— *CÁC LOẠI ĐƯỜNG :*
- Đường miếng lọc
- Đường cát trắng ngà
- Đường cát trắng tinh
- Đường cát trắng Hiệp-Hòa

2— *CÁC LOẠI RƯỢU :*
- Rượu đốt 90°
- Rượu thơm 90°
- Rhum Hiệp-Hòa

TỐT RẺ

Xin hỏi mua tại :

— *Các tiệm tạp-hóa*

— *Văn-phòng* **CÔNG-TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM**
193 và 203 Trần-hưng-Đạo — Sài-gòn
Đ.T. số 24.454

— *Kho 6 Bến Vân-Đồn* **(Đ.T. số : 21.360)**

BANQUE COMMERCIALE ET INDUSTRIELLE DU VIETNAM

VIỆT-NAM CÔNG THƯƠNG

NGÂN-HÀNG

Số vốn : 50.000.000$ V. N.

TỔNG CUỘC SAIGON :

gốc Đại-lộ Hàm-Nghi (93-95)

và đường De Lattre de Tassigny

Điện thoại : 21.558-21.559

Địa chỉ điện tín : Viêtnambank

CHI NHÁNH DANANG (Tourane)

Địa chỉ : 59 đường Độc-Lập

Đảm nhiệm tất cả công việc Ngân hàng.

Có Đại diện khắp hoàn cầu.

Chận đứng : Mệt mỏi

BIOTONE

ỐNG THUỐC UỐNG

TRỊ :

THIEU MÁU

MỆT MỎI

YẾU SỨC

BIẾNG ĂN

GAY CÒM

LÀM VIỆC

QUÁ SỨC

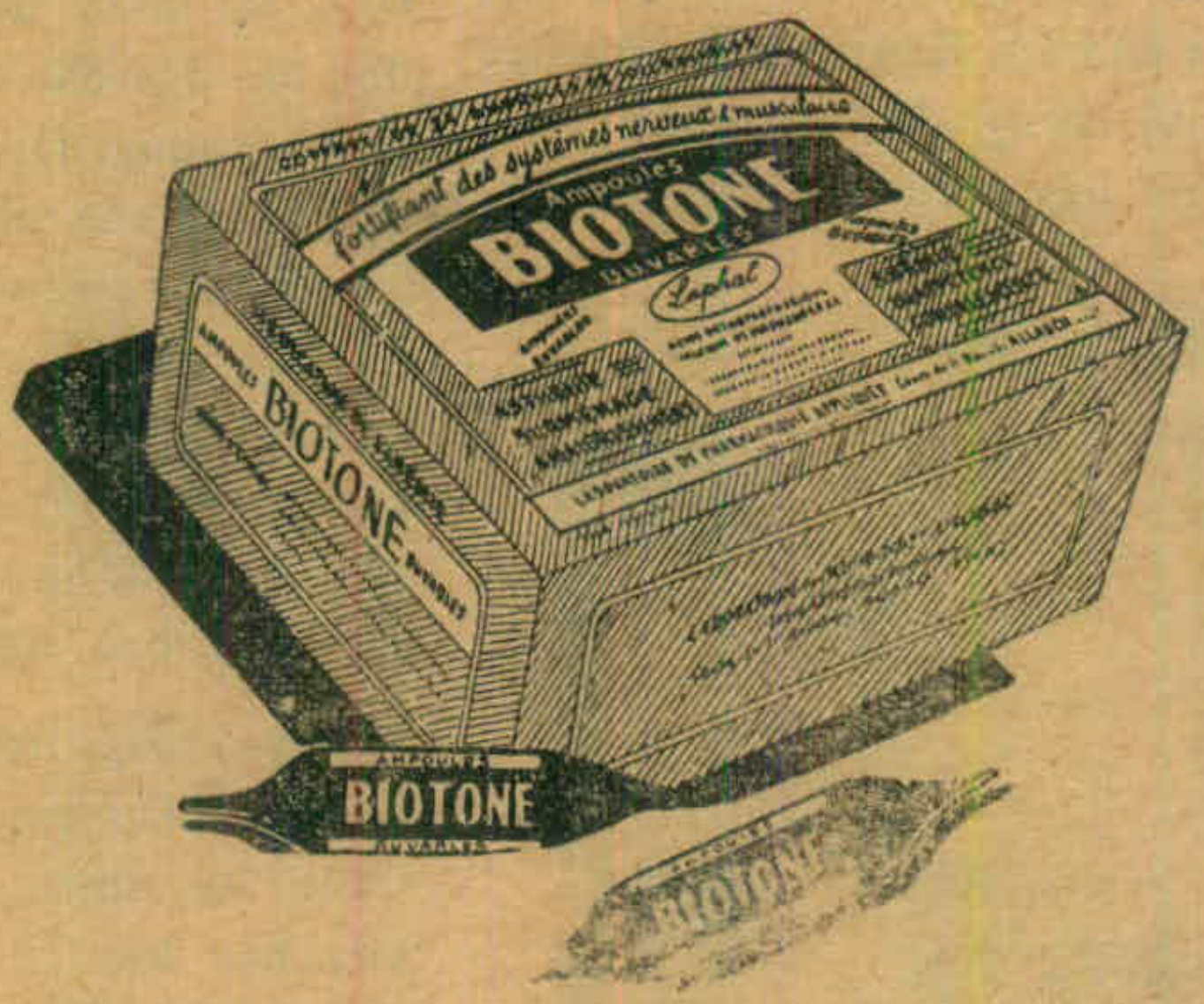

TỔNG PHÁT HÀNH : **Việt-Nam Dược Phẩm Cuộc**

NGUYỄN-CAO-THANG, Dược-Sư

34 Đại-lộ Nguyễn-Huệ—Saigon

VII.— NHẬN ĐỊNH VỀ TRỪU-TƯỢ'NG

ĐOÀN-THÊM

ĐỨNG trước họa-phẩm Trừu-Tượng, công-chúng vẫn có thái-độ thờ ơ, ngờ vực hoặc chống đối. Hiện nay, còn nhiều người mới thấy đã bực mình, chẳng buồn ngắm thì nói chi tìm hiểu ? Theo thường-tình, cũng như đối với thi ca hoặc con người, phần đông chúng ta chỉ chịu xem xét kỹ lưỡng ở trường-hợp thoạt đọc, thoạt nghe hay thoạt trông đã ưa ngay nhiều ít vì một dáng vẻ nào đó. Nhưng nếu vừa liếc qua đã bị sửng sốt vì những vết lem-nhem hay đường nét chằng-chịt, thì lấy gì khiêu gợi thiện-cảm để đi tới thông-cảm ?

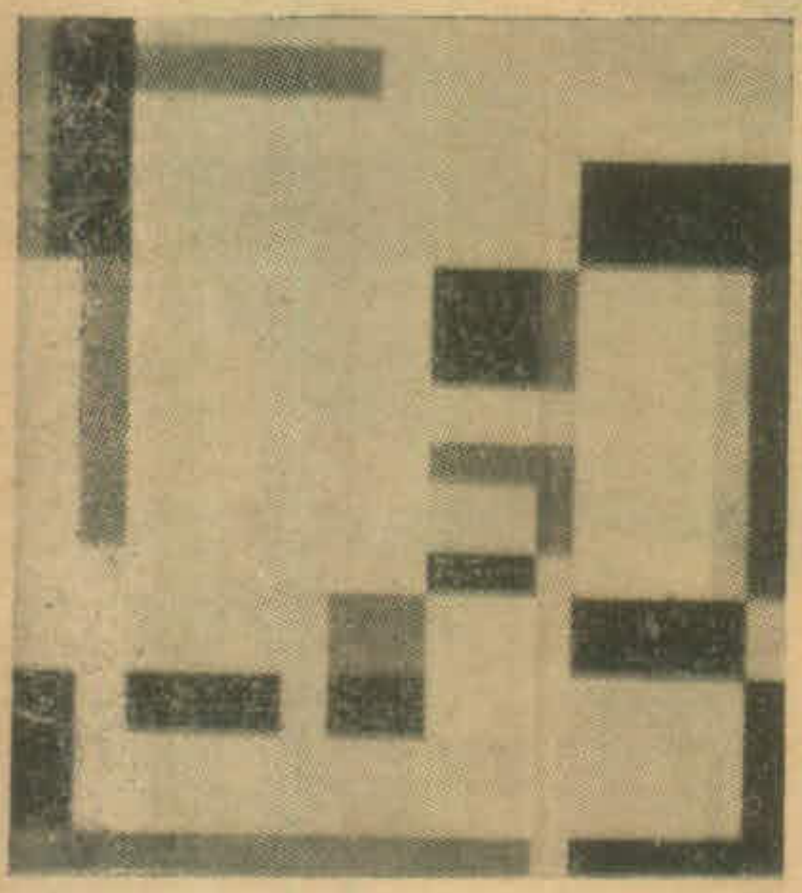

Tranh kết-hợp khiến ta liên tưởng đến tranh *của* Mondrian Composition *1957 của* Marlow Moss.

Về phía phàm-nhân chưa có định-kiến rõ ràng, Trừu-Tượng còn gặp khó khăn như vậy ; huống hồ khi vấp phải phản-lực của những họa - phái thể-hiện sừng sững trong các qui-mô xây dựng trên nền tảng lâu đời, hoặc của những họa-sỹ thể-hiện tự-hào về kỹ-thuật riêng biệt mà lòng tự-ái cá.nhân đã gán cho tính-cách độc.tôn độc-đáo ? Cho nên, từ 1948, nhiều phong.trào phản đối đã nổi dậy, như của nhóm « Nhân-chứng, L'homme-Témoin », nhóm « Hội-Họa trẻ, La Jeune Peinture », nhóm « Dưới 30 tuổi, Les Moins de trente ans »... Và tới nay, thỉnh thoảng vẫn còn những cuộc tranh-luận trên các sách báo nghệ-thuật Âu Mỹ.

Tuy-nhiên, trong lịch.sử hội.họa, những phản-ứng sôi nổi là sự khó tránh, và nhiều họa-phái khi xuất hiện hay khi cố gắng bành trướng, thường bị công kích : Ấn - Tượng (1873) Dã-Thú (1905) Lập-Thể (1912) Siêu-Thực (1928)... Trừu - Tượng thoát sao lệ chung ? Nhưng nếu các nhóm khác vẫn nẩy nở, thì Trừu-Tượng cũng có thể tiến mạnh. Số họa-phẩm mới, hiện nay nhan nhản

không kém tranh thể-hiện. Sự phát-triển đó một phần nhờ quảng-cáo rầm rộ, triển-lãm, bình-luận, diễn-thuyết, cả vô-tuyến truyền - hình, những phương-tiện phổ-biến dồi dào hơn ở thời trước, nhất là tại Hoa-Kỳ là nơi nghệ - thuật vô - thể cũng như mọi trào-lưu cấp-tiến được nhiều giới ưa chuộng.

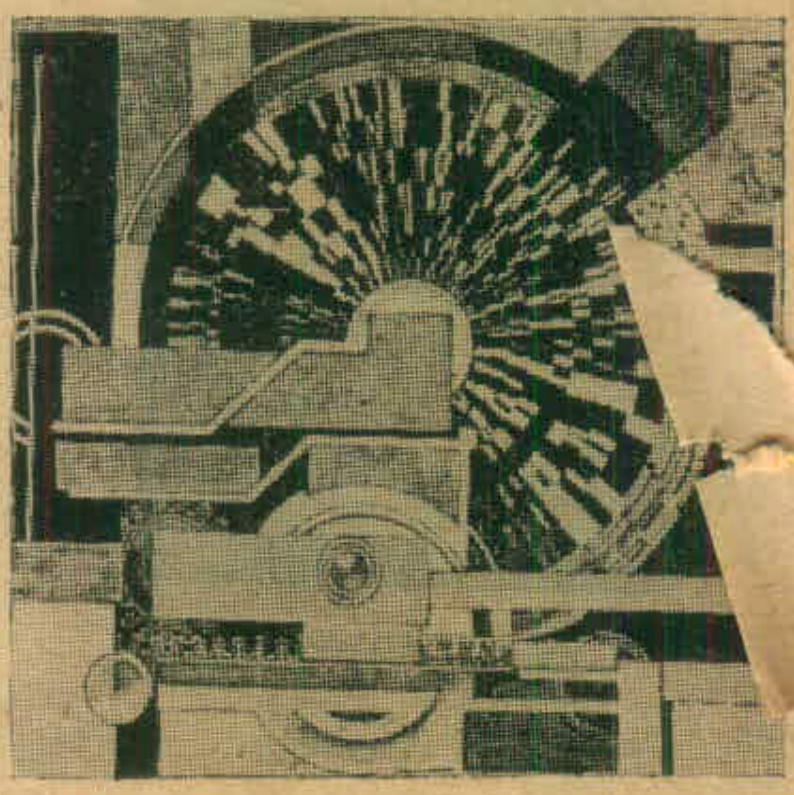

Âm-nhạc Musique 1926
của Frank Kupka.

Song nếu chỉ là một xu-hướng theo thị-hiếu nhất thời, Trừu-Tượng đã chẳng thể trường tồn và tiếp tục lan tràn 50 năm nay. Con số này bắt buộc chúng ta suy nghĩ, dắt ta đến sự tìm hiểu mặc dầu nhiều nét màu chướng mắt. Vậy xin căn cứ vào lý-thuyết của các họa-sỹ mới, ngắm kỹ họa-phẩm của họ, và xét lại cả những thói quen của ta khi nhìn nhận sự vật ; việc sau này không khó, vì thực ra, chính tranh thể-hiện từ một thế-kỷ nay cũng đã buộc ta thay đổi phần nào lúc đưa nhãn-quan vào bức vẽ. Nhưng trước hết, cần xem phe Trừu-Tượng giải

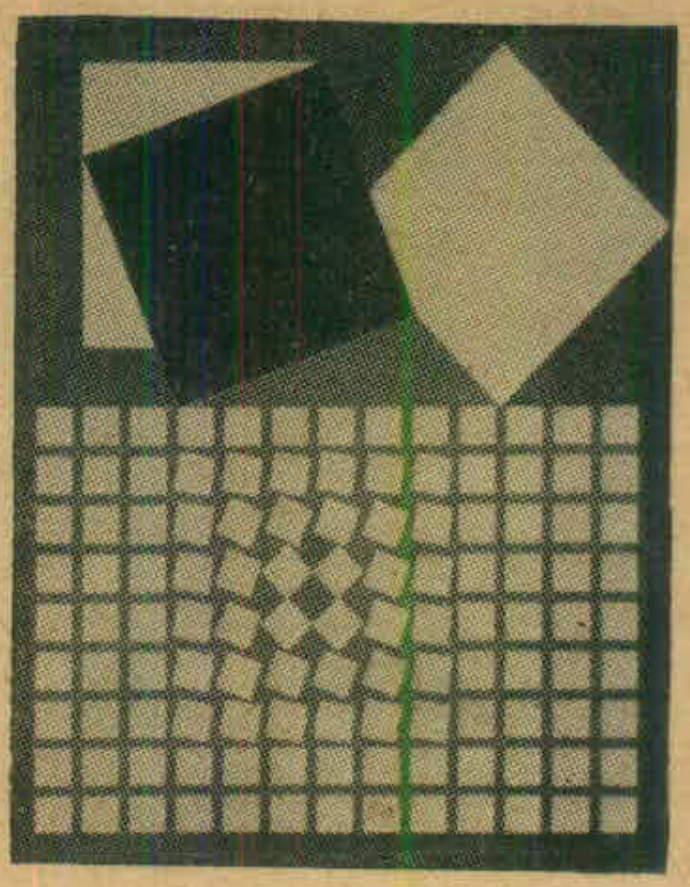

Tranh 100-F 1957 *của*
Victor de Vasarely.

đáp ra sao những thắc - mắc của đa-số (1).

***

I.— *Vì sao phải khước từ tạo-vật và thoát ly thực-tế ?* Hiện nay có ai đòi hỏi vẽ cho giống nữa đâu ? Muốn biến đổi nét màu thế nào thì tùy ý, hà-tất phải xóa bỏ cả những gì trông thấy ? Hoặc tìm đề tài trong tạo vật (nature inspiratrice) hoặc mượn hình sắc quanh mình mà tạo cảnh khác (nature prétexte). Cớ gì phải chối bỏ ngoại giới (refus de la nature) ? (2).

(1) Xin giới thiệu để tham khảo thêm, những bài có giá trị :

— Querelle des Formes của Michel - Louis Cosnil.

— La peinture moderne : un espéranto của Stuart Davis.

— Réalisme et irréalisme của Clément Greenberg.

(*Informations et Documents* số 121, 131 và 133)

(2) Sự phân biệt ra 3 thời kỳ tiến triển đường lối hội-họa của *Raymond Cogniat* (Histoire de la Peinture).

To Queequeg 1957 *của*
Paul Jenkins.

Mỗi họa-sỹ Trừu-Tượng trả lời một cách, nhưng tất cả đều có lý-do bênh vực lập-trường : Theo Poliakoff, các hình thể sẵn có đã được vẽ quá nhiều, mất hết ý-nghĩa. Tạo-vật đã bị các họa-sỹ Lập-Thể bóp méo và diệt-trừ, coi như một bịnh-hoạn. Còn chi nữa mà không rời bỏ ? Cho nên muốn tìm ra các hình thể khác, cần phải rút lui vào nội-tâm (1).

Nội-tâm, đó mới chính là nguồn gốc của nhu-cầu và khả-năng sáng tạo (theo Kandinsky), là nơi nghệ-sỹ cảm thông với những tiềm-lực thâm-trầm (Jean Atlan). Sự Đẹp không ở ngoại-cảnh, nhưng phát sinh từ ý-tưởng, có ý-tưởng về Nữ-Thần rồi Raphaël mới vẽ được ra (Georges Mathieu) (2).

Song Biểu-Hiện cũng vẽ theo rung động nội-tâm, và Siêu-Thực còn bắt nguồn từ tiềm-thức : sao họ vẫn dùng được những hình người thể vật, mặc dầu biến đổi hay tưởng tượng, để bộc lộ và truyền cảm dễ hơn, chớ đâu phải bỏ hết các cảnh tượng mỗi khi phát biểu ý hay tình ?

Trigamme 1958 *của*
René Guiette.

Nhưng theo một số họa-sỹ Trừu-Tượng, có những hoạt-động nội-tâm không biết gọi là gì, chẳng phải đau-khổ của Van Gogh, chua-chát của Rouault, hoặc kinh-khủng của Dali. Họa-sỹ nhiều khi cảm thấy một cách mơ hồ nhưng

(1) « Après Braque et Picasso, c'est le dé-« clin, le dépérissement de la peinture figurati-« ve. Ils ont déformé le monde extérieur et ils « l'ont tué comme une maladie, il fallait s'en « détacher, on ne pouvait plus faire autrement. « Les formes étaient usées . Alors on a com-« mencé à chercher plus à l'intérieur. » *Serge Poliakoff* (Témoignages pour l'Art Abstrait)

(2) — « Nécessité intérieure de l'âme » : « *Kandinsky*.

— « Communication avec les forces profondes » : « *J. Atlan*.

— « L'idée de la Madone existait avant qu'-

— « elle ne fût peinte par Raphaël.... l'idée « de beauté préexiste à l'élaboration des « oeuvres » : *G. Mathieu*.

day dứt, không thể mượn cỏ cây, đồ đạc hay mặt người mà diễn tả, phải tìm ra phương-tiện riêng tuy không giống chi ở ngoại-giới nhưng phù-hợp với tâm-trạng đặc-biệt (1).

Tâm-trạng đặc-biệt ấy, chính họa-sỹ không nhận thức được rõ ràng, chỉ thấy nhu-cầu băn-khoăn tìm tòi bằng cách cử động thân thể, như người nhảy múa cứ theo vũ-bộ thì mới dò ra điệu sống của mình (2). Danh-họa Mỹ Pollock thấy bứt rứt, thì rải tấm vải ra sàn, đi lại loanh quanh như kiếm vật gì, rồi bỗng chốc cầm hộp sơn màu thủng lỗ, vung tay cho chảy lung tung thành những nét đường chằng chịt rồi ren, rồi tới giây phút nào đó, ông kêu lên : « họa-phẩm đã *ra* rồi, la peinture *sort* bien ». Vậy họa-phẩm đó nẩy vọt từ tâm hồn, song là cái gì ? Là những « cảm-giác có tính-cách cụ-thể, *des sensations picturales concrètes* » (3)

Gặp nhau Rencontre 1956 *của* Jean-Paul Riopelle.

Ở họa-sỹ khác, như *Kupka*, là một sự dễ hiểu hơn, một khát-vọng hòa hợp và thực-hiện sự hòa-hợp đó bằng những nét những màu không vẽ nên hình gì quen thuộc, được sắp đặt theo một thứ kỷ-hà-học của lý-tưởng tạo ra, song cũng giao ứng với nhau như âm thanh của nhạc-sỹ, hay đúng hơn, là những âm thanh được hiện ra nét màu. Còn như vẽ theo lối thể-hiện ngoại-giới, là chịu để cho ngoại-giới lừa dối bằng ảo-ảnh (4).

---

(1) « C'est le monde des émotions qui s'exprime « par une technique appropriée. Le peintre devrait « trouver son langage pour communiquer ses états « affectifs sans recourir à la représentation du « monde extérieur » : *Gérard Schneider*).

(2) « Je pense qu'il y a une source commune « entre le peintre et le danseur, cette source com- « mune, c'est une certaine manière de vivre les « rythmes » *Jean Atlan*.

(3) Theo tường thuật về cuộc phỏng vấn Pollock, trong cuốn Histoire de la Peinture Moderne 1960 của Herbert Read :

Họa sỹ Jackson Pollock không thể nói rõ hơn cái gì đã cảm thấy trước khi vẽ, phải vẽ được ra rồi mới biết như thế nào.

Trước ông 50 năm, Cézanne cũng đã gọi cái mình cảm thấy khi muốn vẽ, là « cảm-giác li-ti, *la petite sensation* ». Kể thì khó nói thật, tiếng nói của con người có hạn, xin thức-giả lượng xét.

(4) « Une sorte de *géométrie pittoresque* de la « pensée, la seule qui reste possible, *entraîne le* « *peintre à moins de mensonges*... Je tâtonne encore « dans le noir, mais je pense que je peux trouver « quelque chose entre la vue *et* l'ouie, et que je « peux produire une figure en couleurs comme « Bach l'a faite en musique » : *Frank Kupka* (1871-1957).

(Theo phỏng-vấn của Guy Habasque, Connaissance des Arts No 101 Juillet 1960).

Ảo - ảnh, bởi vì nhỡn - quan đâu có cho biết sự thực ở mọi vật quanh ta ? Không - gian gần xa và ánh bóng tỏ mờ thường khiến ta ngộ nhận (illusions d'optiqne) ; màu sắc mà bao đời ta tưởng là thành-phần hay thể-chất của hoa cỏ, trời đất. . . chẳng qua là những làn sóng rung rinh lướt qua mỗi vật, mà mắt ta nào có thấy ? màu hoa đã là ảo-ảnh, ta lại đem màu thuốc cũng là ảo-ảnh để bắt chước vẽ theo ảo-ảnh làm chi ? (1). Nghệ-sỹ cần tái tạo. Ngay từ 1855, thi-sỹ Baudelaire viết về hội-họa, cũng đã thấy trong hoạt-động sáng-tác, chí nghệ-sỹ có thể làm tiêu tan tạo-vật này, rồi với những nguyên-liệu thâu thập lại, đem xếp đặt theo những đường lối bí huyền thăm thẳm tận đáy lòng, mà sinh hóa một vũ trụ mới (2).

Lại còn lý-do khác để trốn tránh ngoại-cảnh, nếu đứng về phương-diện xã-hội, mà ngao ngán vì cuộc đời : Paul Klee đã viết trong thời-kỳ Đại-Chiến 1915 : thế-giới này càng đáng ghê sợ, thì nghệ-thuật càng lánh xa vào Trừu-Tượng (3).

II. — Tự-do sáng tạo, song cũng phải có đường lối rõ rệt, thì hoạt-động mới có tính-cách nghiêm-trang cao-qui của một nghệ-thuật : nhưng hình như các hoạ-sỹ Trừu-Tượng ngày nay muốn vẽ thế nào thì vẽ ? Lung tung, nghệch ngoạc, quái gở, ai chẳng làm nổi ? giá thử không học tập gì, cứ cầm bút sơn bôi tràn đi, thành mấy vệt lèm nhèm, rồi cũng trưng bày, bảo đó là « kết-hợp » là « cảm-giác », là « vũ-trụ ». . . ai có quyền chê bai ? vì chê bai theo tiêu-chuẩn nào, khi đã hoàn-toàn tự-do ? ai trách, thì trả lời rằng người ta không hiểu nổi. Chẳng lẽ nghệ-thuật hạ giá như vậy, những người bênh vực Trừu-Tượng nghĩ sao ?

Những lời chê trách như trên, cả nhiều họa-phái thể-hiện cũng đã chịu đựng. Lung tung ? Xin coi lại tranh Lập - Thể phân - tích. Nguệch ngoạc ? Một đặc-tính của nhiều bức Dã-Thú. Quái gở ? Những cảnh tượng của Max Ernst, Masson, Tanguy. . . chẳng thế hay sao ? Nhưng rồi các loại đó vẫn được nhiều giới tán thưởng hoặc chấp nhận, một khi hiểu nổi lý-do và ý-nghĩa của những sự vật thoạt trông có vẻ dị-thường : dị-thường là một tính - chất sự đẹp, như thi - sỹ Baudelaire đã nói (Le beau est toujours bizarre). Ở ngành nào, theo đường lối nào chẳng có tranh vẽ dở ? Song nếu dở, không phải vì những điểm đã nêu ra, mà ở sự nghèo sinh - lực, thiếu cá - tính cùng sức truyền-cảm : nói ra thì khó, nhìn kỹ sẽ thấy.

---

(1) « . . . on a reconnu l'impossibilité de saisir le caractère véritable des aspects de la nature. . . on a reconnu aussi l'erreur de l'interprétation fantaisiste, continuation des naivetés anciennes... :

Frank Kupka : Créer, 1921.

« On ne peint jamais ce que l'on voit.. ou croit voir » *Nicolas de Staël*.

(2) « . décompose toute la création, et avec les matériaux amassés, disposés selon des règles dont on ne peut trouver l'origine que dans le plus profond de l'âme, elle crée un monde nouveau :

Baudelaire, Curiosités esthéthiques.

(3) Plus ce monde est terrifiant, (aujourd'hui par exemple) et plus l'art se fait abstrait : *Paul Klee*, Journal 1915.

Đã đành rằng có vô-số tranh đầy những vết lằng nhằng lem luốc, hoặc ô vuông xanh đỏ mà ai cũng có thể bôi vẽ : sản-phẩm rẻ tiền của hạng a-dua xu-thời, nhắm mắt theo chân những bậc thày khó kịp (1). Song có thiếu chi những nét màu mang bút-pháp cá-nhân với những đặc-sắc chưa từng thấy trong lịch-sử hội-họa ? Chúng ta hãy chú ý đến nét lơ thơ hay tung bay của Hartung, những ánh sáng huyền-bí của Manessier hay giao-động của Sam Francis... Ngắm kỹ nhiều họa-phẩm đã nổi tiếng, đâu phải chỉ có sự hỗn-loạn ? Mondrian hay Herbin xếp đặt ngang dọc tròn vuông cân xứng theo nhiều phương-thức dung hoà luận-lý và tưởng-tượng; - Kupka vạch kẻ những đường rất tế-nhị tinh-vi, dù động hay tĩnh, thẳng hay cong, cũng gây được ý-niệm cụ-thể về nhạc-điệu vô-hình ; — Những gạch những chấm lộn-xộn của Tobey không phải đã được ném ra một cách vô-ý-thức : nhìn lâu sẽ tìm được nhiều trạng-thái tân-kỳ gây cảm-tưởng sống động về cảnh sinh-hoạt hiện-đại ; — những dây chằng-chịt của Hantaï hướng về phía này phía kia để sánh nhịp, như sợi chỉ rối muốn tìm lối gỡ ra đầu mối, khiến ta nghĩ tới những ý-tưởng mung-lung trong một tâm-thần hoang-mang cần ngoi ra ánh sáng và tiến đến sự hợp hoà.

Vẫn biết sự đột-nhiên cảm-hứng và những xúc-động rung chuyển bàn tay, là những tiềm-lực thúc đẩy sáng-tác ở nhiều họa-sỹ Trừu-Tượng. Nhưng không phải vì thế mà ngành hội-họa này chỉ ỷ vào sự ngẫu-nhiên huyền-diệu, trái lại, cũng đòi hỏi sự can-thiệp của lý-trí và bắt buộc suy tưởng để châm chước mà dung nạp những yếu-tố căn-bản của hội-họa thể-hiện: *bố-cục trên bức tranh, nhịp điệu của đường nét, hoà-hợp của màu sắc và tinh-thần phát tiết ở toàn-diện.*

Tranh *Hartung* mang những nét dài phơ phất, song không ai có cảm-tưởng rằng cứ đưa bút lằng nhằng cũng thành những đường cong mềm mại như nhành lan lá liễu; được phỏng-vấn, họa-sỹ đã trả lời: những rung động khi ngẫu-hứng. có thật, nhưng chẳng đưa tới một đề-tài gì, ở trường-hợp ông; cũng như một tiếng kêu không có ý-nghĩa gì hết, chỉ thành âm nhạc nếu theo một vài *qui-tắc* : (un cri par exemple n'est pas de l'art ;

---

(1) Marcel Tapié, một nhà phê-bình đã hăng hái bênh vực Trừu-Tượng, cũng phải kêu rằng : quá nhiều kẻ bất-tài, tưởng vẽ theo Trừu Tượng dễ dàng, đã ùa vào đường lối này, đến nỗi vàng thau lẫn lộn, khó lòng phân biệt những tác-phẩm có giá-trị giữa đống tranh không được một vẻ gì, và ngu xuẩn hết chỗ nói (L'apparente facilité de l'art non-figuratif a attiré ces dernières années tellement de médiocres de tous acabits, que tout ce qui est valable dans ce domaine est de plus en plus difficile à déceler, au milieu d'une production empreinte d'une telle nullité et d'une telle imbécilité que les meilleures volontés en ont assez : (*M Tapié* — cité par B. Dorival et P. Tisné XXè siècle, P. 117).

pour qu'un cri devienne art, il lui faut obéir à *certaines lois* très difficiles à définir). (1)

Poliakoff sắp đặt phân phối những khoảng màu, với dụng-ý giữ cho mọi phần tranh có tính-cách thăng-bằng (certaines règles m'aident à trouver l'équilibre de mes compositions). Theo *Atlan*, chất sơn và cách tô màu phải tuân những lệ chung chi phối bố-cục (subir les lois générales qui régissent la composition du tableau) *Serpan* tuyên bố phá hủy thực-tế, nhưng trên những tàn-tích, lại xây dựng, ước tính mọi cách liên-hệ giao-ứng, chỗ nào đầy chỗ nào rỗng, bề trong đối với bề ngoài, đường nọ bắt với đường kia như thế nào để tạo hình mới (Je bâtis... Dans mes toiles, des signes s'ordonnent, des configurations apparaissent : appelons-les structures).

Về màu sắc, các họa-sỹ cũng đã suy xét nhiều : *Vasarely*, *Dewasne* đi tới quan-niệm : Màu là Hình-Thể (La Couleur est une Figure) và mỗi vệt màu không vuông không tròn không tam-giác... và chẳng cần lồng vào đường nét như ở tranh thể-hiện, cũng vẫn phô bày ra một thứ hình-thể nào đó. Người ta trách Trừu-Tượng bôi lem quệt vẹt (*laches*) nhưng quên rằng vệt cũng có hình rộng hẹp và bôi quệt như vậy, tức là giải phóng màu khỏi các khung hình-thể, màu không bị đường nét giới hạn, tha hồ lan tràn gần xa mà giao cảm.

Không theo đề-tài ngoạn-mục hay phơi ý-nghĩa rõ ràng như họa-phẩm thể-hiện, tranh Trừu-Tượng chẳng thiếu hồn. *E. Jaguer* chủ-trương cùng với nhiều họa-sỹ Vô-Thể, một nghệ-thuật thoát-thực mà vẫn diễn tả nỗi sự lo âu, sự vui sướng, và những ước mong thèm muốn... (l'inquiétude, la joie, l'espoir, le désir... sous une forme couramment non-figurative.).

* * *

Những biện-thuyết kể trên, được chứng minh bằng những tranh có giá-trị, đã lôi cuốn nhiều giới thức-giả, nên mới được chính-thức chấp nhận vào các viện Bảo-tàng là những cơ-quan rất thận-trọng xưa nay trong việc dung nạp tác-phẩm nghệ-thuật. Từ 1945 đến giờ, sự chuyển-hướng hội-họa từ Thể-Hiện sang Vô-Thể vẫn tiếp-tục không ngừng, và nhiều giải thưởng lớn đã vào tay họa-sỹ Trừu-Tượng (2).

---

(1) Theo cuộc phỏng-vấn ở đài phát-thanh, do một bác-sỹ chuyên-môn về thần kinh-học «Connaissance des Arts số 72 tháng 10-1960». Họa-sỹ cảm thấy đường lối, nhưng không nói ra được. Đối với người chân-tài như Hartung, nghĩ có thể tạm tin mà không cần đòi hỏi chứng minh thêm.

(2) *Manessier* được giải đặc hạng 1953 Đại Hội nghệ thuật Quốc-tế Biennale de Sao Paulo.

Soulages được giải đặc hạng 1957 Đại Hội Nghệ thuật Quốc-tế Biennale de Tokyo.

Tobey được giải đặc hạng 1958 Đại Hội Nghệ thuật Quốc tế Biennale de Venise.

Manessier, Singier, Bazaine... được mời vẽ trang trí nhiều Thánh đường, Đấu xảo Quốc tế, hoặc những trụ sở «nghiêm khắc» như tòa Phá-án năm 1956, Viện Bảo tàng Nghệ thuật mới Musée d'Art Moderne ở Paris trưng bày rất nhiều họa-phẩm của Nicolas de Stael.

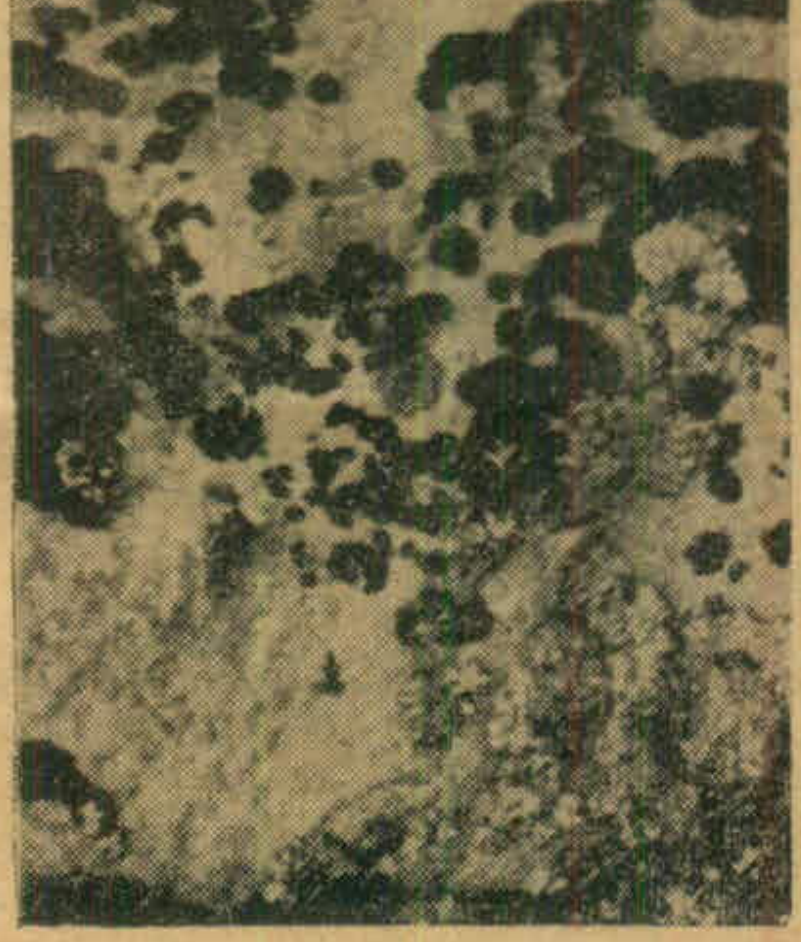

Hình A

Hình B

Hình C

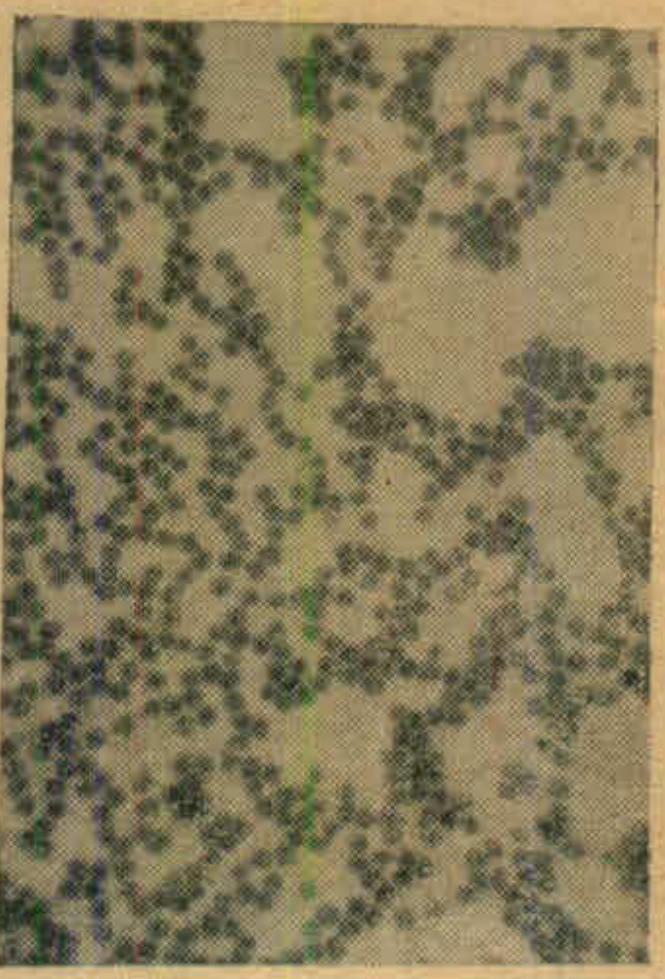

Hình D

CHÚ - THÍCH :

Ở trang bên, không phải là những tranh Trừu-Tượng chỉ là những ảnh khoa-học in trong các sách báo : Ce monde où nous vivons (Hachette) Réalités số 181 và 182 năm 1961.

Hình A.— *Đám rêu trên đá.*

Hình B.— *Không khí bao phủ trái đất chụp từ một hỏa-tiễn bay cao 125 km.*

Hình C.— *Thạch nhũ trong hang tối.*

Hình D.— *Huyết cầu trong giọt máu.*

Tuy-nhiên, phần đông công-chúng còn dè dặt, và qua nhiều bài báo nói về hội-họa ngày nay, còn thấy các nhà phê bình nhấn mạnh đến sự thiếu thông-cảm của nhiều tầng lớp xã-hội (1).

Để có ý-niệm rõ rệt hơn về Trừu-Tượng, xin cân nhắc lại sở-trường sở-đoản của ngành hội-họa này, hay đúng hơn cần xem chúng ta còn những thắc-mắc gì mà các họa-sỹ mới chưa giải đáp nổi. Tạm quên các lý-thuyết cùng tranh-luận, để ngắm lại nhiều loại họa-phẩm, tôi có vài nhận-xét như sau :

A) — Trừu-Tượng quả thật đã mở rộng đường cho hội-họa và đưa nhỡn-giác phàm-nhân đến nhiều lãnh-vực bao la mới mẻ đáng được thăm dò. Những họa-sỹ như Dubuffet hay Wols khiến chúng ta chú ý tới dáng vẻ bí-mật diệu-kỳ phảng phất quanh những vật vẫn bị coi thường và bỏ qua : đám rêu, mảnh tường, vệt nước, v.v... Nếu có giờ phút nào nhàn rỗi để nhìn kỹ, ta sẽ thấy những vật đó bao hàm những đặc-tính hoặc gợi ra những cảm-tưởng không có tiếng gì để nói, chỉ có thể mượn bút sơn của họa-sỹ mà diễn tả lại được phần nào mà thôi.

Nhưng tìm Đẹp hay tìm Kỳ-Dị ? Đứng về phương-diện người *tìm hiểu*, tôi mong cảm thấy đẹp, song đồng-thời cũng muốn khám phá vì sao các họa-sỹ lại đưa họ và chúng ta đến những cảnh lạ-lùng ? Ở phạm-vi thẩm-mỹ, tôi cũng như nhiều người cùng thế-hệ, lắm lúc chán hình sắc hay đề-tài cũ, lại bắt buộc phải quen dần những cảnh vật khác thường mà khoa-học của thời-đại mỗi ngày phơi bày ra nhiều hơn ; cho nên tôi sẵn lòng đón tiếp mà không kinh ngạc, mọi sự biến-hóa do tài trí con người, của nhà thông-thái hay nghệ-sỹ : những cơ-khí với bộ-phận phức-tạp mà chỉ nhà chuyên-môn mới biết tên gọi, cây nảm ngất trời tỏa rực ánh nguyên-tử, những tế-bào lăn tăn sinh nở, hàng triệu huyết-cầu trắng đỏ múa trong giọt máu, thạch-nhũ lô nhô trong vực thẳm như gốc cây, như sâu bọ... Các hình ảnh đó chẳng khác gì mấy nhiều cảnh Trừu-Tượng của Jenkins, Tobey, Dubuffet hay Guiette... Tôi không hề trách các nhà bác-học lột ra hộ tôi mọi sự bí mật trong trời đất với những nguyên-hình bản-thể mà mắt tôi không thấy ở quanh mình : tại sao tôi lại sửng sốt khi bằng tưởng-tượng, trực-giác, hay linh-tính gì đó, họa-sỹ cũng tìm được những hình ảnh tương-tự, để thỏa mãn một nhu-cầu thầu rõ sự liên-hệ đích-thực giữa con người và vũ-trụ, *Le Cosmos* ? Cosmos là một tiếng được nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong các sách, các bản tuyên-bố của Kandinsky, Poliakoff hay Mathieu...

B) — Trừu-Tượng còn đáng ưa vì một đặc-tính : sự phóng-khoáng tự-do mà các họa-sỹ đòi hỏi cho công-

(1) Mới đây, tạp-chí Connaissance des Arts số 112 tháng 6-1961 có tổ chức một cuộc thăm dò dư luận : Xin kể ra 10 họa sỹ còn sống và được ưa chuộng hơn cả. Kết quả chung : các họa-sỹ thể hiện vẫn đứng hàng đầu mặc dầu nhiều họa-sỹ Trừu-Tượng cũng được một số phiếu.

cuộc sáng-tác, cũng được họ thừa nhận cho cả người xem tranh. Còn các tác-giả thể-hiện, tuy biết vẽ tha hồ theo đường lối riêng, đã cố ý hay gián-tiếp ép buộc khán-giả thấu triệt những qui-lệ hay phương-pháp mà họ đặt ra, nếu không thì sẽ chê là chẳng hiểu biết (Cổ-điển, Tân Cổ-điển và các môn-đệ) hoặc muốn điều khiển cả sự thưởng-thức của chúng ta (như M. Denis, P. Signac...) Theo ông này, muốn hiểu tranh, phải đoán xem họa-sỹ đã rung cảm như thế nào, đưa tay phóng bút theo phía nào, tìm cho ra những đường chủ-động (lignes de forces). Khó hơn nữa, chỉ được chú trọng đến ánh và bóng, màu và nét, phối-cảnh, bố-cục, lại cấm hỏi là vẽ gì, vì đề-tài ngoạn-mục bị gạt bỏ, chỉ có các yếu-tố thể-hiện (éléments plastiques) là đáng xem xét mà thôi (1), nếu trái lại, tôi thương nhớ, ước mong, mơ màng trước tranh của họ, tất họ cười tôi là tán rộng và mỉa là hiểu theo lối người múa bút làm văn (littérateur). Ô hay ? phô ra những thắm tươi, lộng lẫy, hay đau khổ, rồi lại bảo không được rung động, chẳng hóa ra coi tôi là gỗ đá vô-tri vô-giác hay sao ? Và khi trưng bày các vẻ đẹp ra, thì họ để cho ai cảm xúc, nếu không phải là cho những con người biết yêu ghét buồn vui...

Đã bao lâu tôi đành nén lòng vì có mặc-cảm e ngại rằng mình là phàm-nhân mà trái những giáo-điều kia, tất sẽ lạc lầm. May thay, những họa-sỹ Trừu-Tượng đã cho biết : họ vẽ theo ý riêng thì cũng mặc cho khán-giả tha hồ nhận xét như thế nào cũng được (2). Nghĩa là họ vừa giải-phóng nghệ-thuật, vừa trả lại cho công-chúng chủ-quyền phán đoán theo trình-độ kiến-thức và khả-năng cảm-xúc cá-nhân.

C) — Khả-năng và trình-độ ấy, là những sự-kiện có thể tùy thiện-chí luyện tập của tôi mà gia tăng. Đã như vậy, tôi không dám theo nhiều người mà trách các họa-sỹ rằng tranh khó hiểu, trái lại, tôi tự liệu cải tiến để kịp họ, lên tới mức cao của hội-họa ngày nay. Bất-cứ ở ngành nghệ-thuật nào, thiết nghĩ chúng ta đừng nên đòi hỏi nghệ-sỹ nhẹ đà hạ cánh xuống gần ta, nhưng cần để họ mặc sức tung bay, thì những nỗ-lực và sáng-kiến mới đưa tới kỳ-công. Nhiều họa-phái hay họa-sỹ khi mới xuất đầu lộ diện, chưa được ưa thích ngay, vì người đồng-thời chưa kịp tìm hiểu. Nếu Cézanne tự dìm mình cho thấp hơn để hợp với đa-số trong thế-hệ ông, tất chỉ thành một thứ nghệ-sỹ hạng nhì như Bougereau mà đời sau chán ngán. Năm bảy năm trước đây, tôi đã ghét Matisse và Villon : hiện nay tôi rất mến Villon và Matisse, chẳng phải tại các ông đó đã đổi thay đường lối, mà vì tôi đã cố học cố nhìn và chịu nghĩ. Chưa xem xét kỹ mà đã chê bai là xấu hay khó hiểu, có lẽ không phải lỗi riêng tôi, mà còn là sự bất-công rất thường thấy.

---

(1) Đã trình-bày rõ ở Bách-Khoa số 101 trang 42.

(2) Bách-Khoa số 109, trang trang 42.

Ở các ngành học-thuật, khoa-học, toán-học, càng lên bậc cao, càng đi xa vào trừu - tượng, nhưng ai cũng cho là sự đĩ-nhiên : còn ở hội-họa, tuy cũng vẫn một luật tự-nhiên như trên, mà bao người trách là « chẳng nghĩa lý gì ». Có nghĩa gì đâu, những cung đàn khiến chúng ta ngây ngất ? Mỗi âm thanh kia có đúng với vật gì sự gì ở chung quanh ta ? Vậy khi màu sắc hỗn-hợp không tròn vuông, hay không hiện trên cánh hoa, dòng nước, mặt người, cũng vẫn có thể rung cảm như những tiếng cầm, tiếng sáo. Làm thơ, xưa kia con người còn nói thực, tả thực, dùng chữ mộc - mạc, rồi ngôn ngữ lảng dần về bóng gió, bóng gió trước còn gợi ra những hình ảnh, về sau hình ảnh mỗi ngày một nhẹ nhàng phơ phất hơn.... Vẽ tranh, người ta cũng đã từng kể chuyện, tả cảnh hay người, rồi mượn người hay cảnh mà biểu lộ tâm tình, tâm tình cũng lặn dần, nhường chỗ cho những ý - tưởng tượng - trưng, và tượng-trưng là bắt đầu hướng về trừu-tượng : các đường liền, dài và rõ rệt giới hạn các đồ vật và mỗi phần đồ vật, rồi được thay bằng những nét phác-họa đơn sơ gợi qua hình thể, và đã thành những vết lấm tấm như của Seurat, thì cũng có thể đổi ra những gạch rất ngắn, những dấu (signes) như của Mondrian trong « Kết-hợp với dấu cộng dấu trừ » : viết chữ Tàu, chân-phương có thể thành nét thảo múa may, tuy khó nhận mà vẫn đẹp.

*
* *

Dẫu sao, chiếu quyền tự-do mà các họa-sỹ Trừu-Tượng đã thừa nhận, tôi không ngần ngại trình bày một ý-kiến riêng bên lề kỹ-thuật.

Các họa-sỹ Trừu-Tượng muốn đưa hội-họa lên siêu-việt, và đem thần-trí con người tạo ra một vũ-trụ khác, một cõi thực thứ hai (une deuxième réalité : Kupka) gồm có những vật chưa từng thấy ở thế-gian này, song cũng có sắc-thái và cá-tính biệt - lập (objet autonome) như chiếc bình hay tảng núi : chính là những họa-phẩm Trừu - Tượng, những gì do họa-sỹ phơi ra ở sắc hình đã tạo. Họa-sỹ Nakache quả quyết : tranh biểu-hiện tưởng-tượng hay kỳ-dị của ông hoàn-toàn là một sản-phẩm của tinh-thần ông, không ai có thể nhận là giống vật gì đã có, và sáng tạo là đưa ra một tác-phẩm *từ chốn hư-vô* (1).

Có thể như vậy không ? Hay chỉ là ảo-tưởng của những tâm-hồn quá tự-tín muốn đoạt quyền hóa-công và quên rằng từ hư-vô đâu có thể tạo thành « *Ex nihilo nihil* » như thi-sĩ Perse đã than cách đây hai mươi thế-kỷ ? Hình sắc xuất phát từ tâm-thần ? Nhưng xây dựng bằng gì nếu không có nguyên-liệu cho trí tưởng-tượng biến chế ? Nguyên-liệu đó được thâu thập dần dần trong cuộc sống ở ngoại giới mà họa-sỹ khinh thường, những

(1) « Mon expressionnisme imaginaire ou fantastique... est une oeuvre de *pure création de l'esprit*, quelque chose de non vu, que nul ne peut réclamer. . La création... c'est à chaque fois, de *faire sortir du néant* une oeuvre originale » *Nakache* (theo cuộc phỏng vấn ở báo Arts tuần 19/26-4-1961).

thể, những hình, những bóng dáng qua giác-quan thâm nhập nội-tâm, rồi theo thời-gian lắng xa xuống đáy lòng, khiến họa-sỹ không nhận thức được nữa, song đến giờ phút nào đó, gặp trường-hợp thuận-tiện hoặc bị kích-động, lại ngoi ra ánh sáng dưới hình-thức khác. Cho nên tác-giả ngộ tưởng và tự hào là mình đã hóa phép thần-thông cho tác-phẩm nẩy vọt từ chỗ *không* ra chỗ *có*.

Nếu chịu khó phân tích, ta sẽ thấy dẫu toàn thể họa-phẩm nhiều khi chẳng gợi ra những gì thường có, mỗi chi-tiết ở bức tranh vẫn giống đổ này vật khác mà mắt ta hay khoa-học cho phép nhận ra. Tỉ như các hình ô vuông của Mondrian : khác chi nhiều miếng vải màu hay khăn phủ bàn ? — Các « nhạc-điệu » của Kupka : tôi ngỡ là những bộ máy tối tân ; — « Nổi Gió, le vent monte » của Le Moal : phải chăng là những thanh sắt dài vọt lên trời như ở tháp Eiffel ? — « Con tin, Otages » của Fautrier : một đống bùn hay si-măng ; — « Hội-họa 1955 » của Hantaï : rơm rác, sợi băng rồi rít, hay dây leo trong rừng rậm ? Vải, khăn, tháp, bùn, sợi, dây, v.v. . . chắc chắn đã vướng mắt các họa - sỹ nhiều lần và để lại trong ký-ức các vị một vài hình ảnh, rồi bị lãng quên ; Một ngày kia, khi họa-sỹ muốn diễn tả nỗi niềm, thì những hình-ảnh cũ theo đà liên-tưởng mà hiện ra . . Tóm lại, không thể có gì vẽ ra được, mà chẳng phát nguyên từ thực-tế cõi này.

Điều đó đã được xác nhận do những họa-sỹ trứ-danh như Bazaine (1) và nhất là Hartung.

« Những đường, những vết chỉ có thể vẽ ra tùy sức hiểu biết của họa-sỹ về những sự sinh sôi nẩy nở, sự tranh - đấu sinh - tồn, mà những điều mắt thấy tai nghe gợi ra và làm sống lại. . . nếu thiếu tính - chất sống động rung chuyển của tình-cảm và thực - tế, thì nét vẽ chỉ là đường cong lạnh lùng của nhà toán-học, màu sẽ tẻ ngắt, vết sẽ chỉ như một viền quanh, hay một khối. . . . Thực-tế bao giờ cũng để lại trong tác - phẩm một vết, một dấu của sự vật, dù sự vật đó không nhận ra được nữa. . . Họa - phẩm của tôi gần thực - tế, nhào nặn bằng chất thực-tế » (2).

Picasso cũng lại nói : không có Thể-Hiện, không có Trừu-Tượng, tất cả mọi vật đều hiện ra cho ta biết dưới những hình-tượng. Ngay ở

---

(1) B.K. số 108 trang. . .

(2) Ces lignes, ces taches ne peuvent exister qu'en fonction de ce que nous savons de la germination, de la croissance, de la lutte vitale, que grâce aux *souvenirs*, *aux associations* qu'elles évoquent et font vivre en nous ; la même ligne, si elle n'était sous-tendue par ce monde grouillant, vivant et changeant, qu'est *la réalité*, ne serait plus qu'une courbe mathématique, cette couleur serait vide de chaleur, de toute émotion, cette tache se réduirait à un contour ou à un volume... L'extériorité de l'oeuvre, dans laquelle subsistent presque toujours une trace, un signe évident de toutes ces choses, mêmes si plus rien ne peut s'en reconnaitre. . . Je crois que *ma peinture est proche de la réalité, pétrie d'elle* (*Hartung* : Jardin des Arts, No 72).

Chuyển-động En mouvement
1957 *của* Theodore Werner.

siêu-hình-học, mỗi ý-tưởng đều theo hình-tượng, nếu bảo rằng có thứ hội-họa không hình-tượng, thì vô-lý không biết chừng nào (1).

Nói tóm lại, khi định gạt bỏ tạo-vật, lý-thuyết của Kandinsky, Mondrian và những người nghĩ như các ông không thể đứng vững về phương-diện triết-lý ; và ở phạm-vi nghệ-thuật, những tham-vọng thoát-phàm của họ không nẩy nở thành nhiều họa-phẩm có hiệu-lực hấp dẫn đa-số, ở giới hội-họa và trong quần-chúng : một là khô khan lạnh ngắt, hai là phóng thả không chừng mực, nên chỉ cho cảm-tưởng hỗn loạn mà thôi. Đó cũng là nhận xét của nhiều nhà nghiên-cứu (2).

Bởi vậy, tôi thiết nghĩ nếu hội-họa cần tự-do phát triển trên những con đường khoáng đại, thì những đường đó phải bắt đầu từ thực-tế của tạo-vật và cảnh-huống con người, mới phù hợp với tâm-hồn đại-đa-số còn ở trong vòng ý-thức-hệ mà giác-quan, tình-cảm, lý-trí và khoa-học xây dựng mấy ngàn năm nay. Vì thế, những sáng-tác bán-trừu-tượng như của Bazaine, Dmitrienko hay Hartung, rất dễ ưa, vì ở một mức khá cao mà họa-sỹ có thể dắt ta lên, nhưng ta không ngại lạc lối đi về.

Đ. T.

Kỳ tới : *Thú xem tranh Thể-Hiện và Trừu-Tượng.*

(1) « Il n'y a pas d'art figuratif et non-figuratif. « Toutes choses nous apparaissent sous forme de « figures. Même en métaphysique, les idées nous « apparaissent par des figures, alors vous pensez « combien il serait absurde de penser à la peinture « sans les images de figures » *Picasso*, Jardin des Arts N° 66 — Spécial 1960.

(2) « Révolte par la violence, la magie ou la « dérision ». *(Françoise Choay :* Jardin des Arts N° 70*)*.

C'est en essence un art révolutionnaire » *(Alain Jouffroy* Jardin des Arts N° 66*)*.

GIAO THÔNG NGÂN HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hàng Chính (Siège Social)

ĐÀI-BẮC — TRUNG-QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87
Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON
158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)
Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sach điện báo : COMMUBANK

Các hãng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi năm từ 300$ đồng trở lên.

TRẦN - QUÝ - THÀNH

tưởng niệm MERLEAU-PONTY

MERLEAU - PONTY bỏ cuộc đời đã hai tháng nay. Cái chết của ông là một tang chung cho ngành triết-học thế-giới, và sự bỏ cuộc của ông là một thiệt-thòi lớn cho chúng ta, vì chúng ta mất một vị anh tài đang giúp chúng ta hiểu và sống cuộc đời cho có ý nghĩa.

Nhân dịp này, chúng tôi muốn trình bày sơ qua về cuộc đời tư-tưởng của ông. Nhất là chúng tôi muốn vạch lại con đường triết-học của ông ; Tử thần đã chặn đường ông, liền sau khi ông vừa bắt tay vào tác-phẩm mà ông coi là sẽ vĩ-đại nhất của ông, tác-phẩm mà ông đã đặt cho cái nhan-đề là « Hữu-hình và vô-hình » (Le visible et l'invisible). Tuy nhiên, với những tác-phẩm trước kia của ông và với tập « Những ký-hiệu » (Signes) ông vừa cho xuất bản được mấy tháng nay, chúng ta cũng đủ nhận-định hướng đi của ông.

Tư-chất thông-minh xuất - chúng, lại chăm-chỉ và thích suy-nghĩ rất sớm, Merleau-Ponty là hình-ảnh sán-lạn của những bậc kỳ-tài mà nhân-loại thỉnh thoảng mới có diễm-phúc đón nhận trên trái đất này. Đỗ thạc-sĩ triết-học năm 22 tuổi, ông liền được bổ làm phụ-giáo tại trường Đại - học Sư - phạm (Ecole Normale Supérieure), nơi vừa đào - tạo nên ông. Năm 41 tuổi, ông được cử làm giáo-sư Đại-Học Sorbonne, và 3 năm sau, tức năm 1952, quê-hương ông đã dành cho ông vinh-dự cao nhất trong ngành giáo - dục : ông được mời giữ ghế giáo-sư triết-học tại Pháp - quốc Học - Viện (Collège de France), nơi mà trước đây những Bergson, Le Roy và Lavelle đã lần lượt làm rạng danh nền triết-học của Pháp. Ông đảm-nhiệm chức-vụ đó cho tới lúc chết.

Về sự nghiệp của ông, tương-đối ông viết ít hơn nhiều triết-gia khác.

Hai tác-phẩm căn - bản đã làm ông nổi tiếng là : *La structure du comportement* (Cơ-cấu của thái-độ) và *Phénoménologie de la perception* (Hiện-tượng-học về tri-giác). Ngoài hai cuốn này, ông có cho thu - tập những bài tiểu-luận để đóng thành hai cuốn *Humanisme et terreur* (Nhân-bản và khủng - bố) nhằm chỉ-trích Cộng-sản, và cuốn *Les aventures de la dialectique* (Những cuộc phiêu-lưu của biện - chứng - pháp) nhằm phê-bình thuyết Mác-xít và riêng những cuộc đánh cánh của Sartre với Mác-xít. Năm 1958, ông cho ra cuốn *Sens et non-sens* (Nghĩa và vô-nghĩa) gồm một số bài về nghệ-thuật, chính-trị và triết-học. Và sau cùng, cuối năm ngoái, ông cống hiến chúng ta cuốn *Signes* (Những ký-hiệu) : cuốn này dày 435 trang và gồm 12 đề-mục khác nhau về những vấn-đề chính-trị, xã-hội và triết-học. Bài tựa dài 47 trang của cuốn sách này nói lên một cách rõ ràng về vai-trò triết-gia của ông và nói chung là của bất cứ triết-gia nào sống trong xã-hội loài người.

Dưới đây chúng tôi sẽ cố gắng theo rõi tư-tưởng của Merleau-Ponty qua ba tác-phẩm mà chúng ta coi là quan-trọng hơn : Cơ-cấu của thái-độ, Hiện-tượng-học về tri-giác, và Những ký-hiệu. Hai cuốn trên là kỳ-công của ông, và cuốn sau cùng là như lời di-cảo của ông. Đàng khác, ba cuốn đó là ba văn-kiện của ba chặng đường tiến-triển của một tư-tưởng luôn luôn vươn lên tới chỗ tận Chân và tận Thực.

Cuốn *Cơ-cấu của thái-độ* nên được coi là lúc lấy hướng, lúc lên đường của ông : ông nhất-quyết gạt bỏ hai thái-độ đối-lập tự ngàn xưa, Duy-trí và Duy-nghiệm; ông coi hai thái-độ đó cùng khiếm-khuyết và giả-tạo; thái-độ của ông là thái-độ bao-hàm tất cả những gì thực-tại nơi con người tại thế: ông không coi con người chỉ là tâm-linh như Duy-trí, và cũng không coi con người chỉ là thân-thể như Duy-nghiệm, nhưng ông chủ-trương con người là hồn-xác nhất-thể. Vì thế các học giả như Alquié và De Waelhens đã gọi triết-học của ông là triết-học lưỡng-tính (philosophie de l'ambiguïté), tức triết - học coi con người là cả hai một trật, hồn và xác, tâm và vật, hay nói đúng hơn : hồn-xác, tâm-vật.

— Cuốn *Hiện-tượng-học về tri-giác* đã áp-dụng một cách sáng sủa tất cả những gì ông vừa chủ-trương nơi cuốn *Cơ-cấu của thái-độ*. Đây là cuốn Tâm-lý-học đầu tiên áp-dụng phương-pháp Hiện-tượng luận vào sự nghiên-cứu cuộc sống nhân-linh của con người : tri-giác là cuộc gặp gỡ đầu tiên giữa con người và ngoại-giới, cho nên Merleau-Ponty đã nhiệm xét và nghiên-cứu rất công-phu và tỉ mỉ về tri-thức đầu tiên đó của con người tại thế. Con người không phải là một linh-hồn bị giam tù trong thân xác, ngó qua những cửa sổ giác-quan để nhìn thấy sự vật ; nhưng, theo Merleau-Ponty, con người là hồn-xác nhất-thể, cho nên tôi là xác tôi, cũng như tôi là linh-hồn tôi.

Thế rồi, nếu không có một linh-hồn ngồi ru-rú trong thân-thể như tù-nhân ngồi trong tù, thì cũng không có một bản-tính sự vật nằm ẩn đàng sau những hiện-tượng mà ta tri-giác. Như vậy, ông hủy bỏ được những ý-niệm cổ-truyền về bản-tính sự vật xét như là hình-thức đại-loại nhập-thể trong những cá-thể (theo Aristote, thì mỗi sự vật trong vũ-trụ đều có hai nguyên nhân, mô-thể và chất-thể. Tất cả các con mèo đã có, đang có và sẽ có, đều có chung nhau một mô-thể duy-nhất là «mèo»; chúng chỉ khác nhau về chất-thể mà thôi, vì mỗi con có một thân xác riêng); ông còn bỏ luôn được kiểu giải-nghĩa cổ-điển về phương-pháp tri-giác của con người: tự Aristote đến Descartes, các triết-gia vẫn chủ-trương rằng muốn tri-giác một sự vật, tôi phải trừu-tượng mô-thể của vật đó ra khỏi chất-thể của nó. Tôi chỉ biết mô-thể, tức bản-tính của sự vật mà thôi. Mà, như ta vừa thấy nhắc lại trên đây, mô-thể tức bản-tính là cái gì nằm ẩn trong sự vật hữu-hình, ẩn đàng sau những hiện-tượng mà ta tri-giác về nó. Bây giờ, sau khi đã bỏ lập-trường của mô-thể và bản-tính (lập-trường này đã đưa tới thuyết Bất-khả-tri của Kant. Kant chủ-trương ta chỉ biết được những hiện-tượng mà thôi, không biết gì về cái bản-tính, tức tự-nội, ẩn đàng sau những hiện-tượng đó), Merleau-Ponty đã dùng Hiện-tượng-học để nghiên-cứu về hiện-tượng tri-giác: những nghiên cứu này cho ta thấy, tri-giác không có chi giống với những cách giải-nghĩa của Duy-trí và Duy-vật. Tri-giác không phải là nhìn vào trong tâm-trí để nhận-thức những ý-tưởng bẩm-sinh (Descartes) hoặc những phạm-trù tiên-nghiệm (Kant); tri-giác cũng không phải là thâu nhận những ấn-tượng do ngoại-vật in trên giác-quan ta (Hume, Watson). Khối lập-thể (cube) sáu mặt kia không thể là đối-tượng của tâm-trí mà thôi, vì tâm-trí chỉ có khả-năng suy-tưởng khối lập-thể đó, và như vậy nó thấu qua ruột của khối lập-thể; trái lại, khi xem khối lập-thể đó, tức là khi tôi tri-giác, thì tôi không thể xem tất cả trong ngoài khối lập-thể đó; bất thấu tính (opacité) của vật-thể chống lại hành động đó của tôi. Mỗi lúc tôi chỉ có thể thấy ba mặt của khối lập-thể mà thôi. Như vậy, tri-giác là những cái nhìn trắc-diện (profil, Abschattung), và mỗi cái nhìn chỉ cho tôi thấy một khía cạnh của sự vật mà thôi. Dần dần, chủ-thể tổng-hợp những kinh nghiệm phiến diện đó lại thành một tri-thức kiện toàn hơn. Về đàng tri-thức xã-hội cũng thế: mỗi hoàn cảnh lại để lộ một khía-cạnh mới của con người ta. Cho nên người Anh có câu: « Muốn biết nhau, phải ăn với nhau một kí muối » nghĩa là phải sống lâu la với nhau. Người mình cũng có châm ngôn: « Thức đêm mới biết đêm dài v. v. » Tri-giác càng không thể là ấn-tượng, như kiểu giải-nghĩa máy móc của Duy-nghiệm: nếu ấn tượng, thì trăm ấn-bản phải giống nhau cả trăm; vậy mà kinh-nghiệm cho thấy: ba người cùng đi xem cuộc triển-lãm với nhau,

mỗi người đã có những ấn-tượng khác nhau, những cảm-nghĩ khác nhau và những bài tường-thuật khác nhau. Tại sao thế ? Thưa vì con người là chủ-thể, không phải là một vật-thể,

Qua cuốn *Hiện-tượng-học về tri-giác*, chúng ta thấy Merleau-Ponty trình bày về triết-học tại thể của ông, hay nói đúng hơn, triết-học của ông về con người tại thể : con người là một đơn-vị tinh-thần sống hoà mình vào vũ-trụ, cho nên tôi là xác tôi cũng như tôi là linh-hồn tôi. Là xác tôi, tôi tri-giác (xem trang sách, ngửi chiếc hoa) ; là linh-hồn, tôi có khả-năng hồi-cố và phản-tỉnh (biết mình vừa xem một trang sách hay, biết mình vừa ngửi một chiếc hoa thơm). Vì thế Merleau-Ponty luôn luôn nói đến hai thứ ý-thức, y như chủ-trương của Husserl và nói chung là của nhóm Hiện-tượng-học. Ý-thức trực tiếp, tức ý-thức tri-giác là ý-thức của tôi khi tôi là xác tôi, khi tôi sống hòa mình vào vạn vật ; còn ý-thức tự quy, tức ý-thức phản-tỉnh là ý-thức tôi có khi tôi tự rút mình ra khỏi vạn vật, và coi chính thân-xác tôi như một sự vật của tôi. Sở dĩ con người là nhân-vị tự-do, vì con người có khả-năng vượt lên trên hiện-tại để hướng về quá-khứ và tương-lai. Thời-gian-tính của sinh-hoạt nhân-vị không phải là thứ thời-gian vật-lý và toán-học. Nói cách khác, thời-gian sống của tôi không thể đem chia làm những lúc trước và những lúc sau riêng biệt nhau như những số nhà của một đường phố. Không. Quá-khứ của tôi vẫn chưa bị tiêu hủy, vì tôi vẫn mang những sầu-thương về người bạn chết năm xưa, và tôi vẫn mang nặng những hối-hận về một việc tôi trót dại làm tháng trước. Như vậy thời-gian-tính của sinh-hoạt nhân-vị, chính là lịch-sử-tính của mỗi nhân-vị. Và con người ví như một kinh-nghiệm mỗi ngày mỗi tinh khôn hơn lên nhờ những cảnh-huống muôn mặt của cuộc đời. Nói thế để chúng ta nhớ : con người không phải chỉ là *chủ thể tri-giác*, nhưng còn là *chủ-thể suy-tư*, ý-thức về tất cả những hành-động quá-khứ của mình, dự-tính về tương-lai, và đảm-nhận toàn-thể cuộc sinh-hoạt của mình trong trọn một kiếp sống. Những ý-tưởng như thế đã làm cho Merleau-Ponty trở thành người anh cả của thế-hệ : người ta vẫn coi ông là đại-diện cho ngành Hiện-sinh đứng-đắn của Pháp-quốc. Thực ra ông đã xứng với địa-vị người anh cả mà thanh thiếu niên dành cho ông : ông đã hướng dẫn họ trong văn-học, trong sinh-hoạt nhân-bản, và nhất là trong thái-độ sáng-suốt và đăm-chiêu suy-nghĩ của ông. Biết rằng thuyết Mác-xít là một cám dỗ cho thanh-niên trí-thức, ông đã nhiều lần suy-nghĩ và phân-tích những cái hay và cái dở của thuyết đó. Ông đề cập tới vấn-đề đó nhiều lần, và trong cuốn sách cuối cùng của ông, *Những ký-hiệu*, ông còn đưa ra những nhận xét rất tinh-tường. Đại ý không cho là những người Cộng-sản đã tự phản-bội và đã xuyên-tạc lý-thuyết của Mác ; nhất là ông tố cáo thái-độ phát-xít của các chính-phủ Cộng-sản và thái-độ phóng-thể của người Cộng-sản. Theo ông, thì chỉ có những

người đứng ngoài Cộng-sản mới có thể phê-bình Cộng-sản cách xác-đáng mà thôi. Tuy nhiên, những suy-tưởng của ông về người Mác.xít hay Cộng-sản chỉ là những trường-hợp riêng ; ý-tưởng chính của ông bao giờ cũng hướng về con người toàn diện, con người tại thể : như vậy ông đã nối lại dòng tư tưởng của cuốn *Hiện-tượng-học về tri-giác* trên đây bằng cách đưa ra những ý-nghĩ về tương-quan giữa cái Hữu-hình và cái Vô-hình.

Đó là mấy nét phác - họa con đường triết-học mà Merleau-Ponty đã đi qua. Con đường đó bị cắt đứt đoạn đang lúc ông sửa soạn cho xuất-bản cuốn sách được coi là tổng-hợp tư - tưởng của ông, và ông đã cho biết là sẽ có nhan.đề là *Le visible et l'invisible* (Hữu.hình và vô-hình). Nhìn vào bài tựa cuốn *Những ký-hiệu*, chúng ta thấy ông đã hé mở cho ta thấy hữu-hình và vô-hình là gì. Bây giờ chúng ta thử đi sâu vào tư-tưởng đó cách toàn-diện.

Nhìn tổng-quát triết-học Merleau-Ponty, người ta không thể gọi nó bằng danh-từ nào hơn là danh-từ « Triết-học lưỡng - tính » Sự kiện lưỡng-tính này hiện ra nơi cuốn *Cơ-cấu của thái-độ*, vì Merleau-Ponty đã chứng-minh một cách hiển-nhiên rằng con người không phải chỉ là tâm-linh như chủ-trương của Duy-trí, và cũng không phải chỉ là cơ-thể như chủ trương của Duy-nghiệm : con người là cả hai, tâm và vật, hồn và xác trong một nhất-thể-tính căn-bản. Sự kiện lưỡng-tính hiện ra rõ rệt hơn trong cuốn *Hiện-tượng-học về tri-giác* : tri-giác không phải là một ý - tưởng, nghĩa là nó không phải là việc riêng của tâm.trí ; tri-giác càng không phải là một ấn-tượng do ngoại-vật in vào và cơ-thể tôi thọ - nhận như kiểu miếng sáp nhận lấy ấn-tượng của đồng-triện. Tri - giác là việc của con người toàn - diện, hồn và xác, hay nói đúng hơn : hồn-xác. Nếu không là việc của xác, thì tri-giác sẽ bị biến thành ý-tưởng : là người lành mạnh, tôi thấy trái banh có thể được ném thể này hay thể kia và mắt tôi nhìn thấy nó tròn ; trái lại, khi bị cụt tay, tôi không thấy trái banh là « có thể bắt và ném như thể này thể nọ » nữa : tri-giác xưa kia về trái banh nay trở thành một ý - tưởng trừu - tượng rằng « người ta » có thể cầm trái banh và ném nó đi theo đường này hay đường khác. Và khi bị mù, tôi không thể tri - giác hình tròn và màu trắng của trái banh nữa, nhưng chỉ có những ý-tưởng mờ mờ về nó mà thôi. Nói thế không có nghĩa là tri-giác hoàn toàn do thân-thể đảm-nhiệm : trái lại tinh-thần, tức là tâm - trí giữ vai trò chính-yếu trong việc tri - giác như ta thấy trong thí dụ sau đây. Khi tôi đếm tiền, thì tay tôi và mắt tôi là chính ý-thức đếm tiền : theo Sartre, thì khi đó tôi là sự đếm tiền, vì tôi trở thành thái-độ đó Tôi trở thành hoạt-động của tôi :

đó là ý-thức phóng-thể, tức ý-thức chưa tự ý-thức về hành-động của mình. Nhưng ý-thức này là điều-kiện của ý-thức phản-tỉnh: nếu tôi không biết tôi đếm tiền (dấu tôi chưa tự ý-thức về hành-động đó của tôi), thì không bao giờ tôi có thể hồi-tưởng về hành-động đó được. Vì thế tri-giác tức hình thức của ý-thức phóng-thể, là điều-kiện của ý-thức tự-quy, tức ý-thức phản-tỉnh.

Chưa xong. Ý-thức tri-giác là ý-thức của *bây giờ và ở đây* (conscience du hic et nunc), vì thế nó có tính-chất lẻ tẻ và gián đoạn. Nếu con người chỉ là ý-thức tri-giác, thì không làm gì có nhân-vị, và khi đó chúng ta sẽ rơi vào thuyết Duy hiện-tượng (Phénoménisme). Merleau-Ponty đã dành một phần quan-trọng của tác-phẩm ông để biện-luận cho lịch-sử-tính của con người. Nếu ông là người thứ nhất áp-dụng Hiện-tượng-học vào Tâm-lý-học (Sartre cũng đã làm công việc này, nhưng chỉ làm sơ qua trong vài cuốn nhỏ như *L'imagination* và *L'imaginaire*), thì ông cũng là người đã áp-dụng một cách đứng-đắn những tư-tưởng về thời-gian-tính của Husserl vào ngành Nhân-bản-học (anthropologie). Trong ý đó ông viết: « Nếu tôi chỉ là bây giờ và ở đây thôi, thì tôi không phải là người của bây giờ và ở đây. Trái lại tôi sống trong quá-khứ và còn sống ở nơi khác nữa v.v. » (*Phénoménologie*, p. 382). Đúng như Hegel đã nói: « Tất cả yếu-tính của con người ở tại khả-năng tự phản-tỉnh. Vì thế, hiện-tại của tôi đầy ứ những quá-khứ, và đang phồng lên bởi sinh-khí của tương-lai: thời-gian-tính nhân-vị là một kỳ-gian trong đó mỗi quãng đều pha-trộn đủ cả ba mẩu thời-gian: quá-khứ, hiện-tại và tương-lai. Ai là người đã không kinh-nghiệm những ngày đi xa. Nhất là những ai đã tạm xa quê-hương, đều chứng-nghiệm hiện-tượng thời-gian này: mấy ngày sau cùng, khi những sửa soạn đã xong, lòng ta thấy như đã đang sống cảnh chia-ly rồi: ta buồn và ta coi những người thân yêu của ta bằng đôi mắt xót xa y như thể ta sắp xa họ trong chốt lát; thế rồi phút chia ly đã đến, ta xuống tàu ra khơi: dải đất quê-hương đã biến mất dưới làn sóng, mà ta vẫn nhìn về phía nước nhà, lòng ta vẫn muốn kéo dài những dư-âm của những giọng nói thân-yêu và những nét mặt quý-mến; tầu đi đã lâu, ta đang ngồi giữa những người khác, mà ta tưởng chừng như mình còn ngồi kề bên Khánh-Hội. Như vậy, khi chưa chia-ly, ta đã sống phút chia-ly; khi chia-ly rồi, ta vẫn sống bám chặt vào lúc sắp chia-ly: như vậy ta đã hiện-tại-hoá tương-lai, và hiện-tại-hoá dĩ vãng, và như vậy dĩ-vãng và tương-lai đã thực sự nằm giữa lòng hiện-tại. Và bây giờ ta mới hiểu câu nói của Merleau-Ponty: « Một hiện-tại không dìu lại quá-khứ, và không hướng về tương-lai, chỉ có

thể là định-nghĩa của sự chết» (*Phénoménologie*, p. 384).

Như thể có nghĩa là con người luôn luôn vượt lên trên cái thiển-cận của «lúc này và ở đây»: con người ý-thức về tất cả cuộc sống của mình. Tôi chỉ là tôi như hiện nay, bởi vì tôi đã có một quá-khứ độc-đáo, khác hẳn quá-khứ của anh tôi và của em tôi. Quá-khứ đó không mất đi đâu hết; nó vẫn kết-tinh lại trong tôi: nó là lịch-sử của tôi, và là nhân-vị của tôi bây giờ và cho đến khi tôi chết. Chính ý-thức tự-quy cho phép tôi đảm-nhận quá-khứ và tương-lai của tôi. Chính ý-thức đó là cơ-cấu của tự-do-tính của tôi: «Tự-do là hành-động của ta chọc thủng vào tương-lai... Như vậy mỗi khoảng khắc không thể là một cái chi đóng kín và biệt-lập, nhưng mỗi khoảnh-khắc đều liên-can đến những khoảnh-khắc đi sau nó, và đồng thời cũng dựa trên dĩ-vãng của ta: tất cả làm thành một hướng đi, một đà tiến của tinh-thần, (Ibid. ,p. 500).

Sartre chủ-trương tự-do tuyệt-đối của con người: theo Sartre, chúng ta có thể mỗi lúc tự tuyển-trạch, và như vậy chúng ta có thể mỗi lúc tự từ-chối mình. Merleau-Ponty giữa lập-trường gần giống lập-trường của Jaspers, không công-nhận con người có tự-do tuyệt-đối. Tự-do của con người chỉ là một thứ tự-do bị điều-kiện. Bị điều-kiện vì, như ta vừa thấy trên đây, mỗi lúc của đời tôi là một đốt xích của toàn thể cuộc đời tôi, mỗi lúc đó đều mật-thiết lệ-thuộc vào những lúc trước và những dự định sau của tôi. Bị điều kiện nhất là vì mỗi khi quyết-định, tức mỗi khi dùng tự-do-tính của ta, ta bị đặt trong những cảnh-huống nhất định. Mà nói cảnh-huống, tức nói một mớ những điều-kiện tinh-thần và vật-chất: «Chúng ta bị pha trộn vào vũ trụ và pha trộn với những tha-nhân một cách quá khó gỡ. Nguyên ý-tưởng về cảnh-huống đó cũng đủ chứng tỏ rằng ta không có tự-do tuyệt-đối, cả trong khi ta dự-tính, cả trong khi ta kết-thúc công việc.» (Ibid. p. 518). Tư-tưởng rất lành-mạnh này của Merleau-Ponty giúp chúng ta sống cuộc đời cách thận-trọng hơn; vì tự nhận mình hữu-hạn, chúng ta không kiêu-hãnh vô lối như những nhân-vật tiểu-thuyết của Sartre, đồng thời chúng ta dễ tìm thấy Thượng-Đế và tin-tưởng nơi Ngài. Merleau-Ponty không nói tới Thượng-Đế, nhưng tư-tưởng của ông hình như lúc nào cũng mời gọi một Siêu-Việt, một Cao-cả hơn con người.

Nhìn lại quãng này, chúng ta thấy lưỡng-tính của con người hiện ra nhiều cách: con người vừa là ý-thức tri-giác để hòa mình sống trong vũ-trụ, vừa là ý-thức tự-quy để đảm-nhận, sửa chữa và dự-tính cuộc sống trong vũ trụ như thế; hơn nữa lịch-sử-tính của con người làm cho chúng ta vừa là quá khứ vừa là tương lai trong mỗi lúc hiện-tại của chúng ta; sau cùng, lưỡng tính của con người hiện-lộ nơi tự-do-tính của chúng ta: chúng ta hướng về Vô-cùng, nhưng

mỗi lúc chúng ta kinh-nghiệm thấy giới-hạn của những nỗ-lực và giới-hạn của khả-năng ta.

Đó là cái nhìn tổng-quát về « triết học lưỡng-tính ».

Nhưng, ở giai-đoạn cuối cùng, với cuốn *Những ký-hiệu* mà ông đã xuất bản và với cuốn *Hữu-hình và Vô-hình* mà ông đang cưu-mang khi cái chết đến gặp ông, triết-lý lưỡng-tính của ông đã mặc thêm một huy-hiệu mới. Huy-hiệu đó là Hữu-hình và vô-hình. Thực ra, khi đã theo rõi tư tưởng của ông nhiều năm, người ta dễ nhận thấy rằng : ngay tự đầu, ông đã quan-niệm tương-quan giữa hồn và xác như tương-quan giữa vô-hình và hữu hình. Trong cuốn *Cơ-cấu của thái-độ*, ông đã viết : « Những ý-hướng của ta được nhập-thể nơi những cử-chỉ của ta cũng như sự vật được biểu-lộ qua những trắc-diện của nó. Thành thử, đúng như các trẻ nhỏ đã trả lời cho nhà tâm-lý-học Piaget, « tư-tưởng ở trong cổ họng ta » (*Cơ-cấu*, trang 203). Như vậy, ông coi tư-tưởng là ý-hướng của con người : ý-hướng đó được xuất diễn qua những thái-độ của con người. Cho nên, theo ông, « tất cả những khó khăn sẽ được giải-quyết, nếu chúng ta thôi đừng quan-niệm thân-thể như một mảnh vật-chất nữa, nhưng coi nó như thể-hiện của một tư-tưởng biện-chứng » (Ibid., p. 220). Nói cách khác, ta đừng coi thân-thể ta như chỉ là một vật-thể tha-quy (objet pour autrui), nhưng còn phải coi nó là chính hữu-thể ta, là chính ta. Với thái-độ đó, sự vật đối với ta không còn là hai biệt-thể, hiện-tượng và tự-nội (phénomène et noumène), nhưng chỉ là sự vật mà ta tri-giác : ta không tri-giác hiện-tượng của sự vật mà thôi, nhưng ta tri-giác chính ý-nghĩa tức linh-hồn của sự vật : « Ý-nghĩa của sự vật cư-ngụ trong sự vật đó cũng như linh-hồn cư-ngụ trong thân-xác, cho nên ta nói được rằng trong việc tri-giác, sự vật đã hiến toàn thân cho ta » (*Hiện-tượng*, trang 369).

Ý-nghĩa và sự vật, linh-hồn và xác : đó là như hai phương-diện hữu-hình và vô-hình của cùng một thực-tại. Trên đây ta thấy Merleau-Ponty phác-họa những tư-tưởng của ông về tương-quan giữa hữu-hình và vô-hình. Trong cuốn *Signes* (Những ký-hiệu), ông đã để lộ thêm mấy nét sâu đậm hơn. Vì văn của ông quá uyển-chuyển và chặt-chẽ, chúng tôi xin trích rồi sẽ tạm dịch sau :

« Les choses et le monde visibles sont-ils autrement faits ? Ils sont toujours derrière ce que j'en vois, en horizon, et ce qu'on appelle visibilité est cette transcendance même. Nulle chose, nul côté de la chose ne se montre qu'en cachant activement les autres, en les dénonçant dans l'acte de les masquer. Voir, c'est par principe voir plus qu'on ne voit, c'est accéder à un être de latence. L'invisible est le relief et la profondeur du visible, et pas plus que lui le visible ne comporte de positivité pure » (*Signes*, p. 29).

Các sự vật và thế-giới hữu-hình có được tác-tạo cách khác chăng ? Chúng luôn luôn đứng đàng sau cái tôi nhìn thấy về chúng, như kiểu một chân trời, và cái mà người ta gọi là khả-thị-tính chính là cái siêu-việt-tính đó. Không một sự vật nào, không một khía cạnh nào của sự vật lại không vừa tỏ mình ra vừa che khuất những sự vật khác : và hành-động che-khuất đó lại là cách tỏ-giác các sự vật khác đó. Theo nguyên-tắc, xem bao giờ cũng là thấy nhiều hơn cái mình xem : xem là đạt được chính hữu-thể còn bị khuất. Vô-hình là bề nổi và bề sâu của hữu-hình, và cả hai cùng không có tích-cực-tính thuần-túy.

Nên nhớ, theo triết-học ngày nay của Hiện-tượng-học, thì chữ « Siêu-việt » thường chỉ ám-chỉ những gì ở ngoài ta, những gì ta chưa thấy bây giờ mà thôi. Cho nên cái vô-hình, hay cái chưa khả-thị, chỉ là bề sâu của cái tôi đang thấy đây. Sự vật còn dành cho ta nhiều chỗ ngạc nhiên, nhiều phương-diện ta chưa từng nghĩ tới : đó là tính-cách siêu-việt tương-đối của chúng. Một viễn-tượng mới và bao la mở ra trước mắt triết-gia : tất cả mọi sự vật, dầu những cái tầm-thường nhất, đều có ý-nghĩa siêu-việt của nó, đều nhắc ta tới mức nhìn tổng-quát về vũ-trụ để nhận ra ý-nghĩa của đời sống và ý-nghĩa của hiện-hữu.

Trong bài tưởng-niệm Merleau-Ponty đăng trong báo *Le Monde*, Giáo-sư J. Lacroix nhắc lại câu sau đây của nhà hiền-triết quá-cố : « Triết-học đích-thực là triết-học dạy ta biết nhìn lại vũ-trụ, vì như vậy thì một câu truyện kể nghe, cũng có thể sâu-xa như một bộ sách triết-học » (*Hiện-tượng-học về tri-giác*, p. XVI). Triết-gia là người biết suy-tư để tìm ra ý-nghĩa của sự vật : vậy mà bất cứ sự vật nào đều nói lên sự bất-toàn và bất-túc của nó, cho nên càng suy-nghĩ triết-gia càng dấn dấn tiến lại gần Nguyên-Ủy của hiện-sinh, của vũ-trụ. Mỗi cái hữu-hình đều che giấu và tỏ-cáo một hiện diện của Vô-hình.

Tư-tưởng triết-học Merleau-Ponty đã khởi sự tự lãnh-vực vật-chất nhất, tự sinh-hoạt tâm-lý, tự hiện-sinh, và tư-tưởng đó dần dần đã tiến lên qua lãnh-vực của nhân-vị tự-do, để cuối cùng đạt tới biên-giới của Vô-hình Siêu-Việt. Thực là một con đường vô cùng chân-thành, và vì chân-thành đến mức tế-vi cho nên ta thấy ông đã chịu những hy-sinh lớn lao trong đời sống tâm-tình và tôn-giáo của ông. Không một ai có thể nghi ngờ sự chân-thành triệt-để đó của ông. Chính vì thế, ông đã đáng thanh niên thế-hệ cảm mến ông như tôn sư của họ.

Để kết thúc mấy dòng tưởng-niệm này, chúng tôi xin mượn lời Giáo-sư Lacroix trong bài đã nhắc đến trên đây :

« Ngày nay hơn khi nào hết, chúng ta cần đến một tư-tưởng gớm-ghét những thói quen, luôn luôn tự-

chủ được mình, đồng thời giữ được truyền-thống vĩ-đại của triết-học cổ-điển là : triết-lý là giữ được lòng bình-tĩnh. Khi sinh-thời, Merleau-Ponty đã viết : triết-học đích-thực là triết-học dạy ta học lại cách nhìn vũ-trụ vì như thế thì một câu truyện kể mà nghe cũng có thể sâu xa như một bộ luận triết-học. Học lại cách nhìn vũ-trụ là vừa dùng suy-tư để đảm-nhận lấy định-mệnh của mình, vừa quyết-chí trong con đường mình đã đi vào. Dầu chúng ta có thể không đồng ý nhiều chỗ với tư-tưởng triết-học của ông, nhưng đối với tất cả chúng ta nhất-định tư-tưởng đó mãi mãi sẽ là một mồi kích-thích và đóng vai hướng-dẫn đầy sáng-suốt và can-đảm ».

Tư-tưởng đó đã kích-thích và hướng-dẫn thế-hệ thanh-niên trí-thức của Pháp và Tây-phương, bởi vì ảnh-hưởng của ông đã tự lâu vượt qua cương-giới của quê-hương ông. Mong rằng thanh-niên trí-thức Việt-Nam chóng có nhiều dịp gần gũi với một tâm-trí sáng suốt và một tâm-hồn chân-thành như vậy. Những cuộc gặp gỡ đó nhất định sẽ mang lại nhiều ích cho nền triết-học nước ta.

Saigon, ngày 14-7-1961

TRẦN-QUÝ-THÀNH

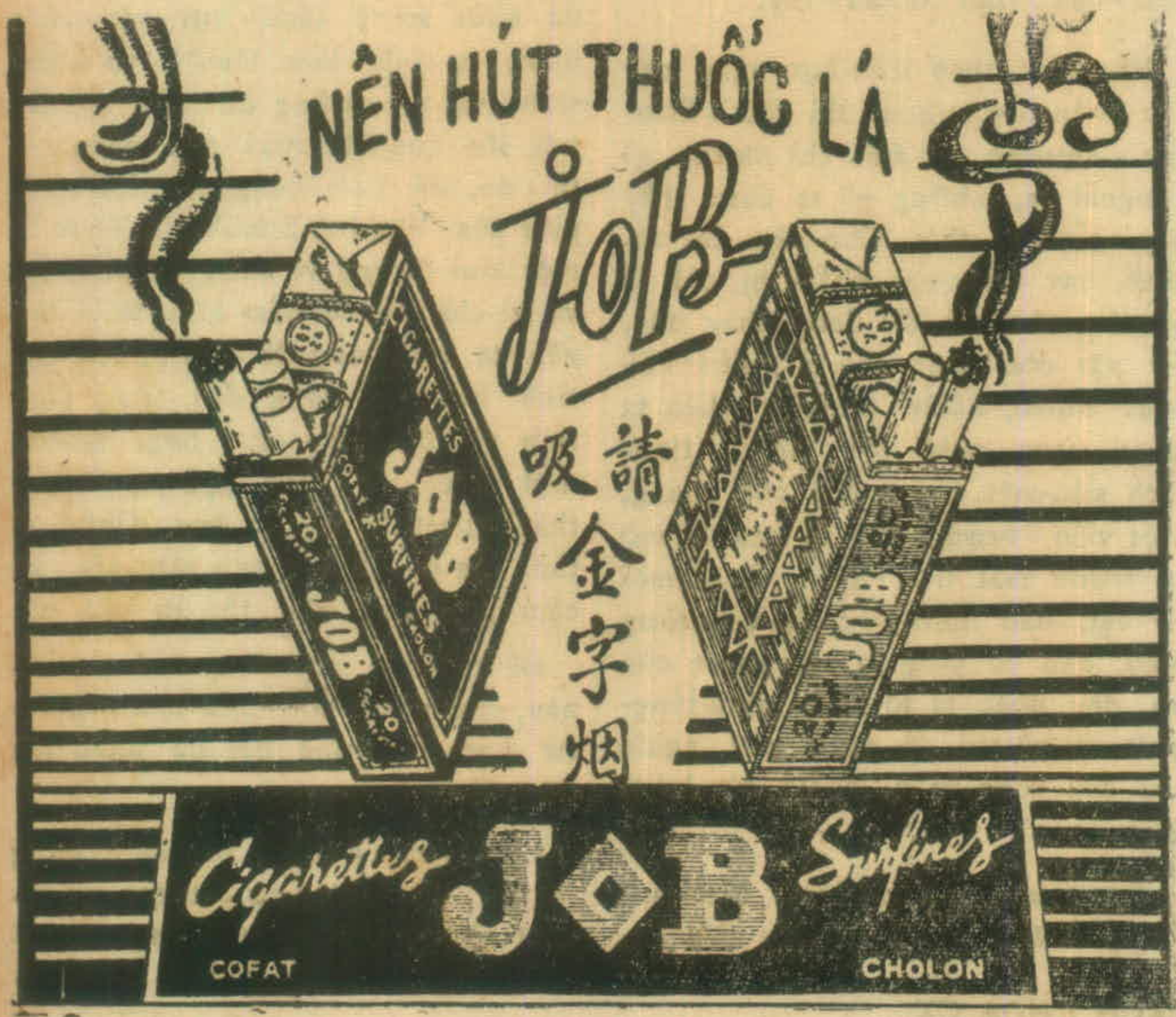

PASTILLES: { **VANCO** MÙI « MENTHE »
CAM MÙI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cuống họng

VIỆN BÀO-CHẾ VANCO

TRƯƠNG-VĂN-CHÔM

Dược khoa Tân-sĩ Quốc-gia

134, Đường Yên-Đỗ — Saigon

TÌNH BIỂN

ĐOÀN-NGỌC-QUỲNH

Bỏ nhà đi từ năm lên bảy
Giã biệt vùng biển mặn đời đời
Miền cát ướt thông xanh rừng mới lớn
Cùng dã tràng trốn lủi tuổi thơ vui

Ôi sóng vỗ mấy buổi chiều bão táp
Mỗi hành tinh đều rụng thành vũng đêm
Tôi chiêm bao xô mình như vẹt dạt
Rồi vội vàng, vội vàng bay lên cao

Trong vùng đồng lầy gặp cua gặp ốc
Con tuộc tìm thấy ở dưới nông sâu
Cá dã đi với hành trình to lớn
Ánh lân tinh từng đốm sáng bên nhau

Chóp nóc biển đường hoang vu sỏi cát
Chim nào bay tìm chút tổ truy hoan
Với nhánh rác vành xanh rêu rã mục
Tha hoài tha hoài mỏ thối rữa tàn

Tháng năm biển dậy cùng mầu xanh cũ
Tuổi trẻ tôi bây giờ mất như sao
Cát từng nhúm ôi nỗi buồn trôi nổi
Và bay lang thang theo mây cao... mây cao

Và đi lang thang như không trái tim
Biển ơi ! Biển ơi ta yêu vô cùng.

Đ. N. Q.

SƯƠNG MÙ

☆ DOÃN - DÂN

CHỢT linh cảm thấy có người đang nhìn mình, Lan ngửng đầu lên.

Từ nãy, Vĩnh vẫn đứng khoanh tay, yên lặng nhìn bàn tay trắng muốt, có những ngón dài, nhỏ và mềm của Lan đưa lưỡi dao dọc theo cuộng rau muống một cách nhanh-nhẹn, thành thạo. Thấy Lan bắt gặp mình đang nhìn nàng, muốn tránh cho nàng và cho chính mình khỏi ngượng Vĩnh vẫn giữ nét mặt trang nghiêm, nói :

— Không cần chẻ nhỏ quá chị ạ ! Kẻo lại đứt tay.

Lan thấy giọng nói tự nhiên của Vĩnh có vẻ hơi giả tạo. Trông tia mắt chàng, Lan biết là chàng nhìn mình như vậy từ lâu rồi. Tự nhiên nàng cảm thấy bàn tay đang cầm con dao của mình trở nên ngượng-ngịu, vụng-về. Lan hơi lo-sợ vẩn-vơ.

Nàng cười vui vẻ, nói :

— Hôm nay chủ nhật mà anh Vĩnh không đi chơi đâu à ?

Vĩnh vừa quay đi, ra ghế ngồi, đối diện với Lan, vừa trả lời :

— Chị bảo ở đây buồn chết đi thế này, còn biết đi đâu !

Lan cúi xuống, chẻ tiếp cuộng rau trên tay, nói :

— Buồn mới cần đi chơi chứ !

Tuy nói vậy, song, Lan vẫn thầm mong Vĩnh không đi và nàng mang-máng — chỉ mang-máng thôi — hiểu, tại sao chàng không đi chơi. Nàng vừa mừng vừa lo. Nàng không dám nghĩ hẳn về lòng mình. Có lúc, ngồi một mình trên hành lang, nhìn ra bầu trời sương mù dày-đặc, chợt cảm thấy buồn. Và trong những lúc ấy, bao giờ Vĩnh cũng là người đầu tiên nàng nhớ tới hình ảnh Vĩnh đến với Lan như một vì sao hiện ra sau đám sương mù, buồn nhưng mà đẹp.

— Chị định thái vụn rau ra đấy à ?

Nghe tiếng nói, Lan ngừng vội đầu lên, ngơ-ngác. Khi nhận ra Nga, đi chợ đã về, nàng cười một cách không được tự-nhiên như người vừa phạm một lỗi gì, hỏi một câu ngớ-ngẩn :

— Thế à ?

Rồi sực nghĩ ra sự ngớ-ngẩn của mình, nàng tiếp :

— Chẻ xong, chẳng biết làm gì, buồn cả tay. . .

Không để ý đến nét mặt và câu nói của Lan, Vĩnh quay sang Nga :

— Hồi nãy, em gặp một người bạn vừa ở Saigon lên. Chị ấy cho biết me đang ốm. Anh viết thư ngay về dưới ấy thăm me đi. . .

Vĩnh hơi khó chịu. Chàng biết là sự sốt sắng của Nga bộc lộ ra một cách hơi quá độ.

Tuy mới lấy nhau được gần nửa năm, nhưng Vĩnh cũng đã hiểu được những đặc tính của Nga. Có một đặc tính mà chàng nhận thấy rõ nhất là bao giờ nàng cũng hay « quan trọng hoá vấn đề. » Câu chuyện đáng lẽ không có gì quan trọng, hay nếu có thì cũng chỉ đôi chút thôi, nhưng qua lời nàng nói và qua nét mặt của nàng lúc nàng kể lại, người ta có cảm tưởng như câu chuyện đã xảy ra phải ghê gớm lắm.

Muốn trêu Nga, Vĩnh làm bộ lấy giọng quan trọng hỏi :

— Thế à ? Liệu me có . . . « qua khỏi » không ?

Nga nguýt dài chồng một cái :

— Anh chỉ được cái hay nói bậy ! Me mà nghe thấy . . .

Rồi đổi giọng, nàng bảo Vĩnh :

— Anh nên lên nhà viết thư đi... Em nói thật đấy ! Anh là chúa hay quên ... Anh còn nhớ ...

Vĩnh sợ Nga lại kể thêm một lần nữa câu chuyện hôm nhị-hỷ chàng đã quên mất nhà « ông bà nhạc », vội ngắt lời :

— Anh nhớ rồi.

— Vậy anh lên nhà đi !

Vì đứng đã lâu dưới này và có lẽ cũng vì cảm thấy từ phút này không khí bắt đầu « chuyển-hướng », Vĩnh cũng muốn lên, nhưng thấy Nga thôi-thúc nhiều quá, chàng lại nán lại.

Lan nhìn về phía Vĩnh nói, giọng vui vẻ :

— Phải đấy ! Anh Vĩnh cứ lên nhà đi ! Lát nữa làm xong cơm, chúng tôi gọi.

Vĩnh ngập-ngừng vài giây, rồi lặng-lẽ quay đi. Vừa bước chân đi chàng vừa nghĩ thầm : « Mình lên nhà vì lời nói của Nga hay của Lan ? » Vĩnh không tìm cách trả lời câu hỏi ấy. Chàng cố lắng tai nghe điệu nhạc đang từ máy thâu thanh vẳng ra.

Khi thấy Vĩnh đã lên hẳn nhà ngoài, Nga đến gần Lan, nói, giọng trầm hẳn xuống :

— Việc gì chị phải gọi nhà em bằng anh ! Từ hôm chị lên em đã nói . . .

Tim Lan thốt nhói lên một cái như có người vừa ấn mạnh ngón tay vào chiếc mụn nhọt của nàng. Nàng đưa mắt nhìn nhanh sang Nga. Biết là Nga nói câu đó một cách tự-nhiên, vô-tư, Lan cười, nói :

— Mình gọi thế từ hôm đầu . . . Bây giờ tự nhiên sửa lại mình thấy ... nó làm sao ấy. Ngượng chết !

Nga không nhìn Lan, vừa lôi năm con cua bể ở trong làn ra vừa nói :

— Ngượng gì mà ngượng ! Em là em chị thì chị gọi nhà em bằng « chú » là lẽ tự nhiên chứ sao ! Hay chị không muốn nhận họ-hàng gì nữa thì cứ nói phứt ngay đi. . .

Lan vừa vớt rau ra rổ, vừa trả lời cô em họ :

— Nga cứ nói thế, oan cho mình !

Vả lại, dầu sao Vĩnh cũng hơn tuổi mình, gọi bằng anh cũng được chứ sao !

Bỗng Nga kêu rú lên, hai tay vẫy rồi rít :

— Chị Lan. . . Con cua. . .

Lan giật mình, chạy vội lại gỡ con cua đang cắp chặt lấy ngón tay cái của Nga.

Đang nằm xem sách trên nhà, nghe tiếng kêu, Vĩnh hốt hoảng chạy xuống ngơ-ngác hỏi :

— Có chuyện gì thế ?

Nga chìa bàn tay về phía Vĩnh :

— Em bị cua cắp ! Không ngờ cua mà cũng cắp đau đến thế...

Vĩnh thở một hơi dài, lặng-lẽ quay đi. Nga nhìn theo chồng với vẻ mặt khó chịu. Đang mỉm-cười về câu nói phân trần có vẻ quan trọng của Nga, thấy nét mặt nàng, Lan thu nụ cười lại. Nàng đến bên Nga, ân-cần hỏi :

— Tay Nga liệu có sao không ? Mình quấn băng cho nhé ? !

Nga đưa ngón tay bị cua cắp lên miệng mút, nói :

— Chắc không sao đâu chị ạ !

Tuy đang nói với Lan, song Nga vẫn ngấm tức Vĩnh. Nàng tức không phải vì thái độ im-lặng của chàng vừa rồi, nhưng vì nàng nhận thấy Vĩnh không quan tâm đến sự đau-đớn của nàng — dù sự đau đớn chẳng là bao — Nga nhận ra, từ ít lâu nay Vĩnh có vẻ không trông nom, săn-sóc nàng một cách chu đáo như hồi mới lấy nhau nữa. Nga nhớ, trước kia, chỉ một sự vô-ý nhỏ-nhặt làm đau-đớn đến thân thể nàng, như một lần đứt tay, một vết bỏng nhỏ, cũng đủ làm Vĩnh xuýt-xoa, nhăn-nhó. Những lúc ấy, Nga có cảm tưởng như chính chàng bị đau-đớn chứ không phải mình. Tuy nàng vẫn biết, Vĩnh đã hơi thái-quá trong sự bộc lộ tình thương, nhưng trong thâm-tâm nàng vẫn ngầm-ngầm sung-sướng và cảm-động. Nhiều lúc, nàng sung-sướng đến độ, nàng đã nghĩ rằng : hạnh phúc của nàng có được là nhờ ở những cử-chỉ, lời nói âu-yếm, ân-cần, nhỏ-nhặt ấy của Vĩnh. Bởi vậy, đôi khi nàng cố tình làm cho mình đau-đớn — nhẹ thôi — để được nhìn

thấy Vĩnh hốt-hoảng bực-tức, gắt lên : « Làm sao ? Lại bị bỏng à ? Em đến vô-ý. Lại đây anh xem.. » Nghe giọng nói gắt gỏng và trông nét mặt nhăn nhó của Vĩnh, dù Nga có đau-đớn thật, lúc ấy nàng cũng không cảm thấy nữa. Nàng biết rằng : vì quá thương nàng ; vì quý thân thể nàng như thân thể mình — có khi hơn nữa — mà không biết làm cách nào để tỏ nỗi xót-xa bừng lên trong lòng nên Vĩnh đâm ra bực-tức gắt gỏng như vậy. Bởi thế, không những Nga đã không khó chịu vì lời gay-gắt của chồng mà trái lại, nàng còn cảm thấy lòng mình ấm-áp lạ-lùng. Hình như những lời day-dứt của Vĩnh đã ngấm vào lòng nàng rồi biến thành một tình thương êm-đềm, rộng lớn. Nga thấy hạnh phúc của nàng thật gần-gũi và nàng tưởng như mình đã nắm được tất cả hạnh phúc ở đời.

Hồi mới lấy nhau, sáng nào Nga cũng dậy trước Vĩnh để thu-xếp cửa nhà. Khi Vĩnh bừng tỉnh dậy, câu nói đầu tiên của chàng bao giờ cũng là một tiếng gọi : « Nga đâu ? » hoặc « Em đâu ? » Lâu dần, tiếng gọi của Vĩnh trong mỗi buổi sáng trở thành quen thuộc đối với Nga. Trong lúc đun nước, hoặc giặt quần áo... ở nhà dưới, Nga cứ nơm-nớp đợi chờ. Tâm trí nàng lúc nào cũng như sẵn-sàng đón nhận tiếng gọi của chồng

Đến khi nghe Vĩnh ở nhà trên cất tiếng gọi : « Nga đâu ? » Nga có cảm tưởng như vừa có một niềm sung - sướng từ lâu vẫn chực sẵn trong lòng nàng, chợt bừng lên. Lúc đó, dù đang bận đến đâu, nàng cũng bỏ công việc đấy, khẽ cất tiếng đáp : « Em đây ! » rồi vội vàng rửa tay lên với Vĩnh. Tuy Nga vẫn biết trước rằng : rồi lên đến nơi hai vợ chồng cũng chẳng có chuyện gì để nói với nhau — khi Vĩnh nhờ nàng cho xin tách nước, khi hỏi nàng vài câu bâng quơ, hay có khi... chẳng có gì cả — nhưng, Nga vẫn cho rằng : nàng không thể thiếu được tiếng gọi quen thuộc của chồng vào lúc sớm mai. Chỉ là một tiếng nói thôi, nhưng đối với nàng, nàng tưởng chừng như bao nhiêu tình yêu thương của Vĩnh, chàng đã dồn tất cả vào câu nói gọn-gàng ấy. Và Vĩnh đã cố tình dành câu nói đầu tiên của một ngày để nhắc đến tên nàng. Nga không biết diễn tả với chồng thế nào để nói lên được hết cái sung - sướng cảm động của nàng khi nghe Vĩnh gọi. Nàng chỉ mơ hồ cảm thấy : hình như mình đã «trông thấy» cái đầm ấm, vui tươi, êm-đẹp của tình vợ chồng giữa nàng và Vĩnh trong giọng nói thông thường của chàng. Nga không cho câu nói « Nga đâu ? » của Vĩnh chỉ là một câu nói nữa, mà là một « niềm hạnh phúc đẹp-đẽ nhất ở đời ». Bởi vậy, nếu hôm nào Vĩnh có việc gì, phải dậy sớm cùng một lúc với nàng, nàng không được nghe Vĩnh gọi, suốt ngày hôm đó nàng cứ có ý nghĩ là mình đã sơ-sót để mất-mát điều gì. Trong khi làm những công việc hằng ngày, tâm trí Nga vẫn quanh-quẩn về ý-nghĩ không-đâu ấy, rồi nàng sinh ra bực-tức, khó chịu với chồng.

Nhưng ít lâu nay - từ ngày nào Nga không biết rõ — nàng không được hưởng những cảm giác êm-đềm ấy nữa. Chẳng hiểu vô tình hay hữu ý, mỗi buổi sáng, Vĩnh đã không cất tiếng gọi một câu quen thuộc : « Nga đâu ? » như trước kia. Và mỗi khi nàng sơ ý điều gì để đau-đớn đến thân-thể nàng, Vĩnh cũng không tỏ ra nóng-nẩy, vội vàng và hốt hoảng trong cách bộc-lộ tình thương như trước. Chàng chỉ ôn-tồn bảo : « Lần sau em nên cẩn thận » và chỉ có thế thôi !

Nga thấy lời nói của chồng sao mà nhạt-nhẽo buồn tẻ và hờ-hững đến thế ! Nàng không buồn chỉ vì thấy chồng không săn-đón hỏi-han ân-cần như trước ; mà còn buồn vì nàng đã nghĩ rằng : Vĩnh nói với nàng bằng một giọng ôn-tồn, bình tĩnh như vậy, hẳn tình yêu của chàng đành cho nàng đã không còn được như trước nữa. Hình như thời gian đã làm tình yêu tha-thiết nồng nổi, bồng bột trong lòng Vĩnh, lắng xuống rồi mờ đi như một cánh lá rơi xuống giếng khơi, mờ dần trong nước... Nga nghĩ đến những ngày sắp tới, những năm... và hết cả đời người, tưởng-tượng ra tình yêu của Vĩnh. Nàng không hiểu lúc đó, Vĩnh sẽ đối với nàng ra sao ? Có lần đang bị ý nghĩ này ám ảnh, nghe giọng nói ôn tồn, bình tĩnh của Vĩnh, Nga không chịu nổi nữa, nàng gắt-gỏng, day-dứt chàng và cuối cùng, cho chàng biết ý nghĩ của mình.

Vĩnh nhìn Nga ái-ngại và thương xót, ôn-tồn — lại vẫn ôn tồn — nói :

— Em không nên nghĩ quá xa ! Em làm sao biết được tình yêu của anh đối với em... Em làm sao đo được lòng anh...

Nga hét lên :

— Em không đo được, không có nghĩa là em không cảm thấy được...

Và bỗng dưng Nga ôm mặt khóc. Vĩnh ngơ-ngác, bàng hoàng nhìn Nga và chàng không ngờ những cử chỉ, những lời nói nhỏ nhặt của mình trước kia lại có thể trở thành quan-trọng qua ý nghĩ của Nga đến thế ! Và chàng cũng không ngờ được rằng : tất cả những niềm vui-sướng lớn lao của người đàn bà đơn thuần, bình-dị như Nga, đều do những điều mà chàng cho là nhỏ-nhặt, chung đúc lại.

Vĩnh đến đặt tay lên vai vợ và chính chàng cũng không hiểu tình yêu của mình đối với Nga lúc đó, có giảm đi không.

*

Thoáng thấy nét mặt Nga, Lan hỏi :

— Nga nghĩ gì mà từ nãy, ngồi thừ người ra thế kia ?

Đang theo đuổi những ý nghĩ riêng, nghe tiếng nói của Lan, Nga quay lại nhìn nàng. Rồi bất giác nàng lại quay đi, thở - dài, nói :

— Em buồn lắm chị ạ !

Không đoán được mối buồn của Nga, Lan cười, nói :

— Việc gì mà buồn...

Vừa nói, Lan vừa chăm chú gắp những chiếc chả rán vàng ngậy ở trong chảo ra đĩa. Khi đã đầy, nàng đưa đĩa chả đến cho Nga, bảo :

— Nga bưng hộ mình lên nhà rồi xuống đây cuộn tiếp cho mình rán. . . Đói lắm rồi. . .

Khi Nga cầm lấy đĩa chả trên tay nàng, Lan để ý ngắm nét mặt Nga và lúc này nàng mới biết Nga đang có chuyện gì buồn thật. Tự nhiên lòng Lan cũng buồn hẳn đi tựa như nỗi buồn của Nga vừa truyền sang nàng Một niềm lo-sợ mơ-hồ, thấp-thoáng gợn lên trong lòng Lan.

Khi Nga đã đi lên nhà, Lan thấy nỗi lo sợ của mình như tăng lên. Lan thoáng có cảm tưởng Nga buồn như vậy là vì nàng. Nàng nhớ lại rất nhanh những vẻ mặt và những lời nói của Nga từ ngày nàng lên chơi trên này. Lan thấy chưa bao giờ Nga có dáng buồn rầu như vậy. Chắc phải có điều gì quan-trọng lắm mới khiến Nga trở nên suy-nghĩ ưu-tư đến thế. Vì tính nàng vốn đơn thuần, giản-dị xưa nay. Lan hình dung trong trí nét mặt Nga hồi nãy, lúc Nga đi chợ về, thấy có mình nàng và Vĩnh ở dưới này ; và nàng nghĩ thầm « Hay Nga buồn vì mình thật ? ».

Bất giác Lan vội-vàng bắc chiếc chảo đang ở trên bếp ra, tuy những khoanh chả hãy còn trắng bệch...

— Xong rồi hay sao mà chị đã bắc cháo xuống ?

Lan giật mình nhìn lên : Nga đang ở trên nhà đi xuống, Lan cảm thấy mặt mình chợt nóng ran lên. Nàng cuống-cuống gắp những hòn than đỏ rực sang bếp bên cạnh, nói vội-vàng :

— Chưa xong, nhưng mình sợ than hồng quá, cháy hết chả ..

Nga đến ngồi xuống cạnh Lan và bỗng ngạc-nhiên, cười, nói :

— Chị chưa rán chả bánh đa bao giờ à ? Đấy một chảo mỡ thế kia thì cháy thế nào được. Thôi ! Để đấy cho em, ra cuộn nốt hộ em vậy. . . Nhớ cuộn nhiều nhân cho nó ngon ..

Nghe giọng nói tự-nhiên, vui-vẻ của Nga, một tiếng thở dài đột nhiên buột ra khỏi miệng Lan. Nàng không nghĩ-ngợi gì, để ngay chảo đấy cho Nga, ra divan ngồi cuộn chả.

Nghĩ lại những cử chỉ của mình vừa rồi, Lan hãy còn bàng-hoàng hối-hộp. Nàng không sao hiểu được tại sao mình lại hành-động như vậy. Tuy đấy chỉ là những cử chỉ tầm thường, rất nhỏ-nhặt và thoáng qua đối với Nga, nhưng Lan vẫn có ý nghĩ là mình đã phải trải qua một sự xáo-trộn mạnh-mẽ lắm của tâm-hồn nên mới trở nên luống-cuống, vụng-về như vậy. Lan không dám tìm hiểu nguyên của sự « xáo-trộn » ấy. Vì nàng linh cảm thấy trước rằng : nếu nàng hiểu rõ tại sao, nàng sẽ biết là sự ở chơi trên này với vợ chồng Vĩnh là một điều không phải và làm thiệt hại cho cả ba người, cái thiệt hại, Lan tin rằng phải ghê gớm lắm ! Và người chịu thiệt thòi

nhiều nhất là nàng. Lan không muốn tìm một phần còn vì nàng biết chắc, nếu tìm thấy, nàng sẽ trở về Saigon ngay bây giờ, điều mà nàng không nghĩ tới ; không dám nghĩ tới. . .

Lan quay sang Nga, lấy giọng tự-nhiên, nói để xua đuổi những ý nghĩ phức tạp đang lẫn-khuất trong tâm-hồn :

– Nga rán xong mẻ ấy chưa ? Mình cuộn gần hết rồi. Chắc anh Vĩnh ở trên nhà đang mong lắm...

Nói xong, Lan mới chợt biết, mình đã vô tình nhắc đến tên Vinh. Từ hôm lên đây, tuy không biết đã bao nhiêu lần nàng nói đến Vĩnh, nhưng tự nhiên lần này Lan cảm thấy mình đã nhắc đến tên chàng giữa một trạng thái tâm hồn khác với những lần trước. Có lẽ khác nhiều lắm. Trong một giây, Lan có cảm tưởng là tiếng « Vĩnh » đã ẩn-nấp trong tâm trí nàng từ lâu, bây giờ mới buột ra thành lời nói.

Nga gắp một miếng chả cuối cùng trong chảo ra đĩa, không quay lại phía Lan vui-vẻ, nói :

— Chị xem em rán có khéo không ? Cái nào cũng vàng đều như cái nào. Đưa chả đây cho em... Chỉ mẻ này nữa là đã ăn được rồi...

Rồi nàng nâng đĩa chả lên gần mũi, hít-hít mấy cái, nhăn mặt nói :

— Rức cả mũi ! Phiền thật !

Lan hơi ngạc nhiên về cái tính dễ buồn mà cũng dễ vui của Nga, đến bây giờ, có chồng rồi mà vẫn chưa bỏ được.

Trước kia, hồi Nga còn ở nhà, nàng và Nga hay tâm sự với nhau — tâm sự vụn — và thân nhau như chị em ruột ; và đôi khi cũng cãi nhau, giận nhau tưởng như không bao giờ còn « chơi » lại với nhau nữa. Nhưng Lan không thể giận Nga lâu được vì cái tính dễ buồn, dễ vui, dễ giận mà cũng dễ lành của Nga. Nhiều khi Lan có cảm tưởng như Nga không hề lo nghĩ về một điều gì bao giờ.

Lan đưa chỗ chả nàng vừa cuộn xong lại cho Nga và đỡ đĩa chả rán rồi ở tay nàng Lan cũng bắt chước Nga, nâng đĩa chả lên mũi hít-hít mấy cái, nhăn mặt, nói :

— Thơm thế này thì ai mà chịu nổi, hở trời !

Nga nhìn Lan, cười như thầm cảm ơn lời khen kín-đáo của nàng, nói :

— Thế thì lát nữa em phải ép chị ăn thật nhiều mới được ! Chị là hay làm khách lắm... Ai lại chị em với nhau mà cứ e-thẹn như...

Nga ngừng lại, vì nàng không biết nên ví Lan e-thẹn như « cái gì ». Lan nhanh-nhẩu, tiếp :

— Như con gái ! Phải không Nga ?

Hai chị em cùng cười. Sự thực thì Lan cũng biết mình không e-thẹn như Nga tưởng. Chỉ vì ngồi cùng với vợ chồng Nga ở bữa ăn, nàng cảm thấy bỡ-ngỡ đơn-độc nên ăn không được tự-nhiên như ở nhà. Thế thôi ! Những lúc ấy, Lan ăn hình như không phải vì đói, mà cũng không phải vì muốn ăn. Có lẽ vì nàng muốn ngồi cùng với vợ chồng Vĩnh, nhìn cảnh đầm-

ấm của gia-đình chàng để được cảm thấy rõ ràng, thấm-thía sự lẻ-loi, đơn-độc của mình. Chính Lan cũng không hiểu tại sao mình lại không tủi-thân, khó chịu, mà trái lại còn lấy làm thú vị về cảm tưởng đơn độc ấy. Nàng không hề ghen tỵ với Nga — không phải vì nàng biết ghen như vậy là vô lý. Tuy nhiên, Lan không sao ngăn chặn được một mối buồn nhẹ nhàng, bé nhỏ, phảng phất tận đáy lòng nàng.

Mối buồn ấy, Lan thường gặp nhất vào những buổi chiều ngồi một mình trên hành lang nhìn ra ngoài bầu trời giăng mắc sương mù. Cảnh vật lúc đó, mờ mờ trong sương xa trông như bị một lớp khói dầy bao phủ. Lan đưa tầm mắt ra xa và nàng tưởng như không khí nơi đây đặc và thẫm màu hơn ở Sàigòn. Ngồi trước cảnh trí xa lạ và thở hút bầu không khí xa lạ mà Lan lấy làm ngạc nhiên, không thấy mình nhớ nhà như lúc ra đi nàng đã tưởng. Cái mối buồn đang thấp thoáng trong lòng Lan, nàng thấy thật êm đềm và xa vắng, tựa như không phải mối buồn của chính nàng. Hình như nó đã từ một nơi xa xôi nào bay đến, thoảng qua chỗ nàng ngồi, rồi vương sót lại, thế thôi ! Lòng Lan trở nên bâng khuâng, xao xuyền ; niềm xao xuyền của người đang mong chờ một tia hy vọng mong manh lúc nào cũng tưởng như sắp đến, nhưng không bao giờ đến cả.

Rồi khi niềm xao xuyền đã tan đi, Lan ngạc nhiên thấy mình như « nhìn thấy » rõ ràng đôi mắt hơi sâu và cương nghị của Vĩnh vừa hiện ra trong tâm trí nàng ; đôi mắt vừa trang nghiêm vừa triu mến làm nàng nhớ ngay đến hôm nàng vừa ở Sàigòn lên chơi. Lan không thể nào quên được buổi chiều hôm đó, Vĩnh đã nhìn nàng bằng đôi mắt ấy. Nàng chắc rồi đây mười năm, hai mươi năm sau hay mãi-mãi suốt đời, mỗi khi nàng ngồi trong một chiếc ghế bành nào đó, lơ đãng uống từng ngụm nước chè nhỏ, rồi bất chợt ngửng đầu lên dù ở nơi nào, dù không có Vĩnh, nàng cũng sẽ chỉ trông thấy đôi mắt của Vĩnh đang đăm-đăm nhìn nàng, cái nhìn vừa bỡ-ngỡ, lạ-lùng, vừa tò-mò, vui-sướng, như cái nhìn hôm nào đã khiến nàng ngượng-nghịu quay đi. Hôm đó, tuy chỉ một thoáng rất nhanh và tuy Lan hiểu rằng Vĩnh không có ngầm ý gì khi nhìn nàng, nhưng đột nhiên nàng thấy mình sợ-hãi và xúc động lạ thường.

Rồi ngay hôm ấy, Lan tự hiểu rằng : bắt đầu từ đây, mình đã chuốc lấy một mối đau khổ cho lòng . . .

Vậy mà chính Lan cũng không hiểu tại sao nàng vẫn muốn ở trên này . Tuy Lan vẫn biết rằng : đối với Nga, với Vĩnh và ngay cả với nàng nữa, nàng đã có những ý-nghĩ thầm kín như vậy là không phải, song Lan không sao xóa bỏ nó đi được ; và nàng cũng không muốn tìm cách xóa bỏ . Nhiều khi, Lan, thấy mình có lỗi với Nga. Nàng âm thầm tưởng như tình thân giữa nàng và Nga trước kia, bây giờ nàng đã làm giảm đi nhiều lắm . Nga càng hồn-

nhiên, thân-mật với nàng bao nhiêu; Lan càng cảm thấy mình có lỗi với Nga bấy nhiêu. Để tự bênh vực mình, Lan đã thầm nhủ : « Miễn là mình không làm tổn thương đến ai. . . » Có lẽ chính vì ý nghĩ này mà mỗi lúc Lan một dò-dẫm, đi sâu mãi vào những niềm u-uẩn của lòng mình mà không tìm lối thoát ra. Nàng tự ví mình như một đứa trẻ, biết rằng chơi dao nhiều khi nguy hiểm, nhưng vẫn thích chơi — và hình như càng nguy hiểm lại càng thích.

Thực ra, lắm khi, Lan cũng có ý định trở về Sàigòn trước ngày đã hẹn với vợ chồng Nga. Nhưng ý định ấy chỉ đến với nàng trong một phút bồng-bột, sôi-nổi rồi lại tan đi ngay như cái bọt tăm tan trên mặt nước. Lan chưa muốn về, có lẽ vì nàng biết rằng : khi đã ra đi là sẽ không bao giờ nàng còn dám lên chơi với Nga và Vĩnh nữa ; không bao giờ còn gặp Vĩnh nữa, dù chỉ gặp một lần rồi. . . thôi ; rồi suốt đời xa cách. Lan phân-vân ngập-ngừng, nghĩ-ngợi và cuối cùng nàng viện cớ là mình đã hứa với Nga ở chơi nửa tháng thì cứ ở, về bây giờ là vô lý.

Và Lan không hiểu ; không thể hiểu, tại sao lại « vô lý » nếu nàng về bây giờ.

*

Nga vừa cắt chả ra thành từng khoanh nhỏ vừa hướng tầm mắt về phía Vĩnh, nói :

— Anh ra xơi cơm, kẻo nguội !

Tuy đã nghe thấy lời vợ, nhưng Vĩnh vẫn nằm yên trên một chiếc ghế vải chăm-chú nhìn vào trang sách đang xem dở.

Thấy Vĩnh chưa ngồi dậy, Lan cũng muốn nói một câu mời chàng, song, nghĩ thế nào, nàng lại thôi.

Nga nói chỉ đủ cho Lan nghe, như phân trần :

— Tính nhà em lạ lắm chị ạ ! Lắm lúc đến bực mình. . . Tới bữa cơm không bao giờ chịu ăn ngay. . .

Lan nói một câu không có nghĩa gì cả :

— Đàn ông họ thế cả. . .

Rồi nàng quay đi, lơ-đãng nhìn qua cửa kính ra ngoài. Bầu trời hình như vừa hửng nắng, trong và cao hơn mọi ngày. Tít đằng xa, trên một ngọn đồi, những ngọn thông đang cùng nhau đẩy đưa trong gió. Lan ngồi trong nhà mà có cảm tưởng như mình được hưởng cái ấm-áp và hơi lành-lạnh của bầu không-khí ngoài kia.

Cắt xong chả, Nga có vẻ khó chịu, quay hẳn mặt về phía Vĩnh, nói :

— Anh không ra xơi cơm, bắt chị Lan chờ mãi thế này à ?!

Lan vẫn nhìn ra ngoài, bất giác nàng mỉm cười, nghĩ thầm : « Mình có ý đợi chờ gì đâu ? Sao Nga không

nói thẳng ra là đói!» Và tự nhiên Lan đâm ra mạnh bạo, quay nhìn Vĩnh, nói đùa :

— Tôi thì chưa đói. Nhưng anh Vĩnh cũng nên ra thôi, kẻo cô ấy mà nổi cơn « hờn » lên lại... mất cả ngon bây giờ.

Nói xong Lan mới thấy mình táo-bạo quá. Nàng nghĩ : « Chẳng cái dại nào giống cái dại nào ! »

Vĩnh đang nằm, ngồi bật dậy như một cái lò-so, nhìn mọi người, ngơ-ngác hỏi :

— Sao ? Chị Lan bảo sao ? Đã ăn cơm rồi cơ à ?

Nga không nhìn chồng, nói, giọng mát-mẻ :

— Cơm thì đến chiều mới ăn. Bây giờ chỉ ăn chả rán thôi.

Biết vợ đã lại giận về cái tính lơ-đãng của mình, Vĩnh cười làm lành rồi ngồi vào bàn ăn, cạnh Nga.

Như chợt nhớ ra, chàng quay sang Lan, nói :

— Xin lỗi chị ! Tôi vô ý quá, bắt chị phải chờ...

Lan nói :

— Tôi thì không sao. Nhưng...

Lan không nói hết câu, nhìn Nga như muốn bảo Vĩnh : « Anh nên săn-sóc cô ấy thì hơn... »

Vĩnh qnay sang Nga, mỉm cười, hỏi :

— Vết cua cắp của em đã khỏi chưa ?

— Đã khỏi đâu ! Bây giờ em mới thấy anh hỏi đến ! Em đau thề chứ đau nữa anh cũng cần gì !

Vĩnh cười :

— Bây giờ anh mới hỏi đến vì bây giờ anh mới có dịp trả thù cho em... Nó chỉ dám « cắp » em thôi, chứ anh thì anh lại dám « cắn nát » nó ra cơ... Rồi em xem ..

Đang giận Vĩnh, Nga cũng phải bật lên cười. Nàng đưa mắt lườm chồng một cái thật dài.

Lan đang mỉm cười nhìn hai người, thốt nhiên nụ cười trên môi nàng chợt tắt. Trong một thoáng, Lan tưởng như có người vừa nhắc đến sự lẻ-loi của nàng ở chốn này. Nàng quay nhìn đi nơi khác, nét mặt có dáng nghĩ ngợi, không vui.

Một lát sau, thấy Lan vẫn ngồi yên lặng, ăn một cách thong-thả, lơ-đãng, Nga gắp thức ăn tiếp cho nàng :

— Chị xơi đi chứ ! Sao lại có vẻ uể-oải thế kia ? !

Từ nãy, Vĩnh cũng để ý đến nét mặt Lan. Chàng muốn nói một câu — bất cứ câu gì — để nàng được tự nhiên trong lúc ăn. Nhưng chàng lấy làm lạ là mỗi khi tìm được một câu để nói, chàng lại không dám nói nữa.

Và chàng thấy, hình như mình không thể nói câu gì cho có vẻ tự nhiên với Lan, lúc này được. Vĩnh nhìn Lan và bất giác chàng nghĩ : « Đàn bà lúc buồn người nào trông cũng đẹp ! ».

Lan hơi cau mày, nhìn xuống chiếc bát của nàng đầy thức ăn, nói :

— Nga cứ để mặc mình. Mời-mọc thành ra long trọng, mất cả tự nhiên.

— Thì chị đã « tự nhiên » đâu mà chưa chi đã sợ mất !

Lan cười, nói :

— Còn làm thế nữa, mai mình về.

Khi nói vậy, Lan chỉ định dọa đùa Nga, nhưng tự nhiên nói xong, nàng lại nẩy ra cái ý định về thật. Tuy không nhìn Vĩnh, nhưng nàng cũng biết, chàng vừa nhìn nàng. Lan nghĩ thầm : « Chắc Vĩnh đang thắc mắc câu nói của mình ? » Và nàng cảm thấy bâng-khuâng sung-sướng.

Nga nói như chợt nhớ ra :

— Chị Lan lên chơi với chúng em dễ chừng đã được gần một tuần rồi đấy nhỉ ?

Vĩnh nói :

— Làm gì ! Mới được ba hôm, Phải không chị Lan ?

Ngồi mãi, bây giờ mới được nhắc đến tên Lan và được nhìn nàng một cách tự-nhiên, Vĩnh thoáng thấy lòng mình êm-ả hẳn đi. Trông đôi mắt Lan, trong một giây, chàng vụt nhớ đến hôm đám cưới chàng.

Hôm đó, Nga dắt Vĩnh đi quanh một lượt khắp nhà để giới thiệu « chú rể mới » với họ hàng. Khi đến trước mặt Lan, Nga cười nhìn nàng, nói với Vĩnh :

— Đây là chị Lan, chị họ em. Chúng em thân nhau như bạn...

Vĩnh nhìn Lan và một ý nghĩ ở đâu chợt bật ra trong óc chàng : « Sao Nga lại có cô chị họ có đôi mắt buồn và đẹp đến thế được ? ! » Lan không nói gì, hơi mỉm cười nhìn Vĩnh rồi e-ấp cúi xuống, cái dáng e-ấp mà mãi đến bây giờ Vĩnh vẫn chưa quên được.

Nghe giọng nói của Vĩnh, Lan biết rõ là chàng đã nhớ chắc-chắn mình lên đây được ba hôm, nhưng vẫn còn vờ hỏi lại. Nàng nghĩ thầm : « Sao Vĩnh lại nhớ là mình mới lên được có ba hôm ? » Tuy Lan vẫn biết, nhớ được điều đó cũng chẳng khó-khăn gì, nhưng không hiểu sao nàng lại cho rằng Vĩnh phải quan tâm đến nhiều lắm chàng mới nhớ được.

Lan hơi ngửa mặt, vờ ngẫm-nghĩ rồi trả lời Vĩnh :

— Vâng ! Tôi lên đây được đúng ba hôm rồi đấy ! Chóng thật !

Nga nói :

— Chị thấy ở đây có buồn hơn Sàigòn nhiều không ? Hồi mới lên em chỉ muốn về. Nhà em đi làm, suốt ngày em thui-thủi một mình, chị bảo, chịu thế nào được ?

Vĩnh nói :

— Thế mà có người vẫn chịu được thì sao ?

Không để ý đến câu nói của chồng, Nga như chợt nhớ ra, nhìn Lan, hỏi :

— Bác-sỹ bảo chị cần nghỉ bao lâu

— Ba tháng Nga ạ! Nhưng mình thấy cũng chả cần... Nhẹ thôi ấy mà... Ông lang nào chả hay « đe. dọa » người ốm? Nhất là người ốm « khỏe mạnh » như mình...

Nét mặt Nga trở nên quan trọng. Nàng nhìn Lan, nói, giọng dịu hẳn xuống :

— Chị không nên coi thường! Nhỡ ra thì khổn!

Vĩnh biết là Nga nói câu đó với một giọng ân-cần hơi giả-tạo. Chàng nhíu đôi lông mày, nhìn ra ngoài.

Lan cười, cúi nhìn xuống bàn, nói :

— Có « khổn » cũng chả sao!

Nghe giọng nói và nhìn nét mặt Lan, tự nhiên Nga lại cho là từ nãy đến giờ, Lan chỉ nói chuyện với mình một cách miễn-cưỡng, gượng-gạo.

Không phải bây giờ Nga mới để ý đến điều này. Ngay từ hôm đầu, Lan lên chơi, Nga đã nhận thấy trong cách nói chuyện của Lan hình như có một cái gì lạ-lùng, khách-sáo. Thực ra, tuy Lan vẫn thân-mật vồn-vã với Nga, nhưng Nga vẫn có cảm tưởng là sự thân mật của nàng bây giờ khác với sự thân mật hồi hai người còn năng đi lại với nhau nhiều lắm.

Nga không nghi-ngờ gì Lan và nàng cũng không buồn. Nàng cho rằng : Sở dĩ nàng có cái cảm tưởng ấy là vì nàng đã đi lấy chồng rồi.

Từ ngày « làm bạn » với Vĩnh, đối với họ-hàng thân thuộc bên nhà nàng, Nga tự-nhiên thấy xa hẳn đi, không riêng gì với một mình Lan. Bởi vậy Nga không ngạc-nhiên khi « cảm thấy » tình thân giữa Lan và nàng đã suy giảm đi, không còn chân-thành, đôn-hậu như xưa nữa.

Lắm lúc, Nga tưởng chừng như cuộc đời của nàng bây giờ và cuộc đời của nàng trước kia là hai cuộc đời khác hẳn nhau, không có một chút liên quan nào cả. Hay nếu có, thì Vĩnh cũng đã lấy đi mất rồi. Thỉnh-thoảng-đôi-khi, Nga có nghĩ lại dĩ-vãng của mình, cũng chỉ như người nằm trong sự êm-ấm vững-vàng hiện tại, nhớ lại đời mình khi còn bơ-vơ, lạc lõng để mà thương tiếc bâng khuâng, thế thôi! (Cái thương tiếc không đủ che mờ niềm sung-sướng ấm áp hiện có của mình). Vì thế, ngày nay, trong tình thân-mến Nga dành cho Lan dường như có pha thêm ít nhiều thương hại, tựa hồ Lan là hình ảnh dĩ vãng của nàng.

Ở hoàn cảnh Nga, nàng đã nghĩ rằng : « Con gái đã đến tuổi mà chưa lấy chồng, bao giờ cũng khổ... » Nàng không ngờ cũng có những trường hợp : đi lấy chồng rồi lại còn khổ hơn...

— Nga không ăn đi! Tiếp cho người ta rồi lại ngồi « mơ-mộng » thế kia à?

Câu nói của Lan làm ý nghĩ Nga ngừng lại. Nàng quay nhanh đầu lại, nhìn hai người, ngơ-ngác, hỏi :

— Anh Vĩnh đã thôi rồi cơ à?

Lan nhìn Nga, bật lên cười.

Vĩnh vẫn thản-nhiên, không nhìn vợ, nói như đã chờ đợi từ lâu :

— Thôi thì chưa thể thôi được. Vì anh còn đang nghĩ xem ăn xong ta nên làm gì cho qua ngày chủ nhật và qua cả cái ngày lễ là ngày mai nữa...

Nga suy nghĩ rồi nói :

— Chúng mình đưa chị Lan đi ciné, anh nghĩ sao ?

Thực ra, Vĩnh cũng đã nghĩ đến điều này từ nãy, nhưng chàng e-ngại, không muốn ngỏ lời mời Lan trước. Chàng tán thành ý-kiến của Nga ngay:

— Phải đấy! Nhân tiện lúc về mình đưa chị Lan đi xem quang cảnh phố xá trên này.

Quay sang Lan, Vĩnh hỏi :

— Chị nghĩ sao ?

Từ hôm lên đây, Lan chưa bước chân ra khỏi nhà lần nào, nàng cũng muốn có dịp đi chơi một lát cho « không-khí thay đổi » nên nghe Vĩnh hỏi, nàng định nói ngay : « Tôi cũng nghĩ như anh. » Nhưng nàng ngừng lại kịp.

Phân-vân một lát, Lan trả lời :

— Tôi không nghĩ sao cả ! Cái đó tùy « ông bà »...

Nói xong, Lan tự bực-tức với chính mình. Nàng cau - mày, ngẫm - nghĩ : « Việc gì phải dùng lời nói giả-dối để che đậy ý muốn của mình ? »

Vĩnh biết là Lan đã nhận lời. Tự nhiên chàng thấy mình sung sướng vu-vơ.

(còn tiếp 1 kỳ)

DOÃN-DÂN

ĐANG IN VÀ 15.8.61

SẼ IN XONG

TÂM TÌNH NGƯỜI ĐẸP

Gồm 40 bài thơ NHỊ THẬP BÁT TÚ của *VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG*

Do *YSABEL BAES* minh-họa

ĐINH - HÙNG trình bày bìa

TẠ - TỴ vẽ chân dung tác giả

Kèm theo

40 bản dịch Pháp-văn của *SIMONE. K. DE LA COEUILLERIE*

TỰA của thi-sĩ Ý-đại-lợi *LIONELLOFIUMI*

Chỉ in bản quý — Không có bản thường

500 bản tr n giấy CROQUIS dành riêng các bạn

đặt mua trước (**Giá 80$**) tại địa-chỉ tác-giả

53/18 Nguyễn - Khắc - Nhu — SAIGON

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện-Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — **INCENDIE**
Tai-nạn — Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — **RISQUES DIVERS**
Hàng-Hải — Linh-Tinh

Đại-LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANEE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngành : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE
HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

QUÝ-VỊ HÃY DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES

LOẠI XÁCH TAY ◇ LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY →

tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

Đường Nguyễn-Siêu — Téléphone : 29.821 — SAIGON

TỘI NGƯỜI TRONG SẠCH

Rút ngắn truyện La Rançon des purs
của Paul Tillard (1)

★ CÔ-LIÊU ★

QUÃNG đời sống mãnh liệt của giáo-sư Marchand mở đầu từ một ngày ấm áp mùa thu năm 1942. Marchand chưa đầy 30 tuổi. Trong một hầm bí mật, ông đang sửa soạn máy phát tín bí mật thông tin với Luân-Đôn thì hiến binh Đức ập vào, còng tay, dẫn đi.

Khi đến trụ sở hiến binh, Marchand bước vào một căn phòng tối tăm, bất giác giáo-sư rùng mình kinh sợ. Tại một góc nhà một người nằm co quắp như con thú, chân tay quặt ra sau lưng trói vào nhau. Người ấy đã mửa ra một bãi vừa máu, nước, thức ăn, và mặt còn ngâm trong bãi mửa.

Đó là hình ảnh đầu tiên về Lazlo người bạn chiến sĩ sau này, hành tung sẽ liên quan mật thiết với cuộc đời của giáo-sư, hơn thế, gương can đảm của Lazlo là một mối khích lệ, giúp giáo-sư vượt được những phút khủng khiếp nhất trong cảnh tù đầy.

Marchand bị dẫn đến một phòng lát đá trắng muốt từ đất lên tới trần nhà. Chân tay bẻ quặt ra đằng sau cột liền với nhau, giáo-sư bị ném vào một cái bồn tắm, hai bàn tay sắt ấn đầu xuống nước. Chỉ trong giây lát nạn nhân uống đầy bụng nước. Bàn tay sắt túm tóc lôi lên. Hai mắt giáo-sư đã trong như mắt người chết. Một tiếng nói gay gắt thoảng qua tai giáo-sư, xa xăm như hư như thực :

— Ai đưa tin tức cho anh truyền đi Luân-Đôn ?

Marchand không nói. Ông nghĩ đến Lazlo. Sau câu hỏi thứ ba, hai bàn tay sắt lại dìm đầu Marchand xuống nước bồn

(1) Julliard. 30 et 34 rue de l'Université Paris VIIe.

tắm, và chuyến này thì nước túa vào phổi, vào bao tử, làm cho cả thân thể muốn nứt tung ra... Marchand tỉnh lại, thấy mình nằm co quắp dưới sàn, một cái khăn bông quấn trên đầu. Xung quanh, một mùi tanh hôi đặc biệt xông lên : cũng như Lazlo, ông đã mửa.....

Viên si-quan chực sẵn đâu đấy lại tiếp tục cuộc thẩm vấn :

— Nếu anh không cung khai, chúng tôi buộc lòng phải bắt vợ anh. Đừng nói đến công lý, đến nhân đạo, khi có chiến tranh.

Marchand giật mình nghĩ đến vợ mình mới sinh đứa con gai. Nhưng ông nhất quyết không cung khai, không ngờ rằng sau này vợ ông đã phải chịu những thống khổ ghê gớm hơn tù đầy. Vợ ông bị bắt ngay hôm ấy và biệt tích từ đấy.

Sau đó ít lâu, Marchand bị đày đi một nơi hẻo lánh ngoài biên giới. Trong một toa tầu chở súc vật, người xếp như cá hộp, chật đến nỗi không thể ngồi được, Lazlo cũng ở trong số người phải đi đầy với Marchand đứng gần cửa. Chỗ này lạnh vì có gió lùa, nhưng được cái dễ thở. Tới một ga nhỏ, xe đỗ. Qua một khe cửa Marchand nhìn ra ngoài thấy rõ một toa tầu khác cửa mở rộng. Người ta khiêng xác chết xuống sân ga. Những xác đàn bà trần truồng người gầy gò đến nỗi mới đầu không nhận ra là đàn bà. Những xác chết đã cứng quèo ném xuống thềm xi-măng nghe kêu như một tấm ván. Nhiều người còn giữ nguyên dáng điệu tuyệt vọng lúc hấp hối

Marchand thấy tim mình thắt lại. Ông cố giương mắt nhận xem có người nào là vợ mình không. Có tiếng nói vọng đến tai :

— Đàn bà Tiệp-Khắc !

Marchand ngây thơ bấu víu ngay lấy câu nói vu vơ để trốn lo nghĩ.

3 năm sau, khi mãn hạn đi đầy, được phát hồi nguyên quán, Marchand lại gặp Lazlo trong cùng một toa tầu trở về Ba-Lê. Marchand và Lazlo là những người kiệt lực nhất, không đủ sức đi một quãng vài trăm thước vào sân ga. Hai người cũng được đặt lên một chiếc xe chở hành lý. Vào đến cửa ga, Marchanh trông thấy mẹ vợ ra đón. Bà không nói gì cả, chỉ rưng rưng nước mắt. Nhưng Marchand đã hiểu : sau ba năm chờ đợi, ông trở về với đứa con côi và cuộc đời trống rỗng mông mênh Bên cạnh ông, Lazlo — chỉ có Lazlo — cảm thông sự đau khổ ấy, Lazlo tiến lên cầm tay ông.

Bỗng dưng, trong trí nhớ Marchand thoáng hiện lên cảnh tượng những xác chết cứng quèo Có lẽ vì tâm linh đã báo cho ông biết vợ ông có mặt trong số những thây ma ghê sợ ấy, mà mấy tiếng « đàn bà Tiệp-Khắc » thoáng nghe được chỉ là sự tình cờ.

* * *

Marchand đã trở lại cuộc sống bình nhật, nhưng giao-sư không tìm thấy sự thư thái thuở xưa, sự trống rỗng tâm hồn đè nặng xuống đời sống, tuy đứa con gái đã khá lớn cũng an ủi ông được phần nào. Nhiều lúc ngắm con, ông mơ mộng liên miên, tưởng tượng nếu vợ ông còn sống sẽ mang duyên dáng nàng tô điểm cho cuộc đời ông đẹp đẽ bao nhiêu !

Từ ngày thắng trận, những phong trào kháng chiến trở thành những tổ chức rất

có uy tín, tượng trưng cho quyền hành, thế lực, linh hồn tổ quốc, sự tôn kính, và ái mộ của quốc dân. Marchand gửi đơn xin gia nhập Phong Trào Tháng Tư, một phong trào kháng chiến uy tín nhất trong nước.

Theo thủ tục, sự gia nhập không phải dễ dàng, đương sự phải qua cuộc điều tra tỉ mỉ.

Việc xin gia nhập của Marchand đã gây nhiều băn khoăn cho viên giám-đốc Hottier. Ngoài việc thâu thập tài liệu để lập hồ-sơ đầy đủ của Marchand, Hottier còn được Phong trào ủy-thác dọ hỏi để biết hành tung của Lazlo vì họ biết Lazlo là bạn thân của Marchand. Marchand siết bao kinh hoàng khi Hottier cho biết bạn ông bị tố cáo tội phản quốc.

Marchand được mời đến một căn phòng trên tầng lầu thứ 6 của căn nhà đồ sộ dùng làm trụ sở.

Hottier người nhỏ thó, đã hơi có dáng mập của tuổi 40, một khuôn mặt ngắn, hơi bướng bỉnh nhưng sáng sủa, chân thành, tiếp ông sau một cái bàn giấy sơ sài ở một góc phòng :

— Chúng tôi mời ông đến vì một việc đáng tiếc, làm phiền lòng cho cả đoàn thể chúng tôi.

Sau khi kể tóm tắt lại việc phản-bội của Lazlo — theo luận điệu của Phong Trào — Hottier nói tiếp :

— Chúng tôi biết rằng ông năng sang Thụy-Sĩ thăm Lazlo.

Marchand cân nhắc câu trả lời :

— Mỗi năm Lazlo thường qua dưỡng bệnh tại một bệnh viện ở Thụy - Sĩ, tôi tưởng chẳng có gì lạ cả.

Hottier nghiêm giọng :

— Ta hãy nhìn thẳng vào sự thật : Lazlo phản quốc chỉ vì một người đàn bà, một nữ thám tử. Chúng tôi không quan tâm đến sự phản bội của Lazlo, cả người đàn bà thám tử cũng vậy. Chúng tôi chỉ cần có bằng chứng để tháng sau ra Tòa có thể trả lời đối phương. Họ sẽ mua chuộc một số báo để đăng bài công kích chúng tôi và bênh vực Lazlo.

Marchand không ngờ sao lại có thể xuyên tạc sự thật đến như thế. Hottier ám chỉ Elisabeth, một nữ y-sĩ ở Giơ-Neo là vợ chưa cưới của Lazlo, đã có công với Phong Trào và giúp Lazlo nhiều trong cuộc tranh đấu cho chính nghĩa.

Nàng xin giấy thông hành sang Pháp đã lâu mà không được. Bây giờ ông mới hiểu lý do sự chậm trễ quá đáng như thế.

— Chúng tôi cần bằng chứng của ông. Ông chỉ cho biết đã gặp người đàn bà ấy ở nhà Lazlo là đủ. Đó, vì quyền lợi của Phong Trào, chúng tôi chỉ yêu cầu ông có thế.

Marchand tái mặt đi trong chốc lát, rồi trả lời dứt khoát :

— Tôi không quen biết người đàn bà ấy bao giờ.

* * *

Tiễn Marchand ra khỏi, Hottier bàng hoàng như người chóng mặt : vậy ra một người đứng đắn, tên tuổi, một nhân vật đáng tín nhiệm như giáo sư Marchand lại nói dối ! Điều ấy ngoài sức tưởng tượng của Hottier.

Ông trở lại chỗ làm việc mở hồ-sơ của giáo sư ra coi lại, may ra hiểu được tại sao giáo-sư lại nói dối.

Đọc lại lời lẽ trong đơn xin nhập Phong Trào vì lý do phụng sự lý-tưởng, Hottier rất có cảm tình với một người thất vọng sâu xa, muốn tìm an-ủi, tìm lẽ sống trong việc phụng sự một lý tưởng hạnh phúc chung của mọi người. Tuy nhiên có một đoạn tán dương Lazlo làm Hottier cau mày. Hottier đã ở trong quan điểm của Phong Trào, cho Lazlo là một tên phản bội, lời tán dương của Giáo - sư thật là lố bịch.

Ông lật sang phần hồ - sơ dành riêng cho những bản điều tra mật. Ngoài một vài bản vô giá trị, có một bản khá quan trọng. Người gác-gian nhà giáo sư, tiết lộ rằng giáo sư đã phản đối việc Phong Trào tâng bốc nữ đồng chí Mado - Laurent một cách quá đáng. Mado-Laurent chết trong lúc tù đày, đã được làm lễ quốc tang rất trọng thể. Tên nàng sẽ lưu lại hậu thế vì đã đem đặt cho một trạm xe lửa. Vả chăng nàng lại : là vợ viên tổng thư Ký Phong Trào. Tuy rằng một tháng sau viên này đã lấy vợ khác nhưng cái đó có hại gì đến danh dự người nữ anh hùng ! Giáo sư phải là người mất trí mới có thái độ nghi ngờ những thực tại hiển nhiên như thế.

Ông băn khoăn về sự kiện ấy cho mãi đến giờ ăn. Bỗng dưng trong trí nhớ sáng sủa của ông hiện ra một vị thiếu tá, ông đã gặp ngay sau ngày đình chiến, trước khi tù binh trở về Pháp.

Vị thiếu tá nói không úp mở về Mado :

— Con đàn bà ấy ư ? Có 20 người bị quân Đức bắt chỉ vì nó !

— Điều ông nói quan hệ lắm. Ông có bằng chứng không ?

– Đầy túi. Tôi nói chuyện này với ông vì chính tôi đã cho ông Tổng thư ký biết trước rồi. Tôi bảo bản ông ta : « Nếu vợ ông trở về đây thì phải ra tòa quân sự đặc biệt ». Ông ta cũng muốn tôi đưa bằng chứng. Tôi cho ông biết rằng vợ ông đã để danh sách đảng viên kháng chiến trong bóp vào coi chớp bóng. Lúc trở ra bị hiến binh Đức bắt

— Sao bà ta lại có thể khinh xuất như thế được ?

Viên thiếu tá tức giận đỏ mặt :

— Ông cho là khinh xuất à ? Đứa trẻ cũng nhận thấy sự xếp đặt một cách vụng về cốt che mắt thiên hạ. Một vai trò trọng yếu như Mado, nắm trong tay vận mạng của cả một tổ chức kháng chiến, không thể khinh xuất được. Con người dại dột như thế chỉ nên ngồi nhà mà đan bít - tất chứ đừng hoạt động chính trị.

Vị thiếu tá không bao giờ đưa việc Mado ra tòa quân sự vì ít lâu sau ông ngồi máy bay qua Ấn - Độ - Dương thì máy bay đã nổ tung không còn một vết tích gì để lại.

Hottier nhớ lại vụ Mado, có nhiều điểm trước kia ông thắc mắc, nay đều nổi bật ý nghĩa xếp đặt bởi một bàn tay bí mật để thần thánh hóa Mado.

Mở hồ-sơ ra để điều tra sự dối trá của giáo-sư Marchand, ông lại khám phá ra một

sự dối trá vĩ-đại hơn mà chính mình cũng là đồng lõa. Bắt giác Hottier lo ngại không biết rồi đây sẽ xử trí làm sao trước đường đời ngoắt ngoéo khó lường.

* * *

Giáo-sư Marchand mở báo ra coi thấy vụ Lazlo chiếm 5 cột trang đầu, tít lớn. Chứng cớ đầy đủ — một vài nhân-vật trọng yếu đưa ra những yếu tố buộc tội thật đích sác — tòa tuyên án khổ sai chung thân.

Đó, phần thưởng bất ngờ đời đã dành riêng cho một người mang tài học uyên thâm, sự liêm khiết, lòng dũng cảm ra phụng-sự lý-tưởng.

Giáo-sư để ý đến một đoạn thông-cáo gửi cho hãng thông-tấn quốc-tế, đăng tải bức thư của Elizabeth gửi cho viên chánh án. Nàng thú nhận đã có nhận của Lazlo những tài-liệu bí mật quân-sự để đưa cho ngoại bang. Chính Lazlo chủ mưu những vụ do thám ấy.

Giáo-sư biết Elizabeth lắm, ông hiểu rõ ái tình cao quý của nàng với Lazlo, ông hiểu rõ tính tình, nhân cách của nàng. Bức thư buộc tội Lazlo kia sao lại có được ? Marchand choáng váng vì những điều mâu thuẫn tàn ác ở ngoài quan-niệm lẽ phải như thế.

Sự đau khổ nhục nhã của bạn xúc động ông đến nỗi ông quên cả thống khổ của mình. Ông kéo lê tấm thân gần như tàn tật về nhà và không giám nghĩ xa hơn về cảnh đời tội đồ đang chờ đợi bạn ông.

Giáo-sư có can đảm chịu đựng cuộc đời điên đảo này không ? Tuy nhiên cũng còn một tia hy-vọng, và ông hướng về ngã đó để tìm sự an ủi. Lát nữa ông sẽ đến gặp Lucienne, cô sinh-viên ông mới quen biết độ một tháng nay, và đã tính làm lại cuộc đời với nàng.

Mối tình của ông với vợ sâu sắc và chân thật, ông biết rằng còn chiếm phần lớn tâm hồn, cho nên ông ở góa đã 10 năm nay, nhưng khi gặp Lucienne, ông xúc động vì khuôn mặt thanh tú nhìn ông đầy thán phục đượm một vẻ kính yêu kín đáo. Trong nghề, ông hiểu rõ có những mối tình hồn nhiên của nữ sinh với thày học. Đã nhiều lần ông bắt gặp Lucienne ngồi ngay hàng ghế đầu chăm chú ngó ông diễn giảng. Hai mắt thiếu nữ phản chiếu một tâm hồn phong phú và chân thành.

Giáo sư bối rối trong phút đầu rồi sau tìm thấy thần hứng để vượt mình, diễn giảng hùng-hồn, lưu-loát hơn bao giờ. Ông chỉ diễn giảng cho một người mà ông cảm thấy tia mắt rọi vào ông nóng bỏng.

Hết giờ dạy, Marchand lại gặp thiếu nữ ngoài sân như có ý chờ ông. Thiếu nữ gật đầu chào ông và ngày hôm sau nhận lời dùng cơm với ông tại một khách sạn. . .

* * *

Hottier đang vơ vẩn trong vườn hoa Luxembourg thì thấy giáo sư ở trong nhà ra. Chủ ý của Hottier là muốn gặp lại Marchand vì có nhiều chuyện muốn nói, nhất là vụ Mado. Quái gở ! Ông muốn ngỏ tâm sự với vị giáo sư đã nói dối ông, — mà không hiểu dưới mãnh lực nào ông không nói gì đến sự dối trá ấy trong phúc trình lên thượng cấp.

Trưa nay ông nhận được một tiếng điện thoại mời lên Thượng Hội Đồng. Hottier tất tả sang đến nơi, sắp gọi cửa thì nghe trong phòng vọng ra một tiếng nói làm ông giật mình — một tiếng nói phóng đại qua máy ma-nhê-tô-phôn :

— Vì quyền lợi của Phong Trào, chúng tôi chỉ yêu cầu ông có thế.

Hottier choáng váng như bị trúng gió. Chính tiếng nói của mình mà người ta đã bí mật thâu vào máy. Một chút yên lặng rồi một giọng khác trả lời :

— Tôi không hề quen biết người đàn bà ấy !

Giọng nói của giáo-sư Marchand.

Hottier bước vào phòng : bốn người đàn ông và một người đàn bà ngồi chung quanh bàn, trên để máy ma-nhê-tô-phôn. Người thứ năm đứng xa một chút. Không ai thèm để ý đến ông. Người ta đã tính toán cẩn thận để ông đến vừa kịp lúc nghe đoạn thâu-thanh cuối cùng.

Người thứ năm là phụ tá tổng thư ký tên gọi Jean Michel lên tiếng trước nhất :

— Thôi, thiết tưởng thế cũng đủ rồi. Thâu âm hoàn hảo không mất một tiếng nào.

Jean Michel nói như không có mặt Hottier, ông ta làm như Hottier đã bị cất chức rồi — vì đấy là mục đích của cuộc hội họp này. Hottier đã biết rõ cách xử trí của Phong Trào, khi muốn cất chức một đảng viên cao cấp. Họ muốn cho ông hiểu bản phúc trình về Marchand đã không nói hết sự thật ghi lại trong máy thâu âm.

Nhưng tại sao Jean Michel lại phải dụng công để bới móc một việc không có gì quan trọng lắm ? Hay là để loại trừ một người biết rõ vụ Mado chính Jean Michel đã xếp đặt ?

Hottier phải nói một câu từ tạ lấy lệ :

— Có lẽ vì tôi mệt quá nên có điều sơ sót mà không biết, không phải tôi nói thế để khỏi lỗi, trái lại tôi sẵn sàng chờ đợi quyết định của cấp trên.

Jean Michel quay lại nhìn Hottier với cặp mắt nghi kỵ, một thứ nghi kỵ lạnh lùng, tính toán, cặp mắt của một người luôn luôn phải đề phòng, như họ biết trước chung quanh họ không ai ưa họ hết.

– Chúng tôi sẽ cho ông biết kết-quả trong một tương lai rất gần.

Cặp mắt lại nhìn Hottier lộ vẻ căm thù À, ra trong 10 năm nay Jean Michel đã dụng ý dò xét, đợi ông phạm một lỗi lầm để khai thác !

Nhưng tại sao y lại căm thù ông ?

Sau ngày đình chiến Pháp-Đức 1940, Hottier được lệnh về ở coi một lầu đài ở miền Nam dùng làm trạm liên lạc và tiếp tế cho các chiến sĩ hậu phương. Hồi ấy Hottier chưa đến 30 tuổi. Ông đến ở lầu đài với vợ. Nhờ cuộc sống chung trong những ngày dài đằng đẵng ở một nơi xa lánh mà ông có dịp hiểu rõ tính tình của vợ mỗi ngày một xa với con người lý tưởng mà ông lầm tưởng từ lâu.

Hottier là công-nhân, nhờ học hỏi cố gắng mà thành đạt. Ông rất hãnh diện về nguồn gốc lao động của mình. Ông lấy Gilberte, một cô thư ký đã chịu ơn ông khi ông làm chủ-tịch liên đoàn. Tính tình Hottier giản dị, không thể quan niệm hạnh phúc ngoài sự làm việc, ông không hiểu những mầm mống hợm hĩnh, đố kỵ đã vò sé Gilberte thế nào ?

Khi hết chiến tranh ông trở về Ba-Lê nhận một chức vị khiêm tốn trong Phong trào, trong khi vợ ông đã sửa soạn đầy đủ để làm một bà tỉnh-trưởng. Được ít lâu Gilberte bỏ nhà đi theo một công-chức sở thuế vụ. Ông tìm sự quên trong công việc.

Tổ chức kháng chiến vừa phục kích một chuyến xe lửa chở vàng. Trên 50 người ra đi chỉ có 15 người thoát chết, nhưng đã mang về đầy đủ số vàng của Đức chở đi bằng chuyến tầu ấy. Một phần vàng chôn giấu trong rừng, còn thì 15 anh em nhét đầy các túi trở về trạm liên-lạc ca khúc khải hoàn. Họ viết trang lịch sử kháng chiến vinh quang.

Số vàng ấy rồi sau đi đâu ? Đến đây Jean Michel bắt đầu ra trò. Tám ngày sau Jean Michel mặc bộ quân phục thật sang, đeo bốn lon, từ trên chiếc xe Gíp nhẩy xuống, nhân danh Phong Trào Tháng Tư đến thâu số vàng. Không có sự vụ lệnh hay người nào giới thiệu cả, Jean Michel cho rằng cá nhân mình cũng đủ bảo đảm về đủ mọi phương-diện. Hottier ngần ngừ muốn nhắc đến sự vụ lệnh cùng biên lai giải nhiệm, thì Jean Michel chỉ tay ra một cái cam nhông lớn, bốn quân nhân nhẩy xuống, cầm súng tiểu-liên tiến đến gần chủ, sẵn sàng đợi lệnh.

Trong tình trạng ấy Hottier khó lòng cưỡng lại. Khi đã chất vàng lên xe, Jean Michel quên cả bắt tay Hottier, y nhẩy lên xa Gíp đầy vẻ ngạo nghễ, đắc thắng, lẫn đe dọa. Hottier còn chưa hết ngơ ngác thì xe đã lượn nửa vòng, đầy vẻ tự tín như xe chở một ông đại tướng.

Mới đây, đứng trước cái máy thâu âm trong căn phòng trụ sở, Hottier thấy lại cái nhìn hằn học của Jean Michel trước một xe cam-nhông chở đầy vàng. Đã từ 10 năm nay người ta hằn học căm thù ông vì ông phạm tội tầy trời là đã biết số vàng ấy ở đâu. Hottier bật cười mà lẩm bẩm « Vậy mà mình cũng quên bẵng những thoi vàng ấy rồi ». 10 năm người ta kiên nhẫn rình mò ông, nay mới kiếm được một cớ để đẩy ông đi ! Nghĩ cho cùng như thế càng chứng tỏ ông đứng đắn và tận tụy với Phong Trào đến thế nào !

* * *

Hottier muốn vào chơi nhà Giáo Sư Marchand nhưng thấy giáo sư ra vẻ hớn hở khác thường. Ông sinh nghi, chợt nẩy ra ý định đi theo dò xét giáo sư.

Hai người đi hai bên lề đường, Hottier đi sau giáo sư độ 20 thước. Qua một vài phố, giáo sư rẽ xuống bờ sông. Vừa lúc ấy Hottier thấy bóng một người thiếu nữ từ một gốc cây đi ra, coi giáng người còn trẻ lắm.

Hottier nghĩ thầm : « Còn ai nữa, nếu không phải người nữ thám tử mà giáo sư đã nói dối là không biết ». Nhưng ông phải ngạc nhiên khi thấy giáo sư cầm lấy tay thiếu nữ đưa lên môi hôn.

Thiệt khó lòng cho là một mật hiệu của thám tử. Rõ ràng là một đôi trai gái hẹn hò. Hottier nấp sau một quán bán sách rình. Bất ngờ người con gái nhích xa giáo-sư rồi hai người lạnh lùng ngồi xa nhau như có sự bất hòa nan giải. Hottier chợt nhớ đến vợ mình, khi hai vợ chồng trở về Ba-Lê thì Gilberte để lại dưới bếp một bức thư rồi trốn đi với một công chức sở thuế vụ !

Khi giáo sư trở về, Hottier đợi lúc người thiếu nữ đi ra chỗ sáng để xem rõ mặt, ông giật mình vì không phải người nữ thám tử tóc đỏ mà lại là người thiếu nữ tóc nâu, nhìn kỹ hơn, chính là người đàn bà trong phòng Thượng Hội Đồng với cái ma-nhê-tô-phôn quái ác, người đàn bà có vẻ là một cô nhân tình của Jean Michel.

Hottier hiểu. Jean Michel đã ủy thác cô nhân tình quyến rủ giáo-sư để dò xét, nhưng cô bé vụng về, đã làm hỏng việc. Ông lấy làm tức giận vì sự hèn nhát của Jean Michel, đến nỗi quên cả cẩn thận.

Người đàn bà đi khỏi, Hottier từ một chỗ khuất hiện ra, diện đối diện với giáo-sư. Giáo sư chưa hết kinh ngạc đã lộ vẻ ghê tởm, cái mỉm cười chua xót có giá trị một câu thóa mạ. Hottier chợt hiểu thì hổ thẹn vô cùng. Làm sao cho giáo sư khỏi hiểu lầm là mình dùng mỹ-nhân gài bẫy này để dò xét giáo sư ? Ông đứng lặng người một lúc lâu cho đến khi hình vóc cao lớn của giáo sư khuất sau dãy nhà trước mặt.

* *
*

Trên một chuyến tầu khởi hành từ Lyon đi Giơ-Neo, giáo sư ngồi ủ rũ trong một góc toa hạng nhất. Ông vừa qua một cơn mộng mị mà hậu quả là tủi hổ, lo buồn, ghê tởm. Bộ mặt thật của Lucienne đã cho ông biết tất cả cái gì là bỉ-ổi, hèn nhát, giả dối của người đàn bà dưới một bề ngoài thanh nhã đáng yêu mến và tin cậy.

Ông ngay thẳng chính đính xin gia nhập phong trào, không đợi người ta dùng đủ mọi quỷ kế để dò xét ông, dùng áp lực để bắt ông tỏ giác một người bạn mà ông biết là ngay thẳng. Lại còn bức thư tố giác Lazlo của Elisabeth, ông ngờ rằng đây cũng là một âm mưu của Phong trào. Ông tức tốc sang Giơ-Neo gặp Elisabeth.

Marchand đẩy cửa vào, ngồi đợi. Một sự yên lặng ngao ngán. Có tiếng chân đi. Elizabeth tiến đến trước mặt giáo sư.

Giáo sư không giấu nổi sự kinh ngạc. Elisabeth đã thành một bà già. Đâu còn là vẻ đẹp lộng lẫy thở xưa ? Cặp mắt ngày xưa phản chiếu cả một mùa xuân sán lạn, nay chìm trong sự cô tịch mông mênh. Thấy Marchand nàng nức nở khóc :

— Anh Pierre !

Cần gì phải nói nhiều lời ? Tiếng kêu thất vọng ấy cũng nói lên sự oan ức của nàng rồi.

Hai người đứng lặng yên một lúc lâu, nàng vẫn khóc, nước mắt tuôn chàn xuống ngực.

— Mời anh vào đây, tôi vẫn đợi anh, chỉ có anh mới hiểu tôi.

Elisabeth mỉm cười đau xót, cái mỉm cười càng làm hiển hiện sự trên khuôn mặt héo hon Marchand ngồi lặng thinh không nói được lời nào.

— Tôi đợi anh từ hôm qua, khi tôi biết báo chí Ba-Lê đăng tải bức thư của tôi.

Marchand không có cam đảm hỏi tại sao lại có bức thư ấy, nhưng nàng đã nói hết :

— Chỉ có cách ấy là cứu sống được Lazlo. Anh không hiểu được đâu. Cám ơn anh đã đến với tôi, ở đây người ta quay mặt đi không muốn nhìn mặt tôi, như tôi mắc bệnh hủi.

Nàng trầm ngâm nghĩ một chút để nói nốt :

— Lazlo ngồi đấy lâu rồi, phải nhường chỗ cho kẻ khác, cho những kẻ khát quyền hành địa vị muốn cầy bẫy ảnh đi cho nên mưu kế gì cũng dám làm cả. Có thế thôi. Cái tội lớn của Lazlo là cương trực làm vướng víu những kẻ tham lam và háo thắng. Đáng lẽ Lazlo đã có công lớn thì phải biết điều mà rút lui để nhường chỗ cho những kẻ muốn hớt cái công ấy.

Lazlo được nhiều người yêu mến. Họ phải dựng đứng lên một tội nặng : tội phản quốc. Đây, lập trường cửa họ : nếu tự nhận tội phản quốc thì được sống, nếu không thì phải chết. Nhưng Lazlo anh biết chứ, khẳng khái, thà chết trong danh dự ! Họ không làm sao được phải đến ép buộc tôi viết bức thư ấy.

Elisabeth đứng giậy đi lại trong phòng, khoanh hai tay lại, móng tay bấm chặt xuống thịt.

— Trời ơi ! Vì quyền lợi tối cao của Phong-Trào ! Tôi không hiểu sao người ta nói mà không biết ngượng. Sau cùng tôi phải viết bức thư ấy, họ vồ lấy như quân chó đói. Tôi không muốn Lazlo chết oan.

Vậy ra điều nghi ngờ của Marchand đã thành sự thực thối tha, ghê tởm. Một phong-trào cao đẹp theo đuổi mục-đích giải-phóng con người, nay lọt vào tay những người hào thắng, đã trở thành một công cụ áp bức khinh miệt con người !

Elisabeth trút được sự thống khổ qua lời nói. Nàng trở lại ngồi bên giáo-sư.

— Anh là bạn thân của chúng tôi, anh giúp tôi can đảm để đợi ngày Lazlo được tự-do.

Nhưng biết đợi bao lâu ? Người ta chết trong ngục thất còn dễ hơn ở ngoài. Nàng sẽ đợi đến bao giờ ?

Giáo-sư càng thương hại Elisabeth khi nàng kể cho biết họ đã hành hạ Lazlo tàn nhẫn hơn hồi bị hiến-binh Đức tra tấn. Uống nước, cột ngón tay treo lên xà nhà, roi vụt bừa vào mặt mũi, đều chưa thấm vào đâu. Họ đấm vào mặt Lazlo đến rụng hết răng, dùng thanh sắt đập gẫy cả hai chân. Một người bạn thân của nàng đã mạo muội đến thăm, kể cho nàng biết Sau đó người ấy đã phải tự vẫn vì có kẻ theo dõi biết chuyện.

(còn tiếp 1 kỳ)

***

vẫn nhớ cảnh xưa

Kính tặng Thầy VÕ-HỒNG
nhân ngồi đọc « Ngôi trường quê »

TRẦN-HUYỀN-ĂN

Mới đó... mười năm lặng lẽ qua !
Chiều nao : nhận được cánh thư nhà
Lòng con tan nát, ngăn hàng lệ
Sách vở... từ đây... mãi cách xa !

Câu giã từ đâu kịp đổi trao !
Đường mai dặm bạn ngần ngơ chào.
Ngập ngừng đôi bước, quay nhìn lại
Nếp nếp trường thân luống nghẹn ngào !

Mải miết lăn trong gió bụi đời
Tháng ngày tân khổ thấm tê môi.
Con chưa trở lại ngôi trường cũ
Xem bóng thời gian mấy đổi dời.

Nơi ấy, giờ đây biết có còn
Những hình ảnh Đẹp tuổi vàng son ?
Chinh-yên xóa sạch mầu xanh trước
Kiến-thiết còn quên chốn núi non !

Sợ ngại ngùng trông cảnh đổi thay
Đau niềm luyến tổ nhớ nhung bầy
Nên con chỉ để tròn mơ ước
Chẳng dám về thăm nẻo gió mây.

Đơn chiếc thân côi giữa phố phường
Nguyện gìn giữ vẹn chút dư hương
— Con : con chim nhỏ xa bầy cũ
Vẫn nhớ cành xưa với nẻo đường...

TRẦN-HUYỀN-ĂN

TRUYỆN DÀI

TUYẾT - HƯƠNG

PHẤN ĐẤU

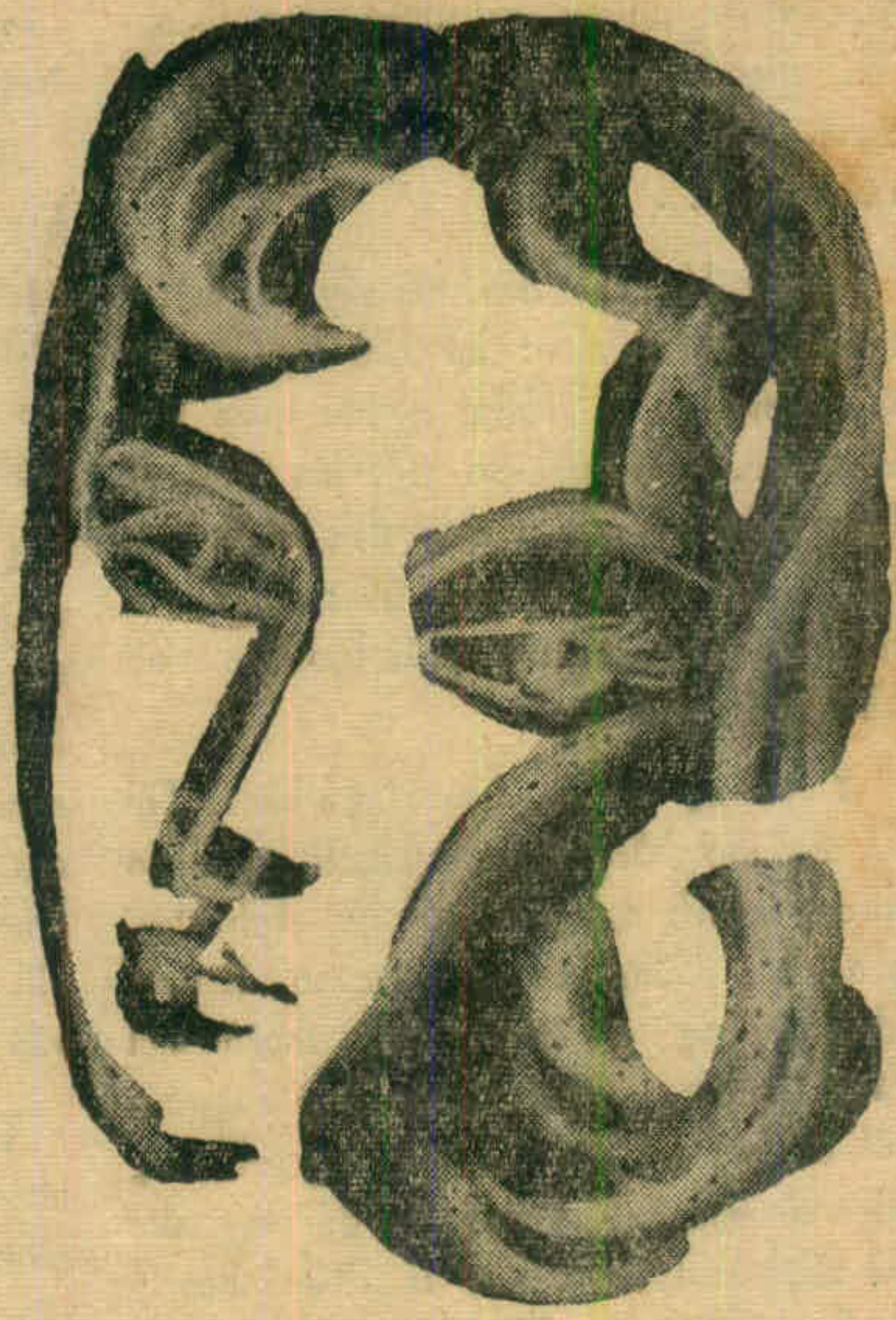

tiếp theo B.K. số 109

VIII

Tôi tới Đà - lạt đúng vào một buổi chiều mưa gió, ướt át và lầy lội. Tôi có cảm tưởng như đời tôi chỉ toàn gặp u sầu buồn thảm.

Ngồi trong xe nhìn ra, qua màn nước mưa dội trên mặt kính, phố xá có bộ mặt lạnh lùng ủ rũ như mặt người đi sau xe tang. Nhiều phố xe đi qua không một bóng người. Đời sống dường như ngừng hoạt động. Đà - lạt thương tiếc ai, có tâm sự chi buồn mà chỉ mải mê khóc ? Rừng thông, núi đồi khoác áo sương mầu sám. Một mầu nhã nhặn nhưng quá nghiêm khắc.

Có cái thư giới thiệu nhà ông bạn dẫn đường lại bỏ quên. Anh tôi phải để cho ở tạm khách sạn, hẹn hai hôm sau sẽ lên đưa đi chỗ khác. Mưa vẫn rơi không ngừng.

Còn lại mình tôi ở cái thành phố ướt nước mắt của trời. Tôi có cảm tưởng cảnh vật nơi đây chưa từng được biết tới mặt trời.

Khách sạn trông ra hồ, sau nhà là rừng thông. Đứng trên hiên gác nhìn thấy vườn rau ẩn sau những dẫy thông. Mái chợ Đà-lạt nhô trên những tùm lá xanh. Bên kia hồ vài ngọn đồi rải về chân trời. . .

Trong lúc chờ đợi, tôi nẩy ra một ý tưởng « ghê gớm » : thử làm lấy hết các thứ ở nơi xa lạ, không người quen biết xem sao. Thí nghiệm một lần. Chả lẽ bằng ngần này rồi mà đi đâu cũng phải người đưa đi, lo liệu cho đủ thứ. Người thời đại nguyên tử, phải bạo dạn tinh khôn một chút.

Ý tưởng đó đã được thực hành. Tội đã đòi cho bằng được ở khách sạn. Tán dương khách sạn đủ thứ, từ cảnh đẹp, yên tĩnh. Cũng không hiểu sao đề nghị khác thường đó được chấp thuận một cách dễ dàng. Phải chăng ông anh của tôi đã hơi già nên lẫn lộn, hay vì công việc bề bộn quá, không còn đủ sáng suốt và thì giờ làm gì hơn là chiều theo ý muốn của cô em. Nhưng biết đâu chính anh cũng nghĩ : (để nó thử lo liệu một chuyến xem sao. Chắc sẽ hết nói khoác).

Không cần tìm hiểu. Miễn đề nghị của mình được chấp thuận là đủ.

Buổi sáng đầu tiên khi yên trí mình được « thả lỏng », tôi cảm thấy khoan khoái lạ. Chẳng khác nào con chim vừa thoát khỏi lồng vậy. Sự vui thích đó làm tạm quên mình là người khác thường.

Không khí tự do tràn ngập gian phòng hơi chật chội vì quá nhiều đồ đạc. Nhưng không khí tự do này sẽ không thể lẩn trốn đi đâu, phòng rất kín. Ngoài hai cửa ra hiên và xuống dưới nhà lúc nào cũng đóng kín, chỉ có hai cái cửa sổ, dài và gầy như hai ngón tay người nhịn cơm nửa tháng, đã được bịt kỹ lưỡng bằng kính.

Tha hồ tự do nhé. Nằm hay ngồi, ngủ hay thức, buồn hay vui. . . Làm tất cả ngần ấy thứ trong một lúc cũng được. Đến bữa tự nhiên có người đem cơm vào tận nơi mời. Không phải nghĩ xem mình muốn ăn gì dễ chịu lắm.

Cả một tuần lễ tôi không nghĩ và cảm thấy gì khác mình đang được hoàn toàn tự do tiêu thì giờ và sống theo ý thích. Mải mê với niềm sung sướng của con chim lần đầu được rời khỏi tổ, tôi không cần biết hàng xóm của tôi là những ai, Đà-lạt có những gì. Trời mưa hay nắng, gió bấc giá buốt hay ấm áp không thành vấn đề.

Tuần lễ thứ nhì mới bắt đầu cảm thấy nhớ nhà. Gian phòng chật chội và kín như bưng thêm nhắc nhở sự hiu quạnh của cuộc sống xa gia đình. Tôi nhớ tới từng người thân, từng vật quen thuộc. Cũng lúc ấy tôi cảm thấy không khí ở khách sạn làm sao ấy.

Cái « làm sao » ấy khiến tôi bồn chồn lo lắng, không thể yên tâm dù ngủ hay thức, ăn cũng chẳng thấy ngon nữa. Lúc nào tôi cũng có cảm tưởng mình trú tạm ở đấy để. . . đợi người nhà lên đón về.

Người ta bảo tại tôi không đi đâu, cứ cả ngày ngồi trong phòng. Phải chịu khó đi chơi nhiều ăn mới ngon, mới chóng lên cân và khỏe. Người ta khuyên tôi nên đi chơi, ra chợ, suối Cam ly, hồ Than thở. Nhưng tôi không đi đâu hết, cứ ở nhà để tư tưởng

sống tạm bợ, chờ đợi ám ảnh. Rồi tự nhiên tôi sốt ruột lạ lùng. Cố chịu sự sốt ruột ấy xem được bao lâu. Chỉ cuối tuần thứ hai tôi đã chấm dứt sự thử sức chịu đựng, bắt đầu nghĩ tới tìm một chỗ ở khác.

Chưa biết tôi sẽ xoay ra sao, bằng cách nào. Song đã muốn thí nghiệm, thì đây chính là một dịp để trổ tài. Nghĩ vậy tôi làm ra vẻ rất yên trí. Rồi tất cả sẽ đâu vào đó mà.

*
* *

Buổi sáng hôm ấy tôi đi bách bộ, vòng qua bờ hồ, lên phía chợ.

Chương trình ngày hôm nay là đi tìm nhà để biển cho thu ê. Với chân này tôi chỉ có thể đi vòng quanh mấy phố gần chợ. Nhưng nhà hàng phố lụp xụp quá. Tôi định về, vì đã mỏi chân, thì chợt nhớ chưa ăn sáng. Vừa lúc đó ngửng lên, gặp ngay hàng phở. Đã lâu chưa ăn phở, ngần ngại một lúc tôi đánh bạo bước vào. Chưa bao giờ tôi vào hiệu ăn một mình.

Thấy hiệu sạch sẽ, bà chủ người xinh xắn nhẹ nhàng, tôi nghĩ muốn nhờ bà thổi cơm. Cơm ở khách sạn khó ăn lắm.

Bà nhận lời nấu cơm tháng, nhưng không đem tới nhà. Nhân thể bà hỏi sao không tìm nhà gần chợ cho tiện, tôi bèn nhờ có chỗ nào thì mách giúp. Bà cho biết ở phố Duy-Tân có một biệt thự cho thuê từng phòng. Lại cẩn thận sai người đưa tôi đến giới thiệu.

Thật là mừng vô cùng. Vì theo lời bà, đây là nhà tử tế, chỉ có toàn con gái đang đi học. Lúc đó là buổi chiều. Người ta hẹn sáng mai đến nói chuyện và xem phòng luôn thể. Bây giờ phòng còn có người.

Sáng mai tôi lại đến, được đưa đi coi thử phòng. Nhỏ thôi. Chừng ba thước vuông. Nhưng thoáng và sáng sủa. Có giường, tủ áo và một cái bàn con. Tôi cũng chỉ cần có thế.

Được chỗ ở như ý, người ta đòi bao nhiêu tôi cũng trả đủ số. Giá cả xong xuôi, người ta bảo dọn lại ngay buổi chiều. Sợ không đủ thì giờ thu xếp, tôi nói để đến sáng mai. Chúng tôi đồng ý chọn mười giờ sáng ngày mai làm giờ nhận và giao phòng. Các vấn đề cần thiết cũng được đem thảo luận. Khi đã thỏa thuận cả, tôi định về thì mấy cô chủ nhà giữ lại nói chuyện. Chúng tôi nói chuyện học hành, thi cử rồi chuyển dần sang gia thế của nhau.

Trong lúc nói chuyện, tôi để ý nhận xét mà không thể biết trong hai cô, cô nào là chị cô nào là em. Họ không gọi nhau và cũng chẳng hề nói với nhau. Chỉ biết một cô vóc người hơi lớn hơn, có vẻ bộp chộp dễ dãi. Cô kia nhỏ hơn một chút, song coi bộ già dặn, khôn ngoan hơn. Cô đó không ngồi tiếp chuyện hẳn. Đứng lên ngồi xuống luôn Cứ vào trong nhà một lúc, ra hỏi vài câu rồi lại vào. Hơi ngạc nhiên, nhưng tôi cho là cô mắc bận công việc gì chăng ? Thế rồi cô đó hỏi :

— Chị có lạnh không ? Trông chị yếu quá.

Câu hỏi khiến tôi có những cảm giác không được vui, Còn lạ gì ! Cái bộ mã gầy gò yếu ớt của tôi ai chẳng sợ. Tôi đã

hiểu quá rõ. Và tôi đã trả lời rằng không lạnh lắm. Cô ta lại hỏi :

— Chị yếu bao lâu rồi ?

— Gần hai năm.

— Lâu vậy à ! Chị yếu bệnh gì vậy ?

Biết nói sao đây ? Tôi đã thừa hiểu ai cũng sợ nếu biết vì sao tôi yếu. Nhưng tôi không quen nói dối ! Tuy vậy tôi nghĩ : Mình bị song đã khỏi từ lâu, già nửa năm rồi, dù có nói cũng chẳng hề chi đâu. Mấy cô đi học chắc cũng biết thế nào nguy hiểm, thế nào vô hại. Sau khi lý luận, tôi đã thẳng thắn cho biết yếu về bệnh phổi. Không quên nói rõ đã khỏi hẳn từ hơn sáu tháng nay.

Tôi thoáng thấy cô nọ cau mày, nhìn cô kia và đứng lên bỏ vào nhà trong. Khi tôi đứng lên cáo từ thì cô ta lại ra. Cả hai chị em cùng dặn đi dặn lại sáng mai thế nào cũng dọn đến, u già sẽ đợi để giao chìa khóa và phòng. Tôi đã xuống hết cầu thang hai cô còn dặn với rất là ân cần.

Dọc đường tôi không tránh khỏi nghĩ ngợi về những cử chỉ khác thường đã nhận thấy sau khi người ta biết tôi yếu về bệnh gì. Nhưng rồi tôi đã cho là mình quá để ý và giầu tưởng tượng, tự kỷ ám thị đấy thôi. Nếu có ý gì, khi nào người ta dặn đi dặn lại cẩn thận như thế. Lại còn cho biết sẽ tính rút tiền nhà nữa.

*
* *

Đúng mười giờ sáng hôm sau tôi tới nơi. Chưa bao giờ tôi đún hẹn thế đấy. Cả một sự cố gắng đáng kể.

Suốt buổi chiều hôm trước tôi để thì giờ viết thư báo tin cho ở nhà và các người quen biết chỗ ở mới. Thư nào cũng nhớ khen chủ nhà có vẻ tử tế lắm. Buổi tối chủ khách sạn đưa giấy tính tiền. Trang trải xong xuôi, tôi yên trí đợi sáng mai.

Đứng ngoài cửa ngó vào, nhà vắng hoe. Một lúc sau tôi mới chợt nhớ buổi sáng các cô đi học vắng cả, chỉ có u già đợi đón để giao phòng. Tôi bấm chuông. Một lúc sau lại bấm. Tới lần thứ ba cũng chẳng thấy ai ra, chỉ có con chó nằm ở chân cầu thang nhe răng gầm gừ. Có lẽ u già đi chợ chưa về.

Ngại giùm tôi phải trả nhiều tiền xe, ông tài xế khuyên tôi cứ đem đồ vào. Ngoài hiên có cái ghế, ngồi nghỉ chân đợi người ta về. Chốc chốc tôi lại xem đồng hồ. Quá mười phút, rồi mười lăm phút. Tôi chợt có ý tưởng khôi hài :

— « Nếu người ta không cho mình thuê nữa thì sao ? ».

Ý tưởng đó làm tôi lạnh xương sống. Và tôi vội tự bào chữa khi nào có chuyện ấy. Người ta đã hẹn cẩn thận, dặn đi dặn lại bao nhiêu lần. Mấy cô lại là người có học thức, chắc sao cũng biết giá trị của một lời hứa. Một lời còn quan trọng, huống chi đến bao nhiêu lời.

Tuy nhiên tôi vẫn băn khoăn lo ngại. Tôi không thể quên được những thành kiến của mọi người đối với bệnh phổi, một thứ bệnh trong số bốn thứ khó chữa nhất. Nghĩ đến đây tôi cảm thấy mình bi quan hơi vô lý. Đã khỏi thật sự trên sáu tháng nay rồi. Nhưng tôi vẫn cứ lo ngại thế nào ấy.

Ừ, nếu người ta trở mặt không cho thuê nữa thì sao đây ? Phòng đã trả, có

người khác giữ ngay, đồ đạc khiêng cả đến đây... Kể cũng hơi rầy rà. Chắc tôi sẽ lâm vào tình cảnh vô gia cư.

Giòng tư tưởng đến đây thì đứt. Bà già giúp việc cho gia đình này đã đội giỏ thức ăn về kia. Thở dài nhẹ nhõm, tôi đứng lên đi ra đón chào vui vẻ đúng như tâm hồn tôi lúc đó. Song tôi ngạc nhiên, tự hỏi :

— « Lạ chưa kìa, vừa hôm qua niềm nở lễ phép thế mà sáng nay mình chào không trả lời.

Tôi cho là bà ta già rồi, đi chợ mệt, chưa có sức trả lời. Nghĩ vậy tôi kiên nhẫn đứng đợi. Một lúc lâu sau vẫn không thấy bà ta đã không trả lời còn làm như không có tôi đứng đó, làm những cử chỉ khó hiểu như quăng thùng, đập chân, mắng chó... Không thể kiên nhẫn hơn, tôi hỏi :

— Sáng qua các cô có hẹn mười giờ sáng nay đến, bà sẽ đưa tôi lên phòng. Vậy bà có sẵn chìa khóa đó không ?

Để trả lời, bà ta đổ ụp cả chậu quần áo ngâm sà-phòng xuống thùng giặt, nước bẩn bắn tung cả lên mặt và quần áo, thấm ướt cả dép. Tuy nhiên tôi vẫn phải lễ phép nhắc lại :

— Tôi đợi đã hơi lâu, bà cho tôi đem đồ vào để nghỉ một lát.

Bấy giờ bà ta mới lên tiếng :

— Ấy, hôm qua các cô tôi hẹn thế, nhưng đến chiều lại nhận được thư bảo giữ phòng lại cho người khác thuê.

Nói rồi bỏ vào trong nhà, một lúc lâu mới ra. Thế có đáng giận không ! Song tôi vẫn phải nói tử tế :

— Đành rằng thế, nhưng các cô đã hẹn chắc chắn để tôi trả phòng đem đồ tới đây, bà nên hiểu giùm. Dù sao cũng đã hứa với tôi trước, từ sáng...

— Tôi biết làm sao được. Các cô ấy dặn sao thì tôi cứ thế mà làm. Chả lẽ bảo không mà tôi cứ cho thuê à ?

Tức nghẹn đến cổ ! Một gian phòng ba thước vuông, đòi hai ngàn một tháng cũng trả đủ còn dở mặt. Nói vài câu nhã nhặn nữa cũng chẳng hơn gì, tôi hỏi :

— Đã hứa với tôi như thế để tôi trả phòng, đem đồ đến đây, phòng cũ đã có người thuê, bà tính sao ?

— Chịu, tôi chả biết tính sao hết.

— Nếu không muốn cho thuê nữa thì phải báo cho tôi biết. Làm lỡ tất cả, bà thử nghĩ xem có phải không ?

— Tôi chả biết làm thế nào. Cô không biết chứ tôi thương người lắm. Tôi có đạo, thấy ai tôi cũng thương lắm...

Tôi muốn khóc lên ba tiếng và cười lên ba tiếng. Thương cái kiểu ấy thì sẽ được lên thiên đàng hay xuống địa ngục ? Nhưng bây giờ không phải lúc thưởng thức một câu nói hay ho. Tính sao đây ? Không thể trở về khách sạn. Và tôi đã để liều đồ đạc ở hiên, bỏ ra phố, đi lang thang một lúc cho dịu bớt sự bực tức chán nản. Bực tức về cái vẻ yếu đuối của mình, chán nản về lòng người.

Đi một lúc, tôi bỗng phát minh ra ý kiến tìm nhà cho thuê, thuê riêng một cái, ở một mình, không thèm chung đụng với « loài người » nữa. Nếu không tìm ra tôi sẽ về luôn, không thèm ở lại Dalat thêm một ngày nào.

Tự nhiên thành phố Dalat bị tôi thù ghét lây.

Trông thấy một cái dốc, tôi bèn đi lên, thử xem sẽ tới đâu. Khí trời mát mẻ và cây cỏ bên đường giúp tôi bình tĩnh dần. Gặp một người đàn bà đi xuống, tôi hỏi thăm có biết nhà nào cho thuê? Bà ta nghĩ một lúc rồi cho biết trên đồi có nhà số năm, chuyên môn cho thuê. Tôi cảm ơn một cách vô cùng thành thật, song người đàn bà đó không mấy chú ý đến vì chẳng ngờ đã làm nên một cái ơn đáng kể. Khi tôi lên tới nơi, người ta cho biết gần tết, các phòng đã có người giữ cả. Thất vọng, tôi quay ra thì người đàn bà tiếp chuyện tôi gọi lại, hỏi :

— Có phải cô là người của bà... giới thiệu ?

Tôi nhận liều. Sự hy vọng lúc đó lớn bằng sự liều lĩnh. Nhưng cũng không hơn gì.

Đi trở xuống, tôi trở nên bình thản lạ lùng. Cứ dọc theo đường Duy-Tân, tôi đi thong dong như một người nhàn du vô sự nhất. Chợt tôi nhìn lên, thấy một tấm biển chữ viết rất sáng sủa đẹp đẽ « Trên lầu có phòng cho thuê ». Chữ thế này chắc nhà phải đẹp lắm, thử vào hỏi xem sao.

Người ta đưa tôi lên gác. Vừa đặt chân tới bực thang thứ ba thì thấy tiếng gọi, bảo đợi cùng lên. Thì ra một bà cũng đi thuê nhà. Leo hết ba cái thang gác tối như bưng lấy mắt, đi vòng vèo một lúc mới tới phòng cho thuê.

Đúng là một buổi sáng bị ba lần thất vọng. Căng phòng mà tôi tưởng tượng vuông vắn, sạch sẽ, sáng sủa... chỉ là một gian nhà méo mó tối tăm, mạng nhện chăng tứ tung, bụi đầy có thể reo cải Người dẫn đường hỏi :

— Cô muốn thuê phòng lớn hay nhỏ ?

Vậy ra có những hai thứ phòng. Tôi hy vọng đây là phòng nhỏ. Lúc tới phòng thứ hai, tôi ngạc nhiên đến nỗi cứ đứng yên lặng, mở mắt thật to nhìn cho biết rõ mình không mơ ngủ. Người dẫn đường tưởng tôi sung sướng vì tìm được phòng hợp ý, xúc động không thốt nên lời, cố tìm cách tán dương những đặc điểm nhà của mình. Nào sáng sủa, có cửa sổ, cửa ra sân gác, muốn dùng nước chỉ việc xách thùng... xuống dưới nhà. Muốn thổi nấu bằng bếp riêng có thể xây một cái ở góc sân. Tôi không nhớ người ta còn nói những gì nữa, vì mãi nhìn hình dáng cái mà người ta gọi là phòng này. Nó không ra hình tam giác đều cạnh. Chỉ là một thứ tam giác thôi. Bề mặt sàn nhà vừa bằng hai chiếc chiếu xếp chéo lên nhau. Nhưng tôi cũng phải công nhận là sáng sủa, có cửa sổ, cả cửa ra sân nữa. Chợt tôi nhận thấy người đàn bà cùng vào xem nhà cứ nhìn tôi mà cười. Bà ta bảo :

— Thuê đi. Cô ở cái phòng này vừa xinh đấy.

Tôi đã nói một câu tỏ rõ thêm cái ngớ ngẩn của mình :

— Nhưng không có đồ đạc.

Bà ta cười ghê quá. Bảo người thuê phải đem đồ đạc đến chứ. Rồi bà đã rủ tôi ra, hẹn đến trưa sẽ lại trả lời. Ra đến ngoài đường, bà hỏi tôi hiện thời ở đâu ? Chả lẽ nói vô gia cư, tôi đành nói ở khách sạn. Bà bảo :

— Cô thì ở khách sạn sao được. Phải chỗ nào nhà người ta, có không khí gia đình ấm cúng mới được.

Và bà hỏi :

— Có phải lần đầu tiên cô xa nhà ?

Biết có chối cũng vô ích, tôi cười. Thật ra tôi cũng hơi ngạc nhiên tại sao mình không khó chịu về những cái cười và câu hỏi của người đàn bà không quen biết ấy. Trái lại, tôi thấy vẻ người khỏe mạnh, hoạt bát, đầy tự tin của bà rất dễ mến. Đi bên bà, tôi trở nên bạo dạn và bình tĩnh. Bà không cười nữa, cho biết ở đường Phan-Đình-Phùng có một cái biệt thự cho thuê. Lẽ dĩ nhiên tôi muốn đi xem ngay.

Tôi không tin là thật. Y như trong mộng vậy. Nhà đẹp lắm. Ngoài cửa trồng hoa hồng đỏ thắm, hoa lan và cúc. Một cây hoa giấy leo đến tận cửa sổ trên gác, rủ những cành lá xanh mềm mại điểm hoa đỏ chói. Đã hết đâu. Vườn trong rộng lắm. Có tới gần một chục luống rau xanh tốt, có giàn mướp và bầu. Nhà thì ngăn nắp, chia ra nhiều phòng đủ cả đồ đạc. Chủ nhà chỉ ra một điều kiện : rằm và mồng một, hay mươi ba tết nhớ cúng ông Táo « của bà ».

Tôi bằng lòng trả một lúc nửa năm, nhưng lúc về bà vô danh cứ áy náy nếu tôi không ở hết sáu tháng sẽ phí. Bà chỉ cho tôi một cái biệt thự ở riêng rẽ một góc đồi, tại đấy có một phòng cho thuê. Nhưng lại bảo ở đấy yên tĩnh quá, âm u quá... Nghe nói tĩnh, tôi thấy hợp ý quá. Nhưng cái tiếng âm u cứ thế nào ấy. Chưa chi tôi đã liên tưởng đến những tòa lâu đài cổ đầy ma quái... Nhờ trí mạo hiểm thúc đẩy tôi yêu cầu được đưa tới xem.

Trái với tưởng tượng, nhà rất là nên thơ. Đã ở phố vắng, tĩnh lại thoáng. Đứng ngoài sân tôi có thể nhìn thấy hết thành phố Dalat.

Bà bạn vô danh của tôi đưa vào giới thiệu với bà chủ nhà, trả giá rồi lo-liệu nộ đủ các vấn đề cần thiết. Thế là tôi đã có một mái nhà. Dalat lại đáng yêu. Tôi lại muốn sống chung với loài người.

Chỉ có một điều tôi thắc mắc mà không dám thổ lộ. Tại sao bà chủ nhà không chú ý đến cái vẻ yếu đuối của tôi ? Liệu người ta sẽ đối xử ra sao với cái gầy yếu của mình ?

Nhưng cũng lần đầu tiên tôi ngạc-nhiên vì có người không phê bình về sự yếu đuối của mình, lại khuyên đi nằm nghỉ cho đỡ mệt. Từ sáng đi luôn chân, mệt lắm. Song tôi không thể chợp mắt. Sự ngạc nhiên đó ám-ảnh tâm trí.

Mấy hôm sau bà chủ nhà mới hỏi thăm một cách hết sức tế nhị về sự gầy yếu của tôi. Nhớ đến chuyện đã xẩy ra, phần quá muốn khỏe mạnh để sống như mọi người, tôi đã trả lời rằng chỉ yếu thôi chứ không có bệnh gì hết. Dù cho là nói dối, thì sự nói dối đó nhất định vô hại, và cũng không hẳn là nói dối. Vì tôi đã khỏi thật sự từ hơn sáu tháng nay. Ốm đau, bệnh tật đã thuộc về dĩ vãng.

Suy nghĩ, cân nhắc, tôi nhất định quên dĩ vãng, hay lờ đi thì đúng hơn, chỉ nghĩ tới hiện tại. Nghĩa là tôi chỉ yếu thôi, không có bệnh gì hết.

Có lẽ vẫn thắc mắc về cái yếu của tôi, ai chả có quyền cẩn thận, đa nghi! Mấy hôm sau bà lại hỏi thăm thường tôi vẫn uống những thuốc gì? Thật quả bà thông minh và tế nhị. Khi biết tôi không có thuốc gì khác một tễ thuốc bổ, bà ngạc nhiên hỏi:

— Sao lại không phải uống thuốc gì hết? Tôi tưởng cô phải vừa uống vừa tiêm cho chóng khỏe chứ.

Mấy hôm sau bà bảo:

— Chắc cô không bị bệnh phổi đâu. Về bệnh phổi không khi nào thầy thuốc cho ở miền núi, lạnh quá chịu sao nổi.

Câu nói của bà khiến tôi khoan khoái lạ. Tuy nhiên tôi vẫn hồ nghi, không hiểu bà nói thế vì hiểu biết hay vì tự tìm một cớ cho được yên tâm? Dù sao tôi cũng thầm cảm ơn ý nghĩ đã giúp bà yên lòng cho tôi ở trọ. Sống ở thời buổi này, bị bệnh phổi mà không tiêm thuốc trừ vi trùng thì đúng là người muốn tự tử. Nhưng muốn tự tử theo kiểu đó thì cứ ở nhà, đi đâu làm chi cho phiền!

Nhiều khi tôi vẫn băn khoăn, tự hỏi tại sao nói thật là khỏi rồi thì không ai tin, mà nói là không sao hết người ta lại tin? Thật vậy, nếu tôi nói yếu về bệnh phổi, đã khỏi hơn sáu tháng nay, nhất định không ai tin, không ai muốn chứa tôi ở trong nhà.

* * *

Khí hậu miền núi hợp với tạng người tôi. Trong vòng ba tuần lễ tôi đã có cảm tưởng sẽ không bao giờ sốt nữa.

Mỗi buổi sáng, khi thức giấc tôi thấy cánh tay của mình tròng lèn một tí. Soi gương, hai cái rãnh mầu xanh lá cây ở dưới mắt đã gần biến mất. Mắt và miệng hình như nhỏ lại. Vì không muốn mắt nhỏ, mỗi ngày tôi phải tập nhìn theo kiểu... ngạc nhiên một lúc.

Miền biển rộn ràng bao nhiêu thì miền núi trầm lặng bấy nhiêu. Những đồi núi gần xa trông như những người khổng lồ. Mỗi người mặc một mầu áo, nằm một kiểu. Khi thì nằm ngửa, khi nằm nghiêng chống tay mơ màng lặng lẽ ngắm không gian vô tận.

Biển luôn thay đổi, mang muôn ngàn bộ mặt khác nhau. Núi chỉ có một vẻ rất trang nghiêm, hơi bí hiểm, song từ bi từ tại lắm. Lúc nào, dù trời nắng hay mưa, lạnh hay ấm áp, cũng như mải suy nghĩ những gì huyền bí cao siêu, sức người không hiểu nổi.

Biển mạnh mẽ, tràn sức sống, dũng mãnh như người tráng sĩ. Núi là một nhà hiền triết, chán ngán sự đời nằm khểnh một chốn, chuyện thế sự mặc ai.

Cái vẻ gì đó của núi làm cho người ta muốn được ung dung nhàn hạ. Ngại làm việc bằng tay, ngại cả làm việc bằng trí, chỉ muốn tìm một chỗ ngồi thoải mái nhất để mơ mộng, không nghĩ, không nhìn gì hết. Đã thế còn muốn buổi sáng dậy muộn, buổi tối đi ngủ sớm.

Mặt trời ở đây cũng lười biếng. Thường thường sáng nào cũng thập thò sau dãy núi ở phía đông, mãi mới chịu đứng thẳng lên. Hay ngủ quên, song lần nào mặt trời cũng tìm ra một cớ để che đậy sự lười biếng của mình. Nào nhiều sương,

nào lắm mây... Nếu mặt trời là cậu học trò chắc chả mấy ngày không bị phạt về tội dậy muộn, đến trường trễ.

Cũng như hầu hết mọi nơi, mầu xanh đã giữ vai trò chính ở miền núi. Ai chưa từng biết miền núi ra sao, có thể đem tất cả các thứ mầu có chữ « xanh » đi đâu, quệt lên trên một tờ giấy, dưới đậm hơn trên, sẽ có một bức họa miền núi rừng giống hệt cảnh thật thu nhỏ lại.

Tôi đã được cái may mắn « vĩ đại », đến Đàlạt trúng mùa hoa.

Thì ra núi rừng cũng biết làm dáng, đeo đồ trang sức như đàn bà vậy. Hoa rải trên bãi cỏ. Hoa mắc trên cành cây. Hoa cả mắt về mầu sắc tươi cười của các thứ hoa.

Trên các ngả đường, anh đào thắp thoáng như những thiếu nữ kiều mị khoác áo hồng, đứng khép nép cười duyên. Cảnh tượng đó có thể làm cho kẻ « háo sắc » bay hồn lên đến tận trời xanh, mắc ở trên đó cho tới khi các thiếu nữ anh đào buông rơi áo hồng của mình trên nền đất, hóa thành những bà già khom lưng đứng bên lề đường.

Có lẽ tôi là một người dễ bị ngoại cảnh ảnh hưởng. Tôi đã bắt chước mặt trời ngủ sớm, dậy muộn. Tôi đã tưởng như mình là dãy núi, chỉ muốn nằm chống tay ngửa mặt lên trời, mơ mơ màng màng, không nghĩ và cũng không nhận gì hết. Nếu có thể được, chắc tôi còn bắt chước luôn cái vẻ lặng lẽ, trầm mặc và hơi bí hiểm nữa.

Bí hiểm vì nỗi không thể tự hiểu chính mình ra sao, là gì !

Nếu không lầm thì tôi hợp miền núi hơn miền biển chính vì những lẽ đó. Thật vậy. Biển sống quá, rộn ràng hoạt động quá. Miền núi hợp với con người sống mà không sống, hoạt động mà không hoạt động của tôi..

Phải chăng đây là lúc tôi thực hành câu triết lý :

« Đừng nghĩ đến sống sẽ được sống nhiều hơn ».

(còn tiếp)

TUYẾT HƯƠNG

HÀNG TUẦN ĐÓN ĐỌC NGÀY THỨ BẢY :

TÂN DÂN

4 TRANG LỚN — 2 ĐỒNG

— Nhiều bài vở của nhà văn, thơ quen biết.
— Cuộc thi họa thơ giải thưởng trên 10.000 $..
— *Khảo-luận về thơ mới* của LAM-GIANG.
— *Lược Sử Văn Nghệ V N.* (phần tổng luận 1900-1956) của THẾ PHONG đăng tải hàng tuần để bạn đọc muốn thấu đáo sinh hoạt văn thơ qua 60 năm.
— GÓP HỘI TÀI HOA của ĐƯỜNG BÁ BỔN giới thiệu những nhà thơ mới nhất hôm nay : CAO MỊ NHÂN, DIỄM CHÂU, ĐÀO MINH LƯỢNG. HÀ PHƯƠNG, TUYẾT LINH, THANH NHUNG, NHƯ LAN.....

Chủ nhiệm, chủ bút : NGUYỄN ĐẮC LỘC
Tòa soạn : 54 Phạm-hồng-Thái — SAIGON

Quan niệm sáng tác của các nhà thơ, nhà viết truyện, nhà soạn kịch

Người phụ trách : **NGUIỄN-NGU-Í**

I.— Sáng - tác để làm gì ? Để cho mình hay cho thiên hạ ? Để cho bây giờ hay để cho mai sau ?

II.— Sáng-tác theo một đường lối nhứt định nào hay là tùy hứng ?

III.— Những gì đã xảy ra trong tâm-trí và trên trang giấy của tác-giả từ khi tác-phẩm bắt đầu thai-nghén cho đến lúc nó thành hình.

IV.— Những kinh-nghiệm sống và sáng tác thích nhất.

X

✱ MẶC-THU

Tên thật : Lưu-Đức-Sinh.

Sanh ngày 1-1-1920 tại tỉnh Phúc-Yên (Bắc-Việt).

Cộng-tác với các báo : Thế-kỷ (Hà-Nội), Tự-do (lúc đầu), Phổ-thông, Bách - khoa... — Chủ-nhiệm : Văn - nghệ tự - do, Người Việt tự - do, Phê-bình văn-học. — Giám-đốc nhà xuất-bản « Người Việt tự-do » (1957).

Đã xuất-bản : Thằng bé thợ rèn (*tiểu-thuyết*), Bão biển (*tiểu-thuyết*), Đêm trừ tịch (*tiểu-thuyết 1955*), Người chép sử (*kịch thơ 1956*), Bát cơm bát máu (*tiểu-thuyết 1961*).

Kính gởi anh Ngu-I

Chẳng thể không trả lời vì có câu *Tái bút* « đòi nợ » dưới lá thư in sẵn của anh. Vậy, hỏi thì đáp, nghĩ gì viết nấy chớ sao ! Cái thuở ban đầu cầm bút của tôi, tôi chẳng hề nghĩ viết cho ai hay để phục-vụ một cái gì cả, kể cả « nghệ-thuật ».

Ở cái « tuổi học trò » ưa mơ mộng, tôi làm thơ chỉ là để phụ họa một niềm reo vui trong lòng, một nỗi buồn vơ vẩn, một

nỗi khắc khoải của tâm hồn, rung động trước tất cả những gì mà tôi có thể rung động. Thuở ấy, tôi nhớ như : một tà áo, một vành nón xinh xinh, rồi kế đến một làn mây, một nhánh lá v v...

Tóm lại, tôi làm thơ là để được nghe thấy tiếng nói thầm của tim mình. Thế thôi ! Chẳng nghĩ cả đến chuyện trao những tiếng thầm ấy cho người có tà áo, vành nón nghiêng nghiêng... nữa, và nhất là chẳng bao giờ nghĩ đến chuyện đăng báo.

Sau giai đoạn ấy, đến giai đoạn kháng-chiến tôi mới có ý định góp một hơi thở vào trong hơi thở chung của dân-tộc. Tự đó ý viết của tôi mới bắt đầu thoát ra khỏi cái riêng tư của mình.

Tuy nhiên, cho đến lúc đó tôi cũng vẫn không nghĩ đến vấn-đề « phục-vụ ». Tôi chỉ viết để góp niềm tin vui của mình vào niềm tin vui chung của mọi người, giản dị như là : thấy vui thì cười, thấy buồn thì khóc... vậy thôi.

Quan-niệm ấy, lúc đó đã bị coi là « lãng mạn ».

Dần dà tôi mới nhận thấy sức mạnh của « thơ, văn » nói riêng tác-dụng vào cuộc sống chung thế nào. Tự bấy tôi mới có quan-niệm « phục-vụ » trong sáng-tác và mới có ý thức đặt mình trước một trách-nhiệm.

Kinh-nghiệm viết ư ? Nghèo nàn. Nhưng cũng xin nói vì dẫu « nghèo » cũng đã nhận là « có ».

Tôi thường chỉ viết khi có cảm hứng. Nếu chưa thật thoải mái, say mê đến trằn trọc, bực bội về « ý = đề tài » định viết thì tôi ghi lại, đợi lúc khác, khi mà « nó » đến.

Riêng về viết truyện : khi gặp được « ý » rồi, tôi đào xới ý đó đến vụn ra — có khi trong nhiều ngày, nhiều tháng — Khi thấy vật-liệu đã đủ, mới bắt tay vào « đồ án kiến-trúc ». Kể là, một ngày nào đó là bắt đầu. Thường, tôi không tự hạn định cho tôi mỗi ngày phải viết bao nhiêu. Tôi nhẩn nha viết như người nhàn rỗi ngồi nhấm nháp từng ngụm rượu để với trái me chua mà hết cả buổi vậy.

Tôi phải viết trên những tờ giấy thật đẹp, thật trắng, thật phẳng phiu. Nếu gặp giấy nhầu nát, hay hoen bẩn thì tôi thường bị... lạc hay cụt hứng. Ngay từ bản-thảo tôi cũng gắng viết cho đẹp. Khi xong, lại để đấy, năm mười ngày tôi mới đem đọc lại, đọc như đọc một tác-phẩm của người khác chớ không phải của mình. Vừa đọc vừa tìm chỗ để chê : chỗ này ý tưởng không sâu sắc, chỗ kia tối chỗ nọ đọc lên không thấy nhạc (ngay cả trong văn), như một độc-giả khó tính vậy.

Đợt kiểm soát cuối cùng của tôi thường là : xem có ảnh hưởng của ai không, cách viết, lối nghĩ có giống ai không ?

Không bao giờ tôi viết một lần mà xong. Thường thì phải chép lại 2, hay 3 lần. Việc chép lại tôi không muốn nhờ ai, vì tự tay chép lại mỗi lần tôi lại tìm thấy « ý mới » chợt đến.

Tôi viết tiểu-thuyết khi thấy thơ không thể làm nổi « việc » mà tiểu-thuyết có thể làm hơn, và tôi viết kịch khi thấy thơ, và tiểu-thuyết không thể làm hơn trong một việc của « kịch ».

Mong rằng anh rộng lượng mà cho rằng : thư này của tôi không làm anh phiền, vì chắc chắn anh có thể phiền ở chỗ thiếu sót của nó.

Thân kính,
MẶC-THU

✱ DOÃN-DÂN.

Họ Trần. Sanh 11-7-1938 ở tây Phụ-Long, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam-Định (Bắc-Việt).

Viết truyện cho Chỉ-Đạo, *giai phẩm* Tân-Phong, Bách-Khoa :

Doãn-Dân, *viết truyện ngắn*

I. — Cứ thực mà nói thì từ cái ngày nào đó, cho đến bây giờ, tuy đã nhiều lần cầm bút, song chưa lần nào tôi băn khoăn tự hỏi : « Mình sáng tác để làm gì ? để cho ai ? v... v... » Nghĩa là tôi sáng tác chẳng có một mục đích nào ráo trọi ! Hay nếu có thì đó chỉ là cái mục đích nẩy ra một cách rất tình cờ, chứ tôi không hề cố ý bắt tôi phải viết « để làm cái này, hay, để làm cái kia... »

Bây giờ được anh nhắc nhở đến, tôi mới ra công lục lọi cái sự « tình cờ » ấy để trả lời anh cho « nó » có chuyện mà nói cùng anh.

Suy nghĩ kỹ, tôi thấy, ở trường hợp tôi, nguyên nhân đã thúc đẩy tôi viết văn có thể chia làm hai giai đoạn.

1. — *Giai đoạn đầu ..*

Cố nhớ lại, tôi nhận ra rằng : cái nguyên nhân đã thúc đẩy tôi sáng tác, thật là giản dị : « chỉ vì tôi muốn thi vị hóa cuộc sống đã qua của tôi. » Tôi muốn ghi lên giấy những gì mình đã sống qua, đã trải qua, hay nói tóm lại, những gì mình đã « có », để được sống lại trong khoảnh khắc với những hình ảnh đã gặp gỡ mình. Hay nói khác đi, nếu bảo : « tôi viết văn » hay nếu bảo : « Tôi kể ra — tất nhiên là có sự thêm thắt và xếp đặt — những gì đã lẫn vào ký ức tôi thì cũng vậy » Thí dụ : Khi viết truyện « *Cái vòng* » (tác-phẩm đầu tiên của tôi đăng ở Chỉ-Đạo, số ra ngày 1-8-59) và một vài truyện sau đó, tôi chỉ có mỗi một ý muốn duy nhất là : để được sống lại cái cuộc sống đã qua mà tôi luôn luôn nhớ tiếc, sự nhớ tiếc tạo cho tôi cái bâng-khuâng, rạo-rực và day-dứt khiến tôi phải để nó thoát ra ngoài » bằng cách ghi lên giấy. Vậy nghĩa là tôi chỉ viết vì tôi thích viết, khao-khát muốn viết ! Thế thôi. Bởi vậy, hồi đó, tuy tôi không được quen biết báo nào, nhưng tôi cứ viết, hình như tôi viết chỉ cốt để thỏa-mãn sự khao-khát của riêng mình, chứ tôi không nghĩ tới một ngày nào để tôi sẽ gửi tác-phẩm của mình đến một báo nào. Tôi coi như sự viết của tôi đã giúp tôi làm sự « khao-khát » trong lòng, nhẹ đi, vơi đi hay có khi mất hẳn...

•

Bởi cái mục đích quá tầm thường và ích kỷ như vậy, anh bảo đâu còn dám nghĩ đến : « Mình viết để cho ai ? cho bây giờ hay cho mai hậu ?... » Nói ra thì tôi biết, thế nào cũng bị anh chê cười. Nhưng sự thật nó là thế. Chẳng lẽ tôi lại đi nói sự... « dối » với anh sao ?

Nhưng cũng may là giai-đoạn tôi vừa kể trên, chỉ kéo dài trong thời gian rất ngắn (chừng hai tháng) thì tôi « được » bước sang giai-đoạn thứ hai.

2.— *Giai-đoạn kế hơi phiền phức hơn giai-đoạn trước.*

Như anh đã biết, mới đầu tôi viết là chỉ để khơi lại « những cái của riêng

mình đã qua đi ». Nhưng khơi mãi rồi tất nhiên cũng phải đến lúc không còn gì để mà « khơi » nữa, tựa như nếu cứ múc mãi nước ở cùng một cái giếng thì tất nhiên sẽ có ngày giếng cạn. Sau đó, chẳng lẽ lại múc đến... bùn.

Thú thực với anh là khi nhận ra mình không còn gì để viết nữa, tôi đã tưởng rằng : duyên nợ giữa tôi và ngòi bút đến đây là chấm dứt ! Bởi vậy tôi trả nó về chỗ cũ và yên trí rằng sẽ không bao giờ chúng tôi còn gặp gỡ nhau...

Nhưng... bỗng một hôm — cách đây hơn một năm — tôi được một bạn kể cho nghe về cuộc sống của anh trong gia-đình. Tôi bị xúc động. Rồi những gì anh kể cứ theo đuổi, ám ảnh tôi mãi. Tôi có cảm tưởng như tôi đang sống trong cuộc sống của anh : Tôi cũng bị dày-vò day-dứt một cách rất chân thành. Và cuối cùng, tâm hồn tôi rạo-rực, tôi thấy cần phải cho cái « rạo-rực » ấy thoát ra ngoài. Thế là tôi lại tìm đến bút.

Trong khi viết tôi mong muốn một cách tha thiết rằng : anh bạn tôi sẽ cho tôi là người đã thông cảm được lòng anh.

Tôi cũng chẳng hiểu — và chẳng cần hiểu — nếu có tôi thông cảm, anh bạn tôi có lợi hay có hại gì không ? Nhưng thấy cần phải viết thì tôi viết. Thế là mấy tháng sau — kể cũng hơi lâu — « *Linh hồn tôi* » ra đời.

Và bắt đầu từ đó, dần dần, tôi nhận ra rằng : « Không phải chỉ có những gì của chính tôi mới cho được tôi cảm hứng, mà tôi còn có thể tìm thấy ở những gì không thuộc về tôi ». Và cũng bắt đầu từ đó, tôi tự đặt tôi vào những hoàn cảnh khác nhau — tất nhiên là những hoàn cảnh làm tôi rung động — có thể xảy ra ngoài đời và tôi tự hỏi : « Nếu ở vào hoàn cảnh ấy, mình sẽ nghĩ gì và sẽ hành động ra sao ? » Tôi tự trả lời bằng cách viết ra thành truyện. Trong thời gian này, tôi viết những truyện « *Hoa nở muộn* », « *Khép cửa* », « *Giọt nắng...* » (đều đã đăng rải rác trong Tân-phong) Ở giai đoạn này tôi viết, không phải chỉ cốt để thỏa mãn sự nhớ tiếc cái gì đã qua của mình nữa. Tuy nhiên, tôi cũng không tự hỏi : « Mình viết cho ai ? Hay vì ai ? »

Bởi vậy, khi anh hỏi đến, suy đi, tính lại, tôi vẫn thấy rằng tôi viết chỉ cốt để thỏa mãn sự tò mò, muốn thấy mình được sống ở những hoàn cảnh mà mình không có (hoặc vui, hoặc buồn) và nhất là để thỏa mãn sự náo-nức thích viết của mình. Thế thôi ! Tôi viết mà không bao giờ nghĩ : « Mình viết để cho người này, hay cho người kia... » và cũng chẳng bao giờ tôi thầm nhủ : « Mình viết là để sau này... » Vì tôi nghĩ, tôi cứ cố gắng thành tâm với những gì tôi muốn viết, còn tác phẩm của tôi nó sống được bao lâu là do chính nó quyết định chứ không do tôi — mà dù tôi có muốn quyết định cũng không được —. Chỉ nguyên có sự ham-thích sáng tác và rung-cảm với những hoàn cảnh mình tự tạo ra cũng đủ để tôi cảm thấy « vui » trong cái « buồn » của kẻ cầm bút rồi !

II. — Còn anh muốn hỏi : « Sáng tác theo một đường lối nào nhất định hay là tùy hứng ? « thì tôi thấy hơi khó trả lời ! Vì tôi không được hiểu rõ ý nghĩa câu hỏi của anh.

Riêng tôi, tôi hiểu câu đó theo hai nghĩa như sau :

1 — Viết theo một « chiều hướng nào nhất định » hay « gặp ý gì viết ý ấy ».

Hoặc :

2. — Viết theo « thời dụng biểu » nhất định hay viết vào « bất cứ giờ giấc nào » ?

Có lẽ anh muốn hỏi theo ý câu trên (1). Nhưng xét ra, tôi cứ trả lời anh theo cả hai ý cũng chẳng thiệt hại gì, phải không anh ?

1. — Với lối viết của tôi — như đã trình bầy với anh ở trên — tất nhiên không có thể được « một đường lối nào nhất định ». Mà trái lại, bất cứ một ý gì đến với tôi làm tôi rung động và khi đã thấy rằng mình có thể diễn tả được điều làm mình rung động đó, là tôi viết. Tôi không chọn « loại ý này « hay « loại ý kia » mà tôi cũng không tự vạch ra một đường lối nào để dẫn-dắt câu chuyện của mình theo đường lối đó.

Có khi đang viết truyện này, chợt gặp một ý khác trái nghịch với ý trong truyện hiện đang viết, tôi cũng viết luôn, cả hai song-song với nhau.

Nói tóm lại, tôi chỉ viết — vả tôi cũng chỉ mong viết — những gì có « thực » trong ý nghĩ tôi, dù những cái « thực » ấy vô cùng phiền phức và vô cùng mâu-thuẫn. Nghĩa là tôi làm việc « không theo một đường lối nào nhất định », nhưng theo nhiều đường lối.

Làm việc kiểu này kể cũng là « hơi » bừa bãi « quá » ! phải không anh ? Song, anh hỏi thì phải nói. Chẳng lẽ lại cứ chọn « cái tốt » mà « khoe ra » còn cái « xấu xa » thì « đậy lại » !

2. — Nếu anh muốn hỏi theo ý thứ hai thì tôi xin trả lời một cách không ngập ngừng rằng : Tôi viết chẳng theo một « thời dụng biểu » nào cả.

Khi đã tìm được một ý nào đó, tôi nghiền ngẫm kỹ càng rồi xếp nó vào một góc.

Rồi vào một sáng ; một chiều ; một tối hay một đêm — bất luận giờ nào — tự nhiên tôi cảm thấy như có « một cái gì » động-đậy, cựa quậy ở nội-tâm, thế là tôi « lôi nó ra » bằng cách vớ ngay lấy cây viết, ghi vội vàng. . .

Tôi không bao giờ xếp đặt cốt truyện. Tôi chỉ nghiền ngẫm ý trong truyện để xếp đặt « nếp nghĩ » cho nhân vật. Rồi khi viết, tôi để nhân vật đưa tôi đi và cũng chính nhân vật xếp đặt cốt truyện cho tôi — Viết theo lối này, tôi hay gặp những sự bất ngờ thích thú. Thí dụ : đáng lẽ tôi chưa định kết thúc truyện « *Khép Cửa* » ở chỗ đó ; nhưng tôi thấy nhân vật trong truyện có thể « an nghỉ » được rồi, thế là tôi ngừng bút. . .

Nhưng cũng đôi khi, tôi bị « giữa đường đứt gánh ». Vì không biết nên để nhân vật của mình « đi về đâu ? » cho khỏi vô lý và cho khỏi trái với sự diễn biến của câu truyện. Gặp trường hợp này, tôi lại phải dừng bút và phải nghiền-ngẫm lại để « tìm một lối đi cho nhân vật ». . .

Có những truyện tôi bị mất nhiều thì giờ và khổ công suy nghĩ. Nhưng cũng có những truyện tôi hoàn thành một cách dễ dàng.

Tùy theo cái « ý » làm tôi rung động nhiều hay ít. Như truyện « Ba-Me » (đăng ở Bách-Khoa số ra ngày 15-8-60), tôi viết rất dễ dàng. Vì tôi bị xúc động bởi sự ngẩn ngơ của thân mẫu tôi. . .

III. — Khi một ý nào chợt đến với tôi thì một số nhân vật hiện ra, hoạt động, quay cuồng trong tâm trí tôi. Tôi phải dùng lý trí để « loại trừ » những « tên » nào không cần thiết. Và những « tên » còn lại, tôi cho mỗi « tên » một nếp sống riêng biệt — tùy theo ý của câu truyện tôi định viết — và tôi sống với những nhân vật ấy ít ra cũng từ một tháng trở lên rồi mới để nó « ra đời ». . .

Theo tôi thì khi nào tôi cho rằng : « mọi sự đã hoàn toàn » tôi mới viết. Còn sự thật — khi đã viết xong nó có « hoàn toàn » hay không lại là chuyện khác. Không ai dám tin chắc ở sự hiểu biết của mình. Nhất là tôi lại không « hiểu biết » gì cả !

IV. — Anh hỏi tôi câu này mới thật là khó trả lời. Vì thú thực với anh : tôi đã đem « hết sức mình » để cố nghĩ xem « truyện nào tôi thích nhất ». Song, tôi vẫn không tìm được truyện nào. Vì thường - thường truyện nào trước khi viết và trong lúc đang viết tôi cũng « thích nhất ». Và truyện nào khi đã viết xong, tôi cũng thấy mình không còn « thích nhất » nữa, mà lại đâm ra « chán nhất». Thế có « chán » không ?

Vậy, xin lỗi anh, cho tôi được trả lời anh câu hỏi này « trong tương - lai ». Vì ở « dĩ vãng » và « hiện tại » thì. . . sự thể « nó » đã thế rồi (!) không sửa đổi được !

DOÃN-DÂN

☆

Mặc Đỗ

Anh Nguiễn-Ngu-Í,

Tôi trả lời các câu hỏi của cuộc phỏng vấn do anh phụ trách như sau, không rõ đã đáp đúng với ý của anh chưa.

* * *

Tôi quan niệm công việc sáng tác của tôi (tiểu-thuyết, tân truyện, kịch) như một nghiệp vụ so sánh được với mọi nghiệp vụ khác : chữa bịnh, cãi hộ kẻ có tội hay lái tắc-xi... ; một hoạt động chính trong đời sống, tuy rằng ở hoàn cảnh hiện tại nghề viết chỉ có thể coi là nghề tay trái, viết gì yêu nghề hơn là cầu phương tiện sống.

Tôi không tin ở những thần đồng, những thiên tài trong nghề viết và tin ở sự cần cù học và tập. Nhưng cũng cần phải nói rằng muốn viết phải có ít nhiều đặc tính của người viết, như muốn lái tắc-xi cho đỡ bị lính phạt hay đền vì sửa xe hết cả tiền kiếm được cần có con mắt tinh và những tác ứng mau lẹ. Học và tập nhiều có thể viết hay hơn.

Tôi chọn nghề viết làm chính vì tin rằng sự quan hệ giữa tôi và nhân loại ở chung quanh dễ thiết lập nhất qua những nghệ phẩm. Tôi cần có thành ý, nhưng chung quanh có tiếp nhận hay không, lúc này hay bao giờ, tôi cho là không quan hệ. Vì vậy, tôi không cố tình, bằng cách này hay cách khác đáng hổ thẹn, gợi sự tiếp nhận của chung quanh. Đó là sự kiêu hãnh của người cầm bút, mà không có kiêu hãnh thì chẳng nên cầm bút.

Quan niệm công việc sáng tác như vậy, tôi không quan trọng hóa những *lúc* sáng tác của mình và rất lấy làm lạ tại sao nhiều độc giả tò mò muốn biết và nhiều tác-giả ưa khoe khoang những giây phút « xuất thần » trong sáng tác. Quay lại cuốn phim phức tạp và nhiều chi tiết của công việc sáng tác là một chuyện khó. Tôi nghĩ đến (hay nói văn hoa là « thai nghén ») tác phẩm của tôi cả trong những lúc không đẹp đẽ mấy (chẳng hạn có khi ở trong phòng tiêu những buổi sáng khó khăn). Hoặc những khi « trăng thanh gió mát », dễ « đối cảnh sinh tình » thì tôi lại bận tâm đến những chuyện ra ngoài hẳn việc sáng tác. Cũng có hôm đi chơi khuya về, mệt và say, không ngủ được tôi nằm trong giường sắp đặt, nghiền ngẫm được cả một đoạn truyện, nhưng nếu không cố sức ngồi dậy ghi chép ngay, sáng hôm sau có nhớ tới cũng quên mất hết chi tiết rồi.

Tôi cho rằng điều đáng chú ý là *tác phẩm*. Ít nhất tác phẩm đã cô đọng được những gì tốt đẹp nhất của tác giả trong một giai đoạn. Đọc và thành tâm tìm hiểu mỗi tác phẩm, tôi cho rằng như vậy đã đủ trả công cho tác giả rồi. Nếu, trong hoàn cảnh này, lại làm như vậy sau khi đã bỏ tiền ra mua tác phẩm đó ở tiệm sách thì thật quá đầy đủ rồi. Tò mò thêm, vô ích. Tìm hiểu tác giả trước khi muốn hiểu tác phẩm tức là đã bước ra ngoài lãnh vực thưởng ngoạn nghệ phẩm vậy.

Anh Nguiễn-Ngu-Í, trên đây là ít nhiều ý kiến của tôi về những câu anh hỏi [...]. Lần này chắc hẳn anh bằng lòng rồi ?

MẶC-ĐỖ

Trong những kỳ tới : Bà Tùng-Long, Tchy A, Phạm-Việt-Truyền, Bà Ái-Lan, Thế-Viên, Anh-Tuyến, Hợp-Phố, Thiên-Giang, Nguyễn-Văn-Hồng, Duy-Lâm, Doãn-Quốc-Sĩ, Bàng-Bá-Lân, Thạch-Hà, Bút-Trà...

ĐÃ PHÁT HÀNH

THẦN LIÊN THI TẬP

- Tác-giả : THẦN-LIÊN LÊ-VĂN-TẤT.
- Gồm nhiều loại thi : Đạo-Đức, Tình-cảm, mỉa-mai, trào-lộng v.v...
- Sách dày trên 300 trang (16 tập thơ gom vào 1) Giá : 100 $
- Saigon : Nhà sách Vĩnh-Bảo *66, Lê-Lợi.*
- Tân-định : Báo-quán T.H.T.T.H. *72/6, Nguyễn-đình-Chiểu.*
- Hậu-giang : Phong-Vân thư cuộc, *Châu-Đốc.*

Vô-đề

ĐOÀN - THÊM

Reo múa hồng rơi nắng
Mùa tươi gọi ý ca
Lòng thu, vui ngậm úa
Không đáp lại màu hoa

Nhịp đời lo vắng nhạc
Gió loạn cuốn ngày qua
Tiếc thả vàng xanh rụng
Thương về núi nước xa

Giãn mộng, tìm cao sáng
Vào quên biếc cõi không
Ơn lành chưa dỏ mát
Trái đất lạc trời giông

Trăng sao mờ giấc lửa
Cuộc sống vẫn suôi dòng
Đậm nhạt, hình nuôi sắc
Hương thầm gợn trắng trong.

Đ. T.

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiêu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do An-Chiêu năm 1853)

SỐ VỐN : 5.500.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.700.000 Anh-kim

Luân-Đôn Tổng-Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2

Saigon Chi-cục

CHI-CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy
CHI-CỤC PHỤ : Đại-lộ Thống-Nhứt
(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co).

Nam-Vang Chi Cục

10, Phlauv Preah Kossamac

Chi-nhánh thành-lập tại các nước Viễn-Đông

Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

Đời sống học sinh bên Âu Mỹ

(Theo một cuộc điều tra của Viện Gallup bên Mỹ)

LỜI NÓI ĐẦU. *Gần đây viện Gallup ở tỉnh Princeton bên Mỹ vừa mở một cuộc điều tra về đời sống học sinh từ 10 đến 14 tuổi trong 5 nước. (bốn nước bên Âu : Pháp, Đức, Anh và Na - Uy — cộng với nước thứ năm, là nước Mỹ). Viện Gallup nổi tiếng trên thế giới về các cuộc điều tra như loại này. Các nhân-viên viện đó đã hỏi tất cả là 2068 trẻ em 10 tuổi và 2074 trẻ em vào khoảng 14 tuổi. Nhân đó, một tờ báo Pháp có cho các độc giả bên Pháp biết những điểm khác nhau giữa học sinh 5 nước kể trên. Chúng tôi có được đọc qua bài đó và thấy rằng có lẽ cũng là một việc ích lợi để trình bày cùng các bậc phụ huynh học sinh bên nhà đời sống của một số học trò, nhỏ ở Âu Mỹ, ngõ hầu có một ít yếu-tố căn bản để so-sánh với đời sống học sinh bên Việt-Nam ta.*

Sau khi tan học ở trường về, vào khoảng 4 giờ 30 chiều, các trẻ em bên Pháp phần nhiều đều để thì giờ làm các bài vở thầy giáo ra cho ở trong lớp. Nhiều trẻ em ham học có thể học đến tận 10 giờ đêm mới đi ngủ. Các học sinh bên Đức và Na-Uy hạng 10 tuổi còn siêng năng hơn học sinh Pháp đồng tuổi. Trái lại các trẻ em bên Anh phần đông (69 phần trăm) không làm gì sau khi ở trường về... Nói thế không phải là các em đều hoàn toàn làm lấy tất cả các bài vở. Theo cuộc điều tra, thì ở bên Pháp cũng như ở bên Mỹ, Đức và Na-Uy, trong 10 gia đình thì có 7 bố mẹ «xoay trần» ra để dậy con và giúp đỡ chúng, hoặc để làm tính, hoặc để giảng bài về sử ký, địa dư, v. v... Trái lại, chỉ có bên Anh là 65 phần trăm các bố mẹ để cho con cái làm bài lấy một mình không để ý gì đến cả.

Dưới đây là bản thống-kê giờ làm việc trung-bình ở nhà của các trẻ em 5 nước (không kể những lúc gần ngày thi cuối năm hay ngày thi hàng tháng).

Trẻ em 10 tuổi

Đức	: 84 phút	(một ngày)
Na-Uy	: 69 —	—
Pháp	: 52 —	—
Mỹ	: 39 —	—
Anh	: 14 —	—

Trẻ em 14 tuổi

Pháp	: 131 phút	(một ngày)
Na-Uy	: 91 —	—
Đức	: 83 —	—
Mỹ	: 73 —	—
Anh	: 50 —	—

Theo bản trên, ta nghiệm rằng trẻ em bên Anh dù là 10 tuổi hay 14 tuổi đi

nữa, cũng làm việc ít nhất, so với trẻ em Pháp hay Đức.

Bữa cơm chiều và Báo chí.

Ở nước nào thì gia-đình cũng tụ họp đông đủ trong bữa cơm chiều, trong những lúc đó, các học sinh nghe thấy nói những gì ? Trong 100 trẻ em Pháp được phỏng vấn thì 40 trẻ em trả lời là đã được nghe bố mẹ chúng bàn về nhiều vấn đề quốc-tế và chính-trị. Bên Anh số đó hạ xuống là 21 phần trăm, và bên Tây Đức chỉ có 15 trẻ em (trong số 100) trả lời giống như vậy. Ngoài ra, ta cũng nên nhớ rằng chỉ có trẻ em Pháp được nghỉ ngày thứ năm mà thôi. Ở 4 nước kia, học sinh học thứ năm, và nghỉ thứ bẩy liền với chủ nhật. Theo sự điều tra thì trẻ em bên Pháp hạng 14 tuổi có lẽ là bọn trẻ ham đọc sách nhất.

Nếu tính trung bình, mỗi trẻ đọc độ chừng 45 phút một ngày, thì ta sẽ có bản thống kê như sau :

1) Pháp : 30%
2) Anh : 21%
3) Đức : 17%
4) Mỹ : 17%
5) Na-Uy : 16%

Người ta còn nghiệm thêm là học sinh bên Pháp cũng như bên Đức, ít khi được bố mẹ cho phép đọc các báo hàng ngày (các báo đó thường đăng những tin có hại cho tính nết của trẻ em như giết người, cướp của, tình-ái, v v...). Trẻ em Pháp được coi như là đọc ít nhất báo thời sự. Nhưng còn đối với chiếu bóng, (cinéma), phát thanh (radio) và vô tuyến truyền hình (Télévision) là 3 thứ giải trí của thời đại này thì ra sao ? Cuộc điều tra của viện Gallup cho ta biết nhiều điều mới lạ và lý thú. Chúng ta nên nhớ rằng cuộc điều tra này chỉ có mục đích rất thiển cận là xem học sinh 5 nước kể trên đối với 3 thứ tiêu khiển đó ra sao, chứ không cần biết là có lợi hay có hại.

Chớp bóng.

Theo các con số lượm được thì chỉ óc 28% trẻ em bên Mỹ là ham xem chớp bóng. Ngoài ra thì bên Pháp có 32%, Anh 32%. — Đức 35% và Na-Uy 45% trẻ em. Sự đó, mới đầu ta hơi lấy làm lạ. Nhưng nghĩ cho cùng, sở dĩ trẻ em Mỹ ít đi xem chiếu bóng là vì một lý do rất dễ hiểu : Phần đông gia-đình nào cũng có vô-tuyến truyền hình chạy suốt ngày đêm. Bên Mỹ cũng như Anh, bố mẹ đều để cho con cái được tự do nghe các đài phát thanh và xem vô-tuyến truyền hình, ở 2 nước đó, chỉ có 2 phần trăm gia-đình cấm các con không được xem Vô tuyến truyền hình. Bên Na-Uy, thì nghiêm ngặt hơn, vì có đến 21 phần trăm bố mẹ không cho phép các con nhỏ được xem. Bên Pháp và Đức, trẻ con chỉ được phép xem có vài giờ trong một tuần mà thôi (ở Pháp, đài Vô-tuyến truyền hình là một cơ quan của chính-phủ, có dành riêng cho trẻ em một chương trình đặc biệt vào buổi chiều thứ năm, — thứ năm là ngày mà học sinh Pháp được nghỉ, như đã nói trên —) Theo lời một giáo sư người Đức thì Vô tuyến truyền hình dễ làm cho trẻ em đâm ra cáu kỉnh, mất bình tĩnh và đãng trí.

Bảng thống kê dưới đây cho ta biết số trẻ em xem V. T. T. H. trong những ngày thường (tức là những ngày đi học).

— Mỹ : 75%
— Anh : 75%
— Đức : 28%
— Pháp : 15%
— Na-Uy : 2%

Ta nghiệm thấy rằng trẻ em bên Anh Mỹ xem nhiều gấp 5 lần trẻ em Pháp và bên Na - Uy số trẻ em được phép xem V. T. T. H. thật là ít ỏi. Tính trung bình, một cậu học sinh bên Mỹ, 10 tuổi, mất mỗi ngày 1 giờ 15 phút để xem V. T. T. H. và 20 phút nghe Ra-đi-ô. Và nếu cậu đó 14 tuổi thì số giờ để nghe các đài phát thanh, tăng lên là 50 phút một ngày và để xem V. T. T. H là 1 giờ 20 phút, tổng cộng là 2 giờ 10 phút một ngày. Người ta lại còn tính xem trong những ngày nghỉ (như thứ năm và thứ bảy) có bao nhiêu học sinh *không* xem V.T.T.H. Bản thống kê sau cho biết là bên Na-Uy 98·/. trẻ vào hạng 14 tuổi không xem V.T.T.H· trong khi đó thì bên :

Anh có 21 phần trăm
Mỹ có 24 —
Đức có 65 —
Pháp có 76 —

trái lại, trong ngày chủ nhật, số trẻ em đã xem V. T. T. H. quả 1 giờ đồng hồ được kê như sau :

Anh 72 phần trăm
Mỹ 69 —
Đức 29 —
Pháp 19 —
Na-Uy 2 —

Trong ngày nghỉ, ngoài việc xem V.T T. H. các trẻ em còn nhiều khi mất thì giờ để học nhiều môn nghệ thuật như học đàn, học hát, học khiêu-vũ, v. v... Người ta thấy rằng: có 19 phần trăm trẻ em bên Mỹ và bên Na-Uy, 14 phần trăm học sinh Đức và Anh, và 9 phần trăm trẻ em Pháp học âm nhạc (bên Pháp ít nhất). Mười phần trăm trẻ em 10 tuổi bên Anh ham học khiêu-vũ...

Điện thoại :

Người ta cũng còn nhận thêm rằng sự nói chuyện với nhau bằng điện thoại cũng là một thứ tiêu khiển của các cậu học sinh. Bên Mỹ một trò 14 tuổi tính trung bình, nói truyện bằng điện thoại mỗi ngày mất 15 phút (43 phần trăm — trong khi bên Pháp chỉ có 1 phần trăm mà thôi). 83 phần trăm trẻ em Mỹ dùng điện thoại hàng ngày. Bên Pháp chỉ có 21 phần trăm. Theo bản thống kê thì bên Âu-Châu, trong 4 nước Anh, Pháp, Đức và Na-Uy, trẻ em Na-Uy mang tiếng là nói chuyện bằng điện-thoại nhiều nhất (48%). Ngoài ra bên Pháp, phần đông bố mẹ đều bắt con em đi ngủ sớm, trái hẳn với bên Anh và bên Na-Uy là hai nước mà các bậc phụ-mẫu có một quan-niệm khác và cho phép con cái được đi chơi tối.

Vấn-đề đi chơi tối :

Các nhân-viên điều tra có hỏi thêm hai câu như sau ;

1·/ Bố mẹ các em có cho phép các em đi chơi tối không ?

Đã trả lời : *Có*
— 92·/. trẻ em Na-Uy *14 tuổi*
— 90·/. — Anh —
— 61·/. — Mỹ —
— 36·/. — Pháp —
— 17·/. — Đức —
— 83·/. trẻ em Anh *10 tuổi*
— 79·/. — Na-Uy —
— 44·/. — Mỹ —
— 39·/. — Pháp —
— 5·/. — Đức

2 / Bố mẹ các em cho phép các em đi chơi đến mấy giờ phải về ngủ ?

Bản thống kê sau ghi tỉ số trả lời của các học-sinh 14 tuổi trong 4 nước Pháp Mỹ, Anh và Na-Uy.

	đến 20 giờ
Pháp	41 phần trăm
Mỹ	8 —
Anh	8 —
Na-Uy	4 —

từ 20 đến 21 giờ

Pháp	35 phần trăm
Mỹ	25 —
Anh	37 —
Na Uy	33 —

Sau 21 giờ

Pháp	22 phần trăm
Mỹ	59 —
Anh	51 —
Na-Uy	59 —

Sở dĩ không có ghi trả lời của các học sinh Đức là vì phần đông trẻ em bên Đức đi ngủ rất sớm và vì thế có thể coi như là những trẻ em « ngoan » nhất bên Âu-Châu.

Vấn đề kiếm tiền.

Một vấn-đề khá quan-trọng đã làm cho các nhân viên điều tra chú ý đến là vấn đề kiếm tiền của các trẻ em. Theo các nhận xét thu được thì 40 trẻ em bên Mỹ (14 tuổi) đã bắt đầu kiếm được tiền bằng cách đi làm cho người ngoài. Trong khi ấy thì chỉ có 3 trẻ em Pháp, 10 trẻ em Đức, 24 trẻ em Anh và 40 trẻ em Na-Uy. Trái lại, nhận được tiền mà không phải làm việc gì thì tỷ số như sau:

Anh	55
Pháp	46
Đức	43
Na-Uy	22
Mỹ	21

Bên Mỹ còn có tục bố mẹ trả tiền công cho con cái khi chúng giúp làm các việc lặt vặt trong gia-đình, giống như bên Na-Uy.

Tỉ số các gia đình trả tiền công cho con cái như sau :

Na-Uy	: 47
Mỹ	: 41
Pháp	: 24

Hạng trẻ 10 tuổi bắt đầu đi kiếm tiền chỉ thấy ở bên Na-Uy và Mỹ (23 trẻ Na-Uy, 16 trẻ Mỹ). Ở 2 nước đó, sự vật lộn để kiếm miếng ăn bắt đầu quá sớm !

Giờ ngủ.

Các học sinh bắt đầu đi ngủ vào khoảng mấy giờ?

Theo bản điều tra thì bên Pháp, trẻ em ngủ trung bình vào hồi 9 giờ tối, cũng như bên Mỹ và bên Na-Uy. Bên Anh, trẻ em ngủ sớm hơn 15 phút. Trẻ em Đức, như đã nói ở trên, ngoan nhất và đi ngủ ngay từ 8 giờ 15 tối.

Kết luận.

Trên đây là những bản thống kê do viện Gallup lập ra, sau khi đã phỏng vấn 2068 trẻ em 10 tuổi và 2074 trẻ em 14 tuổi. Đọc qua, ta có thể có một ý niệm khái quát về đời sống của các học sinh 5 nước bên Âu Mỹ. Dĩ nhiên là cuộc điều tra này, cũng như nhiều loại điều tra khác trên thế-giới có một nhược điểm chung : là không thể nào cho ta biết một cách hoàn toàn khoa học đời sống học sinh với tất cả mọi phương diện, mọi khía cạnh của nó. Nhưng đó lại là một chuyện khác và vấn đề có nên hay không nên tin các bản thống kê, ở ngoài phạm vi bài này.

NGUYỄN-TRẦN-HUÂN

HỘP THƯ BÁCH-KHOA

Những bài đã nhận được :

Buổi chiều cây xanh, hai tiếng khóc (Đường-Thiên-Lý) — Đáng ba (Huyền-Tôn-Tử) — Nhớ mong (Thế-Thanh) — Người giữ hạnh-phúc (Gầu) — Ma quái, Mơ về đất Bắc (V B.) — Đơn côi (Huyền-Phong-Tử) — Hồn thơ (Cao-Bá-Dương) — Hoàng hôn (Hoàng-Điệp) — Xuân thanh bình, Tản cư (Nguyễn Lang) — Là me bay ngoài trời (Hoàng Nhất Ly) — Chiều quê, Tiếng tinh (Phan-Hiền-Đức) — Khi ta thương nhớ em (Vy Hoàng Đô).

Xin trân-trọng cảm ơn các bạn. Tất cả những bài trên đây, nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng trừ trường hợp đặc-biệt có thư riêng thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cho. Đa tạ

— **Ô. Kim-Lương** (Kontum) : Nhuận bút bài Thi-xã, chúng tôi đã chuyển cho ô. Phạm-Thái-Thủy từ 1-6-61 rồi.

— **Ô. Trịnh-Thiên-Tứ** (NhaTrang) : Đã nhận được thư bài của ông — trân trọng cảm ơn ông Sẽ có thư riêng

SÁCH MỚI

— Chúng tôi nhận được những sách sau đây :

— **Thần-Liên thi tập** của Thần-Liên Lê-văn-Tất, do tác-giả gửi tặng, — Trọn bộ 16 tập đóng chung, bìa giấy, giá 100đ. — **Liêu-Trai chí-dị** (tập II), Nguyễn-Hoạt dịch, cơ-sở Tự-Do xnất-bản, do nhà xuất-bản gửi tặng. Sách dày 226 trang, bản đặc biệt, không đề giá.

— **Tâm sự kẻ sang Tần**, kịch thơ của Vũ-Hoàng-Chương do tác-giả gửi tặng. Sách dày ... trang, giá...

— **Đôi mắt** của Phạm-Phạm, Thời-Trân xuất-bản, do tác-giả gửi tặng. — Sách dày 159 trang giá 40đ.

The Colombo plan story do nha Kế-hoạch gửi tặng.

ĐÍNH CHÁNH

Bách Khoa số 109, mục « *Phỏng-vấn* » :

— trang 82, tiểu sử Linh-Bảo, dòng 3 : *Văn-hóa Ngày nay* (không có dấu phết ở giữa).

— trang 84, tiểu sử Nhất-Linh, về đoạn tác-phẩm xin thêm : *Viết và đọc tiểu-thuyết* (biên khảo 1961), Dòng sông Thanh-Thủy, 1 : *Ba người bộ hành, 1951*).

— trang 86, cột 2, dòng 5 : *đã* có thư ; dòng 27-32, xin đọc « Thành thử chúng ta có thể cho quan-niệm, kỹ-thuật, kinh nghiệm của Nhất Linh về tiểu-thuyết trong quyển : « Viết và đọc tiểu thuyết »..., *tuy* tác giả đã viết ..»

— trang 87, cột 1, dòng 1 : « Nhất Linh kể tiếp, cho *biết*...» ; dòng 7 : nó quyến rũ .. »

VỪA PHÁT HÀNH

Việt-Nam Văn-Học Giang-Bình

của PHẠM-VĂN-DIÊU

GIẢNG BÌNH VĂN HỌC THẾ KỶ XIX,
VĂN HỌC TIỀN BÁN THẾ KỶ XX

— Tập sách giáo khoa dẫn đầu phong trào biên soạn sách giảng văn, văn tuyển ĐỆ-NHỊ và ĐỆ-TỨ.
— Một tập bình giảng văn học đúng với danh xưng đã được báo chí và học giới tám năm qua đặc biệt tán thưởng.
— Kỳ tái bản này sửa chữa cẩn thận, gồm thêm trên 350 trang tăng bổ, tổng cộng 612 trang.
— Rất đầy đủ cho GIỚI TỰ HỌC.

Giá bán toàn quốc : **160$**
Nhà Tân-Việt Xuất-Bản

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

☆

DIVISION VIETNAMIENNE :
2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON
Tél. : 23.741 — 23.742

☆

Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.**
Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane — Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.
Installations de gazothérapie.
Notre service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.